

# KỶ SỔ KIẾN - THIẾT

LOẠI ĐẶC - BIỆT

## Thanh-niên bảo-vệ hương-thôn

Phát - hành 4 kỳ

Loại I	mở ngày	10-5-1960
— II	—	24-5-1960
— III	—	7-6-1960
— IV	—	21-6-1960

Mỗi vé giá 10\$

K. D. số 158 — Saigon, ngày 26-4-1960  
In tại nhà in TẤN-PHÁT—283 Gia-Long — Saigon  
Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

# PHỔ THÔNG

TẬP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM  
PHỒ BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỐ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



## BỘ MỚI SỐ 34 — 15-5-1960

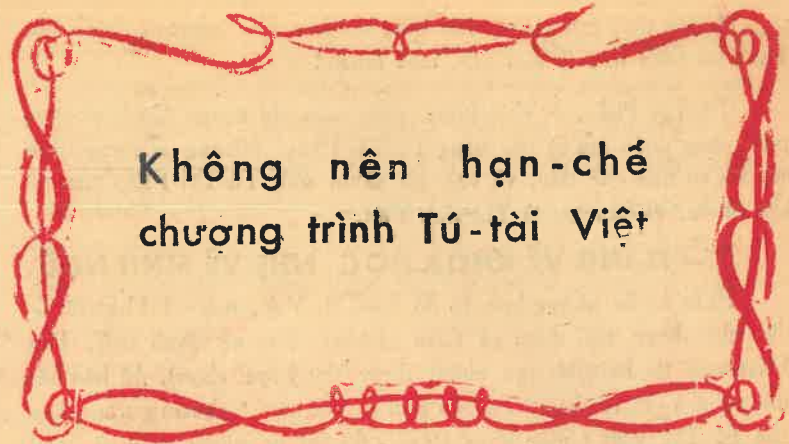
- 1.— Chương trình hạn chế Tú tài Việt . . . Nguyễn Vỹ 7—9
- 2.— Máy dạy học . . . . . G.R. Price 10—14
- 3.— Những áng thơ hay . . . . . Thăm Thệ Hà 15—18
- 4.— Nguyễn trường Tộ . . . . . Võ bá Hải 19—24
- 5.— Đàn nam (thơ) . . . . . Trần Tuấn Kiệt 25
- 6.— Đôi bàn chân đẹp (truyện ngắn) . . . . . Mặc Thu 26—29
- 7.— Louis Armstrong, một thiên tài . . . Lâm hữu Ngân 30—37
- 8.— Con người bí mật . . . . . Song An 38—42
- 9.— Thi tứ của Chính phủ thời xưa Nguyễn đình Diệm 43—45
- 10.— Văn sĩ thi sĩ tiền chiến . . . . . Nguyễn Vỹ 46—50
- 11.— Mưa chiều (thơ) . . . . . Huy Phương 51
- 12.— Con so nhà mạ (truyện ngắn) . . . . . Mỹ Khanh 52—58

13.— Hai cô vợ của văn hào Dostoievsky . . .	Tân Phong	59 — 66
14.— Cléopâtre, người đàn bà lòng danh . . .	Tân Phong	67 — 75
15.— Một bài thơ của Nhật Hoàng Hiro Hito . . .	Hội Tiên	76 — 77
16.— Chớm hè (thơ) . . . . .	Hoàng hương Trang	78
17.— Người học trò bị chôn sống . . . . .	Võ Oanh	79 — 81
18.— Hai thâm kịch (truyện ngắn quốc tế)	Lâm tùng Sinh	82 — 92
19.— 18 năm trước Thơ mời đã chiến thắng .	Phượng Hải	93 — 97
20.— Minh ơi ! . . . . .	Diệu Huyền	98 — 108
21.— Cô gái điên . . . . .	Vi huyền Đắc	109 — 113
22.— Thơ lên Ruột . . . . .	Diệu Huyền	114 — 115
23.— Chuyện cà-kê . . . . .	Trọng Tấu	116 — 119
24.— Sách báo mới . . . . .	P. T.	120 — 121
25.— Kiên trinh . . . . .	Vân Nga	122 — 124
26.— Đáp bạn bốn phương . . .	Bạch Yến và Diệu Huyền	125 — 130

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu . . . Cô Diệu-Huyền  
 ✪ Bản kèm . . . . . Nguyễn-Vân-Dầu  
 ✪ Bìa Offset . . . . . Vạn Quốc

● Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chi PHỒ-THÔNG nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chi PHỒ-THÔNG và đừng viết tắt.

● Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.  
 ● Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.  
 Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam



## Không nên hạn-chế chương trình Tú-tài Việt

Có lẽ tại vì hiện nay trong nước ta thiếu trường Đại-học, và thiếu giáo sư Đại-học, cho nên Bộ Quốc-gia Giáo dục phải dùng đến một vài biện pháp như sau đây chẳng? Thí dụ như hạn chế số học trò thi đậu Tú tài và T.H.Đ.N.C.; hạn chế chương-trình Tú tài và Trung-học. Còn một biện pháp nữa, thì chúng tôi vẫn không hiểu được lý do, là dạy rất nhiều về vạn vật học và toán lý-hóa, mà trái lại, dạy rất ít ngoại ngữ.

Kết quả chính sách giáo dục hạn chế ấy đã biểu lộ rõ ràng trong hai niên khóa vừa qua, như người ta đã thấy :

**I — SỐ HỌC TRÒ ĐI THI Đ.N.C. VÀ TÚ TÀI RẤT ĐÔNG, NHƯNG ĐỒ RẤT ÍT.** Các em đồ rất ít, không phải vì các em không chăm học, hoặc vì các em kém thông minh. Người ta đã nhận xét rằng thí sinh rớt nhiều là vì một lý-do quan-trọng khác : là chương trình học khóa thì bị hạn chế bớt lại, mà đề thi cho thí sinh thì lại khắc nghiệt hơn. Nghĩa là đề thi cao hơn trình độ của học sinh.

Tháng trước, ông Bộ trưởng Bộ Giáo dục có tuyên bố rằng : cần phải thi khó thì bằng cấp mới có giá trị. Ai cũng đồng ý như vậy, nhưng nếu muốn tăng cao giá trị của bằng cấp trung học và Tú tài Việt, thì phải mở rộng chương trình học khóa chứ sao lại hạn chế bớt đi ?

Muốn tăng cao giá trị văn bằng mà hạn chế chương trình học khóa thì hình như là một việc mâu thuẫn!

Tú Tài Pháp, ở Việt-Nam, cũng vừa thi xong. Có lẽ ai cũng phải công nhận giá trị của bằng Tú-Tài Pháp. Nhưng chương trình của họ có hạn chế đâu, và vừa rồi số thí sinh Tú-Tài Pháp vẫn đồ khá nhiều, và hầu hết là Thí-sinh Việt.

## 2. — NẶNG VỀ KHOA-HỌC, NHẸ VỀ SINH-NGŨ.

Phần nhiều những bạn đã đỗ Tú-Tài Việt, hoặc T.H.Đ.N.C. đều nhờ được trội điểm về Toán lý-hóa. Còn về Anh ngữ, hay Pháp ngữ (là hai sinh ngữ chính được tùy ý lựa chọn), thì hầu hết đều tự nhận là rất kém. Tại sao kém? Cứ xem "chương trình hạn chế Tú Tài Việt" niên khóa 1959 - 60 thì tự nhiên thấy rõ. Đại khái Pháp-Văn ở Ban C (văn chương) và B (khoa học) thì dạy về Văn học sử Pháp đầu Thế kỷ XIX, « THUYẾT GIẢNG BẰNG TIẾNG VIỆT. Cho bài toát yếu bằng tiếng Pháp ».. « Chỉ trích giảng những đoạn văn của các tác giả sau đây : Molière, Racine, La Fontaine, Voltaire, Rousseau, Buffon (trong một bản chương trình ấn hành, chúng tôi thấy ghi là Bouffon (I) » Chúng tôi thiết tưởng trình độ Tú Tài Việt mà chỉ học qua loa (vì giảng bằng tiếng Việt) mấy tác giả kia, thì làm sao « tăng cao giá trị bằng Tú Tài Việt » được? Về « Anh văn cũng THUYẾT TRÌNH BẰNG TIẾNG VIỆT về Đại-cương Văn-học sử Anh Thế-kỷ 19 và 20, và chỉ giảng vài đoạn văn tiêu biểu của vài tác giả hiện kim »!

Lạ nhất, là ở ban B dạy về Văn học sử Pháp, hoặc Anh, mà cũng "chú-trọng về những bài có tính cách khoa-học"!

Chương-trình Sinh ngữ Anh, Pháp, thì sơ sài như thế, (có thể nói là quá sơ sài, chỉ bằng chương-trình lớp Đệ ngũ của các trường Trung-học Anh, Pháp) mà đến kỳ thi, lại cho những đề thi thật khó, cao hơn chương-trình học khóa, cho nên đại đa số thí sinh đều rớt nhào hết, có gì lạ đâu! Chương-trình Sinh-ngữ của Tú-tài Việt chưa dạy học-sinh làm nổi một bài luận văn, chưa hiểu nổi một tác-

giả, mà kỳ Thi lại cho cả DISSERTATION LITTÉRAIRE, DISSERTATION MORALE! Thật là một thử thách vượt quá tất cả những sức tưởng-tượng!

## 3. — SINH - NGŨ TỪ TÚ - TÀI LÊN ĐẠI - HỌC

Hầu hết các Sinh-viên đã đỗ Tú-tài Việt toàn phần đều nhờ được số điểm khá cao về Toán Lý Hóa cứu vớt cho. Bây giờ các bạn ấy xin vào các trường Đại-học chuyên khoa. Vào đây, các bạn lại thấy cái thắc-mắc làm cho bỡ-ngờ và chán-nản, rút cuộc rồi phần nhiều đành bỏ dở.

Vì các trường Đại-học như Y-khoa, Dược-khoa, Khoa-học, đều dạy các môn chuyên khoa bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh, và các giáo-sư danh tiếng cũng đều là người Pháp, hoặc người Mỹ. Tiếng Việt vào đây không được trọng dụng lắm. Vì lẽ rất dễ hiểu là tất cả các môn ấy đều dạy theo sách Pháp, hoặc Mỹ của các nhà Bác-học của họ, chứ y-học của ta còn ở một trình độ chưa có những loại sách kia.

Vì thế, sinh-viên Tú-tài Việt, kém ngoại ngữ vì chương trình hạn chế ở Trung-học, vào Đại học không làm sao học được nữa. Vào đây, các bạn thanh niên tuấn-tú kia không có lối-thoát, chớ đừng nói là lối tiến lên cho theo kịp với Y-học, và Khoa-học Quốc-tế.

Vài trường Đại học khác như Sư-phạm, Luật-khoa... có thể dạy bằng tiếng Việt, nhưng lại cũng phải kê cứu các sách ngoại-ngữ, và đa số giáo sư Việt ở các lớp Đại-học đều giỏi ngoại-ngữ hơn là Việt-ngữ, cho nên họ cũng thích giảng giải bằng ngoại-ngữ nhiều hơn.

Tình trạng Trung học và Đại học của nước ta hiện giờ đã rõ rệt như trên, chúng tôi mong rằng ai nấy cũng có can-dảm nhìn thẳng vào thực tế, và hy vọng Bộ Giáo-Dục giải quyết cách nào những mâu thuẫn mà chúng tôi vừa trình bày.

N. V.

# MÁY

# DẠY HỌC

• G. R. PRICE

Ký-giả của Tạp-chí THINK

## M

ỘT phát minh quan-trọng vừa xuất-hiện là chiếc máy dạy học, tuy rằng rất đơn-sơ giản-tiện đến nỗi một học-sinh nhỏ cũng có thể tự làm lấy được, nhưng tầm quan-trọng của nó đã liệt nó vào hạng phát-minh giáo-dục lớn lao nhất trong những năm gần đây.

Cái máy tân-kỳ do giáo-sư đại-học Harward, ông BURRHUS. F. SKINNER sáng-chế. Ông chuyên về ngành tâm-lý giáo-dục và tại phòng thí-nghiệm của ông ở Harward, ông đã từng DẠY CHIM BÒ CÂU ĐÁNH BÓNG BÀN và DƯƠNG-CẦM, DẠY CHUỘT TUNG BANH BẰNG MŨI và nhiều súc vật khác làm đủ trò kỳ lạ mà từ trước đến giờ chưa chắc ai đã làm nổi.

Mãi tới mấy năm gần đây giáo-sư Skinner mới chú-trọng đến vấn-đề giáo dục của loài người và kết-quả là ông đã sáng-chế ra nhiều cái máy để dạy các môn như ĐẠI SỐ-HỌC, NGÔN-NGỮ-HỌC, TÂM-LÝ-HỌC, VẬT-LÝ-HỌC, VĂN-PHẠM và TẬP-ĐỌC.

Một trong những cái máy đơn-sơ nhất trong số đó, là một cái hộp rất thấp trên mặt có một lỗ hống như cái cửa sổ, và một cái

## MÁY DẠY HỌC

cần để đẩy tờ giấy từ phía trước ra phía sau. Tuy trông nó rất đơn-sơ, nhưng nó có tác-dụng giải-quyết được những vấn-đề cấp-bách nhất trong vấn-đề giáo dục ngày nay.

Thí-dụ, máy đó có thể giúp giáo-sư khỏi phải làm nhiều công-việc phiền-toái, để dành thì giờ dạy thêm nhiều học-sinh khác. Còn đối với những học-sinh lười biếng thì máy này sẽ giúp chúng ham học hơn, vừa học vừa thấy thú-vị. Những học-sinh đang tập đọc có thể thấu-ngần thời-gian từ 9 tuần-lẽ còn lại có 5 tuần, còn những học-sinh nào đang học về toán, là môn học mà nhiều học-sinh ghét nhất, sẽ cảm thấy thú-vị vô cùng, học mà không thấy chán.

Điều ly-kỳ nhất là những chiếc máy dạy này có khả-năng khuyến-kích học-sinh học-hành chăm chỉ hơn và đồng-thời học-sinh cũng thấy sự học dễ-dàng và thú-vị hơn, nên ngay những học-sinh kém cỏi nhất cũng có thể học được những môn rất khó mà không chán-nản.

★

INHUNG, chỉ một cái hộp đơn-sơ như thế mà làm sao lại đem lại những kết-quả kỳ lạ như vậy nhỉ? Thực ra thì không hẳn là cái máy đó là vật chính, nhưng vật chính là tờ chương-trình dạy học mà người ta đã nhét vào trong cái máy đó để học-sinh nhìn đó mà theo. Tờ chương-trình này là một phương-tiện nhờ đó giáo-sư có thể liên-lạc với học-sinh, còn cái máy cũng chỉ là một phương-tiện để giúp học sinh theo đúng tờ chương-trình đó một cách có phương-pháp mà thôi.

Theo như phương-pháp dạy súc-vật của giáo-sư Skinner thì ông có thể đặt con chim bồ câu giữa nhà và chỉ trong vòng năm phút là ông có thể khiến nó đi theo hình số 8 bằng cách ra hiệu và tung thức ăn cho nó đúng lúc.

Phương-pháp huấn-luyện dần dần như thế gọi là uốn-nắn: người huấn-luyện viên uốn-nắn cử-động của súc vật cũng chẳng khác nào một nhà điêu-khắc nặn một cục đất sét vậy. Nhưng nếu ta chỉ biết thưởng chim bồ câu

khi nó đi được theo hình số 8, thì chắc phải mất hàng tháng nó mới đi được, và chắc phải mất nhiều tháng nữa nó mới đi lại lần thứ hai. Trái lại ông Skinner đã hướng dẫn nó đi được theo hình số 8, vì trước hết ông đã phải khuyến khích nó cử-động, rồi khuyến - khích nó đi vào đường cong của số 8, cho đến khi nào nó đi được đúng theo ý muốn của ông.

Định-luật huấn-luyện của ông Skinner có thể tóm tắt như sau :

● Định-luật 1 : khuyến-khích cử-động theo ý muốn của mình càng nhanh càng hay.

● Định - luật số 2 : khuyến-khích càng nhiều càng tốt.

● Định - luật số 3 : uốn - nắn cử-động theo khuôn mẫu mình đã định trước dần dần từng bước một.

● Định - luật số 4 : khuyến-khích bằng cách thưởng - thưởng càng nhiều càng hay, nhưng không nên trừng phạt, và nhất là nên tránh những sự trừng-phạt quá gắt gao (vì không ai có thể nào dạy được con chim bồ câu đánh dương - cầm bằng cách đánh đập nó. Cũng như không ai có thể dạy một em bé

học vần bằng cách trừng phạt nó).

Trên đây là những nguyên-tắc chính, nhưng các trường-học không bao giờ theo đúng, vì những lý-do sau đây :

● (1) Sự khuyến - khích thường thường bị chậm trễ : Mỗi khi học-sinh nộp bài làm, phải đợi mãi hai ba ngày sau mới được trả lại với con số điểm ghi ở trên đầu bài.

● (2) Sự khuyến-khích không được đều đều : Trong số hàng trăm, hàng nghìn những bước đầu trong việc học hành, rất ít được khuyến-khích, hoặc bằng số điểm của thầy giáo cho, hoặc bằng lời tán thưởng của thầy giáo.

● (3) Sự khuyến - khích chỉ được áp-dụng với những cử-động lớn, những hành-vi to-tát, chứ ít khi được áp- dụng cho những hành vi, cử - động nhỏ, những cố gắng nhỏ và riêng-biệt trong việc học hành.

● (4) Và sau hết, sở-dĩ học-sinh phải chăm học chẳng qua vì sợ thì đúng hơn, sợ Thầy giáo hay Cô giáo giận, sợ bị cho điểm xấu, hoặc sợ bị ông hiệu-

trưởng quở trách, sợ thua sút bạn-bè, hoặc sợ nhà trường gọi thư về báo-cáo với cha mẹ, v.v... Với máy dạy học của ông Skinner, người ta có thể tránh được những nhược điểm kia

Đối với nam nữ học-sinh, người ta không cần phải thưởng công bằng cách cho kẹo, như người ta ném thóc mỗi khi dạy bồ câu. Giáo-sư Skinner khuyến-nghị rằng phần thưởng tự-nhiên của con người là mỗi khi mình nhận thấy đã học được điều gì hoặc giải-quyết được vấn-đề nào một cách đúng. Đối với con trẻ đùa nghịch cũng là một cách học hỏi của chúng vậy và cũng vì vậy nên người ta cũng không lấy gì làm lạ khi thấy chúng sử-dụng máy dạy học một cách rất chăm chú, mà rất thú-vị.

Thí dụ như với máy dạy của học-sinh tập đánh vần dùng, thì câu hỏi mỗi lần được đẩy qua cửa sổ của hộp, và cái cần chỉ đẩy một tờ giấy theo một chiều duy-nhất. Sau khi học-sinh viết câu trả lời trên tờ giấy ấy, học-sinh đẩy cái cần để đẩy câu hỏi và câu trả lời qua phía trên cùng của cửa sổ, toàn bằng

chất kính hoặc nhựa, nên học-sinh vẫn còn nhìn thấy được, nhưng không thể sửa lại được câu trả lời của mình đã viết. Trong khi đó thì câu trả lời đúng của nó từ từ xuất-hiện ở phần dưới cửa sổ. Học-sinh chỉ việc so-sánh hai câu trả lời, rồi tự cho điểm, và lại tiếp tục làm câu khác.

★

ĐỐI với 4 định-luật huấn luyện của giáo-sư Skinner thì phương-pháp đó có phù-hợp không ? Trước hết, định-luật thứ nhất đã được thỏa-mãn, sự khuyến-khích rất nhanh chóng. Điểm thứ hai, sự khuyến khích xảy ra liên tiếp vì máy dạy không ngừng khuyến khích học-sinh trả lời đúng mỗi câu hỏi, chẳng khác gì có một ông thầy kiên - nhẫn kèm bên cạnh vậy. Điểm thứ ba, chương-trình được xếp đặt để học-sinh theo từng bước một, để hướng-dẫn học-sinh hiểu biết và học hỏi một cách dễ - dàng. Và điểm thứ tư là, sự khuyến-khích phần lớn đều là phần thưởng (sự thích thú đã trả lời được đúng) và tránh sự buồn và mặc cớ, mỗi khi nghe giáo sư

nói rằng mình trả lời không đúng). Do đó 4 định-luật đều được thỏa-mãn, và những kết-quả mà cái máy đó đã đem lại chứng tỏ rằng trên đời không có động lực nào thúc đẩy con người học-hành hăng-hái cho bằng mỗi khi mình nhận thấy rằng mình đã trả lời đúng được câu hỏi mà mình vừa trả lời xong, vì đó là một phần thưởng tinh-thần vô giá.

✱

Nhiều kiểu máy dạy tương-tự đã được chế ra tại Harvard tại Đại-học-đường Georgia, Đại học đường Kentucky v.v... Có những máy có gắn thêm đĩa hát để dạy ngoại-ngữ. Những máy của sinh-viên Harvard và Radcliffe dùng trong lớp vạn-vật-học cũng không có gì khác, ngoại-trừ mỗi khi câu hỏi nào chưa được trả lời đúng điều xuất hiện trở lại nhiều lần, đến khi nào sinh-viên trả lời đúng mới thôi.

Những máy dạy tương-lai sẽ ra sao? Chắc người ta sẽ chế ra hai kiểu. Một kiểu cũng đơn

sơ và rẻ tiền như kiểu máy hiện nay, để mỗi học-sinh đều có thể có một cái để dùng trong lớp học và một cái nữa để làm bài ở nhà.

Những học-sinh dùng máy dạy hiện tại có học hỏi thêm hơn được gì không? Trước khi trả lời dứt khoát được câu hỏi đó, chắc người ta còn phải tốn thêm nhiều công-phụ nghiên-cứu, nhưng có điều là những kết-quả đầu-luợm được cho đến nay chứng tỏ rằng học-sinh dùng máy này học được nhanh hơn và dễ-dàng hơn và thích-thú hơn. Và dĩ-nhiên, những cái máy tương-lai còn hứa hẹn nhiều hơn nữa.

Còn đối với giáo-sư thì sao? Hiện nay thì giáo-sư phải làm việc nhiều hơn để chuẩn-bị chương-trình và bắt đầu dạy học bằng máy dạy. Nhưng sau khi đã hoạch-định chương-trình và thể thức rồi thì những máy này sẽ giúp giáo-sư thư-thái hơn nhiều và sẽ dư được nhiều thì giờ để chú-trọng đến từng học-sinh một.

## những áng thơ hay

✱ THẨM-THỆ-HÀ

Tình của đời ta truyện ái-ân.

✱

Dù biết núi sông hay mách lẽ  
Chim hăng riu rít, suối hăng reo,  
Nhưng không sông núi, đâu thi-tứ,

Đâu có vãn thơ tả tâm yêu?

ĐỖ HUY-NHIỆM

**X** U A nay, vạn vật vốn là nguồn thi liệu phong-phú của khách tao nhân. Lamartine-Ronsard của phương Tây; Lý Bạch, Đỗ-Phủ, Nguyễn-Khuyến, bà Huyện-thanh-Quan của phương Đông, biết bao thi-nhân đã hòa đồng tình-cảm với thiên-nhiên để dệt nên những vãn thơ, điểm tuyệt. Vạn vật vốn là kho

## VẠN VẬT

Anh đã nhắn trăng và gọi gió  
Đến làm thi-tứ viết cho em.  
Những khi em đọc thơ anh viết,  
Em có hay chăng những nỗi  
niềm

Của khách yêu thơ, lại ít tài,  
Nhớ em, muốn viết những thiên  
dài  
Dâng em những bức tranh dăm-  
thăm  
Của ngọn trào lòng lúc lảng lai.  
Mà chỉ vịnh trăng cùng tả gió,  
Không trăng, không gió, chẳng  
ra vãn,  
Đành đem thổ-lộ cùng song núi

tàng chung đề khách tài hoa  
hưởng-thụ và khai-thác.

Nhưng có một thời đại, thi-sĩ chỉ muốn mượn thiên nhiên để thổ lộ tâm-tình : đó là thời-đại mà khuynh hướng lãng-mạn phát-triển cực thịnh ở Việt-Nam. Hàn-mạc-Tử, Chế Lan-Viên say trăng sao như người ta say men rượu ; Xuân-Diệu, Lưu-Trọng - Lưu yêu gió mây như người ta yêu lý-tưởng cao xa. Và còn có một nhà thơ coi thiên-nhiên như là một nhu cầu cần-thiết cho tâm tình, coi sông, núi, gió, trăng là nguồn thi-tứ để dệt nên những lời yêu-đương thắm-thiết : nhà thơ ấy là ĐỖ HUY - NHIỆM.

Đối với thi-sĩ Đỗ Huy-Nhiệm, tình yêu và thiên-nhiên là hai yếu tố để tạo thành Thơ. Thiếu tình yêu, thi nhân thiếu mạch sống. Thiếu thiên - nhiên, mạch sống sẽ không được khai - triển thành nguồn Thơ. Cho nên thi - sĩ đã đi tìm tình yêu như người ta đi khơi một mạch sống. Khi đã tìm được tình-yêu rồi, chàng muốn đem nó hòa-đồng với gió, trăng :

*Anh đã nhắn trăng và gọi gió  
Đến làm thi-tứ viết cho em.*

Tình của thi-nhân rất đẹp và

cũng thật ngổ-ngần như trẻ con ! Có ai tưởng-tư-ợng được lời của chàng gọi gió ? Có ai nghe được lời tâm-tình của chàng thủ-thị với trăng ? Vậy mà chàng rất thành-thật ; thành-thật với lòng mình, thành-thật cả trong lời thơ. Những lời nhắn, tiếng gọi ở đây có thể chỉ là những lời nhắn, gọi thầm-án tự thâm-tâm, dựng sự giao-cảm giữa nội-tâm và ngoại-cảnh. Tình-yêu khơi nguồn rung-động ; gió trăng mới thực đem lại thi-tứ cho chàng.

Tuy-nhiên, thi-sĩ vẫn e-ngại :

*Những khi em đọc thơ anh viết,  
Em có hay chăng những nỗi niềm.*

Điều e ngại của chàng rất chính-đáng, vì giai-nhân có thể yêu thi-sĩ, nhưng mấy ai hiểu được tình-yêu của thi-sĩ ? Người yêu chỉ cần ở chàng những lời ái-ân thắm-thiết, những cử-chỉ vuốt-ve, âu-yếm thường tình, chớ đâu cần những lời thơ chứa đựng toàn những cảnh - sắc thiên-nhiên ?

Sống trong yêu-đương tức là sống trong nhớ-nhung, mơ-mộng. Thi-sĩ là người giàu tình-cảm thì sự nhớ-nhung, mơ-mộng lại càng thắm-thía hơn ai. Chàng muốn

cởi mở tấm lòng băng - khuâng, xao-xuyến ấy trong những thiên dài, nhưng chàng cảm thấy mình không đủ tài-ba để diễn - tả tất cả nỗi-niềm.

*Của khách yêu thơ, lại ít tài,  
Nhớ em muốn viết những thiên dài*

*Dâng em những bức tranh dăm-thăm*

*Của ngọn trào lòng lúc láng-lai.*

Sự khiêm-tốn của chàng được đặt rất đúng chỗ, rất tâm-lý. Có ai đọc những lời thơ ấy mà lại tin rằng chàng là kẻ « ít tài » ?

Cách dùng chữ theo lối « PHẢN-NGŨ » của Đỗ Huy-Nhiệm làm ta nhớ đến thi-pháp của Nguyễn-Bình - Khiêm trong bài « Cảnh nhàn » :

*Ta đại, ta tìm nơi vắng-ve,*

*Ng rời khôn, người đến chốn*

*lao-xao*

Cụ Nguyễn-Bình-Khiêm áp-dụng lối phản-ngữ rất tài tình, nhưng Đỗ Huy-Nhiệm lại còn tài-tình hơn. Ở Nguyễn-Bình-Khiêm, cái tài-tình được thể-hiện trong sự chơi-chữ, trong kỹ-thuật tiêu-xảo điêu-luyện ; ở Đỗ Huy-Nhiệm, cái tài tình được thể-hiện qua lời thơ duyên-dáng, thành-thật, với một kỹ - thuật khéo-léo,

để gọi cảm-tình. Hơn nữa, nhạc thơ rất phù hợp với tình cảm thi-nhân. Những vần trầm bình « *tài, dài* » tạo thành âm-điệu, lê-thê, âm-hưởng câu trên kéo dài ra đến âm hưởng câu-dưới, diễn tả được nỗi nhớ nhung vương - vít, đeo-đăng trong lòng của « *khách yêu thơ* ».

Mối tình của Đỗ-Huy-Nhiệm rất lạ lùng và cũng rất nên thơ. Trong khi Xuân - Diệu hét lên nỗi niềm náo nức của chàng trai rạo-rực bởi nhu cầu sinh-lý :

*« Hãy sát đôi đầu, hãy kẻ đôi ngực,*

*Hãy trộn nhau đôi mái tóc vẫn dài... »*

thi sĩ Đỗ Huy-Nhiệm chỉ thích tỉ tê tâm sự với gió trăng, thổ lộ truyện ái-ân cùng sông núi :

*Mà chỉ vịnh trăng cùng tả gió,*

*Không trăng, không gió, chẳng ra vần,*

*Đành đem thổ-lộ cùng sông núi*

*Tình của đôi ta truyện ái ân.*

Đó là những lời tâm-sự chân-thành và cũng là một quan-niệm mới về luyện ái của thi nhân. Người thơ vốn yêu cái ĐẸP và luôn luôn hướng về cái ĐẸP. Chàng đi tìm cái đẹp ở vạn vật

và tình yêu. Hòa-dồng *Tình yêu* với *Vạn vật* là đem cái *Đẹp nhỏ* hòa với cái *Đẹp lớn* để tạo thành một cái *Đẹp tuyệt vời*.

Nguồn cảm-hứng của Huy-Nhiệm đang lưu-loát dạt-dào, đến đây bỗng dừng lại để chuẩn-bị giao hòa cùng nghệ thuật. Lời thơ bỗng trở nên thanh thoát, tươi sáng ; nhạc thơ bỗng trở nên rộn rã, tung bừng :

*Dù biết núi sông hay mách lẻo  
Chim hăng riu rít, suốt hăng reo,  
Nhưng không sông núi, đâu thi tứ,  
Tâu có vần thơ tả tấm gêu.*

Phải, đây chính là lúc mà *Tình Yêu* và *Vạn Vật* đang giao-hòa cùng *Nghệ Thuật*. Không thanh-thoát, tươi sáng sao được ; không rộn-rã, tung bừng sao được, khi mà thi sĩ đã đạt được cái *Đẹp tuyệt vời*.

★



★ **ÔNG CHỒNG ĐIẾC**

Cụ Phan già 70 tuổi, đã điếc tai. Muốn nói chuyện với cụ bà, ông cụ phải viết trên giấy. Một hôm, cãi-lộn với nhau về chuyện gì đó, bà cụ viết hai chữ : « không được » thật to, nét bự, choáng hết cả nửa trang giấy. Ông cụ viết trả lời ở phía dưới : « không được thì thôi chớ có sao đâu mà bà la to dữ vậy ? »

B. T.

NGUYỄN  
TRƯỜNG

T  
Ô

(1828-1871)

★ **VÕ BÁ HẢI**

N

GUYỄN  
TRƯỜNG  
T Ô sinh năm  
1828 ở Nghệ-  
an, lúc nhỏ  
học với ông

thân của ông rồi đến ông Từ-Giai, Cống-Hựu và ông huyện Địa-linh.

Giữa lúc nước nhà đã mất hẳn miền Bắc, ông lại theo mấy Cố-Đạo người Pháp học theo văn-minh Âu-châu. Ông là một tín-đồ trung-kiên của Thiên Chúa giáo.

Khi ở Âu-Châu mới về, ông có dâng sớ điều trần nêu những phương pháp duy tân cải cách theo như Âu tây và xin nhà vua

cho thi hành, nếu không thì măm suy vong chờ chực như một tử thần chờ người hấp hối. Vua Tự Đức giao xuống cho các đình thần trong triều hội kiến và quyết định.

Những nho quan bấy giờ đều bo bo thủ-cự, mới trông qua bản điều trần, các ông đều lắc đầu chắc lưỡi, thở dài. Các ông tự nghĩ rằng nếu sửa chữa việc quốc gia theo phurong « bạch-ou » thì lại sai hết cả diêm chương phép tắc của liệt thánh tiên vương đã để lại bao nhiêu đời ! Không thể nào được, nhất định như thế ! Cương thường, qui tắc sẽ diên đảo ! Rồi các ông lại phúc tấu trình mọi việc cho vua và nhất



quyết bác bỏ ý kiến của Nguyễn-trường-Tộ.

Trong đám đình thần lại có ông dùng văn chương hoặc khoa tay múa miệng làm động lòng vua.

VÕ - PHẠM - KHẢI viết bài «*Biện di luận*» trong ấy có câu : « Ta nghe thuở xưa giết Hạng-Vô, không phải dùng thanh-kiếm của Hạng-Vô, bản Hậu-Nghệ không hề dùng cây cung của Hậu-Nghệ, trừ giặc Hung-Nô đâu có cần ngựa tốt tên độc của Hung-Nô mà chỉ dùng chước hay quan giỏi của nhà Hán, cũng như đánh Tần Sở đâu có phải dùng giáp bèn dao bén của Tần-Sở mà chỉ dùng cây gậy của dân nước Tề nước Lương. Cổ ngữ nói : thấy sự gì quái lạ, tự nhiên sự quái lạ ấy tự hết ; thấy cộp đùng sợ, tự nhiên cộp phải sợ mình. Nay các anh dùng tung bốc người Tây là tài khéo thì họ có khoe khoang tài khéo với ai được ... Với cái luận điệu cú-rích mà đề tài là những gương lịch-sử cò lỗi thời, nhưng các ông tự cho là đặc-chí vì đã giữ vững đạo Nho.

Những lời tâu ra vô của các quan đến vua Tự-Đức, làm cho vua dự dự nhất là về thể-lực của người Tây phương và vì chính-

kiến của Nguyễn-trường-Tộ mà định sửa sang triều chánh, nhưng hại một nỗi là nhà vua không can đảm lãnh trọng-trách lớn lao của quốc-gia nên chi cũng nhờ sự giải quyết của các quan đại thần. Đọc sử, ta thấy vua Tự-Đức là người con rất có hiếu với mẹ là Đức Từ-Dụ Thái-hậu. Bà này thường lấy đạo nghĩa của những vị Liệt-Thánh mà răn dạy con. Cho nên khi vua Tự-Đức muốn cải tổ lại một việc gì theo trào-lưu thì bà lại tỏ ý phiền lòng cho rằng «*lỗi đạo*» !

Vì vậy, dù muốn dù không, vua Tự-Đức vẫn ôm bụng nghe theo lời mẹ và các quan bo-bo giữ nề-nếp cổ hủ !

Thế là Nguyễn - trường - Tộ lại ôm một mối thất-vọng cũng vì lo cho vận nước !

Trong bài điều-trần gửi cho cụ PHẠM-PHÚ-THỨ nói về Thiên hạ đại-thế, ông có câu : « Ông Hàn-Công xưa nói : biết mà không nói là bất-nhân, nói mà không hết là bất nghĩa. Nay tôi tuy ở chỗ giảng-hồ mà lòng vẫn ở nơi để khuyết, tôi không thể trông nước nhà chia xẻ, trăm họ lưu-ly, dù thân phận thấp hèn, cũng chẳng ngại tỏ bày đường đột».

Chương-trình cải tổ đề canh-tân nước nhà, Nguyễn-trường-Tộ chú trọng nhất ở chỗ khuyến nhà vua đừng nghe lời bọn quan lại hủ nho mà mở cửa tiếp đón người Tây phương, học lấy cái hay cái giỏi của người ta Ông hết sức ngạc nhiên bảo rằng : « Nước ta từ xưa đến nay việc gì cũng bắt chước theo Trung-quốc, sao việc giao thông với các cường-quốc lại khinh thị như chưa hề nghe thấy ? ».

Họ Nguyễn đã dẫn chứng : « Nước Trung-hoa ở triều Minh vì phong tỏa các cửa bể, nên bị người Âu đến đánh cho mấy trận kinh hồn. Nhưng từ triều Thanh người Tàu đã biết nhờ người Âu lập xưởng máy dạy trí xảo, chế đồ đạc, đóng tàu bè, mượn người Âu làm quan, để thay họ đi sắm các khí cụ ; lại đặt đại sứ ở các nơi, phái sứ thần đi các nước lớn để mưu cái chước liên-hiệp dọc ngang ».

Tiếc thay những lời thức thời tiên kiến ấy chỉ là tiếng gào nho nhỏ trong bài sa mạc mênh mông ! Năm 1871, trước khi lìa bỏ cõi đời, Nguyễn-trường-Tộ còn lo vận động trong việc tiếp xúc giữa Pháp và Nam triều. Nguyễn-

trường-Tộ ôm một hoài bão, một hận lòng không tan thác xuống. tuyên đài ngày mồng mười tháng mười năm Tự-Đức thứ 24 (nhằm ngày 22-11-1871).

Phải, Nguyễn hận là phải, nỗi lòng u ất của một người như Nguyễn vẫn phải ân hận vì câu : « Chưa đánh được thì hòa để chờ cơ hội, chớ còn cho người sang bên ấy học tập là một việc không nên. Người Nhật là đông di mới học được với Tây di ; chúng ta là con rồng cháu tiên ngàn năm văn hiến há lại học thói mọi rợ được ư ? »

Nguyễn trường - Tộ tận tụy đến thế là cùng, rất tiếc là không gặp vận thời đề thi thố tài năng mà chỉ là trường hợp của một kẻ sáng mắt vào thế giới người dui !

« Tự truyền rằng trước khi ông mất, ở ngực có một cục cứng không tan, khi đã khâm liệm rồi, có một người bạn đến khóc ông và than thở tiếc cho chí lớn ông không đạt được, thì tự nhiên thấy máu thấm ra ngoài vải liệm, cái cục cứng lúc bấy giờ mới vỡ. Có lẽ chẳng đến lúc từ trần, ông còn uất-ức vì lòng ông không ai hiểu thấu » (*Nguyễn trường Tộ cử Từ-Ngọc, trang 26*).

Năm 1925, vua KHÁI-ĐỊNH truy tặng Nguyễn trường Tộ làm *Trực học sĩ*. Văn trứ thuật của ông thiên về nhân tình thế thái và có những ý kiến duy tân. Lúc ở Pháp về, đi đến Hương - Cảng, ông có gặp một giám mục người Anh. Hai ông bắt đầu thân cảm nhau và nhân đó giám mục có tặng cho ông mấy mươi bộ sách quý nhưng dọc đường bị cướp mất.

Sau đây là câu đối cảm hứng khi ông đến thăm miếu Hạng vũ ở Hương-cảng :

« Anh hùng dụng vũ phi vô địa  
« Chiến thắng thành công cái hữu thiên

Ông Lục y-Lang đã dịch như sau :

Dùng võ anh hùng không thiếu đất  
« Nên công chiến thắng ở như Trời.

Trong một dịp đi chơi với bạn làng văn ở một núi nọ tỉnh Quảng Đông, ông có họa một bài :

Thủ nhân tử lý trực đấng sơn  
Túc hạ phong sinh chuyển giác hàn

Hân mạn dĩ cung thương mãng ngoại

Bồi hồi như tại Bích vân đoan  
Tam hoàn thánh thị phân minh khán

Lưỡng Quảng giang sơn chi chửuông gian

Vạn-lý phu dao như khả tá  
Lãng không hồi quốc bất ưng nan

Dịch là :

Thủ nhân bước tới đỉnh non chơi  
Dưới gót hiu hiu gió lạnh người  
Đã lúc lang-thang bên góc bể

Nay còn lơ-lửng giữa mây trời  
Ba vòng thành-thị trông từng chỗ  
Hai Quảng non sông trở khắp nơi.

Muôn dặm gió đưa như mượn được

Muốn về đất nước chẳng bao giờ  
(Lục-y-Lang)

Nguyễn-trường-Tộ được nhà vua phái sang Pháp cùng với giám mục HENRI GAUTHIER (lấy tên Việt là NGÔ-GIA-HẬU) và cố Điều đề mua máy-móc và mượn thợ thuyền. Khi đi qua Đà-Nẵng, một vị-trí giao-tranh Pháp-Việt năm 1856, ông cảm-tác bài thơ sau :

Vạn đại thiên-tri thủ phong-cảnh  
Tây triều hạ sự động binh-đạo

Nhất thiên sát-khí không lưu thủy  
Thiên cổ oan thanh thượng nộ đào  
Giảng tự Tây-Nam song phát hạ  
Môn khai Đông Bắc lưỡng sơn cao

Như kim dĩ khách kình ba tỉnh  
Phá lãng thừa phòng khí tự-hào

Dịch là :

Vũng ầy muôn năm cảnh khác nào

Trời Tây sao bỗng nổi binh đao  
Can qua một sớm đầy sông thảm  
Oan khác ngàn năm dậy sóng ào  
Tự ngã Tây Nam hai nhánh chảy  
Mở đường Đông Bắc cặp non cao

Nay nay sóng cả mừng yên-tĩnh  
Cười gió láng-láng khí tự hào  
LỤC.Y-LANG

Khi đi qua đèo Ngang, ông có làm một bài thơ cảm tác như sau :

Thử địa tích tầng Nam Bắc hạn  
Hân kim nhất thống Bắc Nam bình

Nguy quan túc trặng sơn hà sắc  
Tuyệt đích trung phân vũ trụ hình  
Chiến lũy dĩ tan, lũy cô tích  
Ngư bi trường tại tác sơn linh

Hành nhân mạc thán đấng lâm khồ  
Quá thử phương tri cận đế thành.

Dịch là :

« Đất này xưa vẫn phân Nam-Bắc

Yên ổn mừng nay họp một nhà  
Non thâm chia đôi hình vũ-trụ  
Ái nguy to đủ sắc san hà  
Lũy tàn tích cũ còn lưu lại

Bia ngự non thiêng vẫn chứa lò  
Lên ngắm thôi đừng than vất vả  
Kinh kỳ qua đó chẳng còn xa ». (Lục-y-Lang)

Và khi đi ngang qua Cần-giờ, Nguyễn cũng có làm một bài thơ này :

« Nhơn gia lạo lạc tạp tây-triều  
Nhất vọng bình lâm trấn hiệu yêu  
Sơn khôi tam phong hồi hải ngạn  
Đặng cao nhất trụ dẫn dương thuyền

Quan hà điện đỉnh nhưng y cựu  
Cảnh sắc thương mang dĩ bất tiên

Như thử giang san thủy thị chủ?  
Yến trung trình sự vấn chi thiên.

Chúng tôi xin mượn lời dịch của ông Tiêu chi :

« Nhà dân thưa thớt lòn dinh tây  
Sợ chợ bình-lâm khói sớm bay  
Xúm tảo núi kia ngăn mé biển  
Rọi vòm đèn họ tót tầng mây  
Non sông trợ trợ còn như cũ  
Cảnh sắc buồn teo đến thế này !  
Thử hỏi chủ non ai ấy đó ?  
Muốn cùng trời thăm tỏ lòng đây.

thơ trên đề chứng tỏ lòng ưu-ái  
của họ Nguyễn đối với quốc-gia  
thể sự.

Người ta bảo, cái chết của  
Nguyễn-Trường-Tộ là cả một mối  
hận lòng. Nếu công cuộc của tiên  
sinh được người ta chú-ý đến thì  
đến bây giờ nước ta tiến đến bậc  
nào nữa, và cục-diện quốc-gia  
chắc không phải như bây giờ.



**NAM DƯƠNG**

**25 cái đuôi chuột...**

Hội đồng thành phố Indramayu vừa ban bố một nghị-định về lễ  
thành-hôn. Từ nay, những cặp vợ chồng mới cưới phải nộp tại tòa  
Thị-chính 25 cái đuôi chuột thì mới được cấp giấy hôn thú.

Mục-đích của biện pháp này là ở trong chiến dịch giết chuột  
ở Nam Dương, vì ở Nam Dương chuột nhiều không xiết kể...

**\* LỄ PHÉP**

Vị Linh-mục đề ý rằng cứ mỗi lần ông giảng Đạo, nói về con  
quỷ Satan, thì một tín-đồ cúi đầu xuống rất lễ phép. Một hôm ông  
hỏi người tín-đồ ấy vì sao anh ta cúi đầu như thế, y trả lời :

— Thưa Cha, lễ-phép đầu có mất tiền mua. Biết đâu một  
ngày kia Satan thấy con lễ-phép, không nỡ ám hại con !

B. T.

Đ  
À  
N  
N  
A  
M

Đêm khuya trở lạnh gỏi tình,  
Âm-thanh đồng-vọng nổi hình xu xưa.  
Ôm tròn chiếc gối nằm mơ,  
Kiếp người nhạc-sĩ đợi chờ hư-không.  
Nghe êm tiếng gió ru lòng,  
Hát-hiu lá đổ ngoài sông âm-thầm.  
Chợt ngồi nhớ khách tri-âm,  
Chén trà hương cũ màu thâm ý đời.  
Nghe như quạnh vắng bên trời,  
Người còn hay đã xa rồi nhân-gian.  
Nâng lên tay bấm cung đàn,  
Một vòm khói phủ nhạc tàn bay cao  
Thâm trầm nhịp gọi hồn nhau,  
Nhà bên cô gái nao nao tìm hồng  
Nửa đêm thức giấc hoài mong  
Yêu đàn trúc cả nổi lòng nhớ thương  
Bao la sao lẻ rơi buồn,  
Hoang-vu đất chứa chan nguồn si-mê.  
Đường xa bụi cuốn lẻ-thê,  
Đời ơi ! swong gió cho tê-tái đàn.  
Nơi đâu cát bãi trắng ngàn,  
Nghìn năm váy đậu thuyền lan trên giong.  
Nước xuôi nước đục hay trong,  
Đời vui hay đã vào vòng đau thương  
Nghiêng tai lắng nhạc rung đờn  
Tương mình lạc giữa bài cò hoang-vu.  
Lạnh lùng tiếng nhạc công-phu,  
Hoang-mang như một kiếp tu chưa tròn.  
Đình đời mình thấy cô-đơn,  
Huyết đời thăm-thăm mắt mồn tịch-liêu  
Áo mờ bóng ngã tường xiêu,  
Tình đời chua-chát đàn nhiều hơi Nam.

Sa Giang TRẦN TUẤN KIỆT

T  
H  
O'

# ĐÔI BÀN CHÂN ĐẸP

★ MẶC THU

**T**RONG đêm tối đầy đặc, một đóm lửa đỏ nhô lên, rồi cứ trôi dần trong cái khoảng mênh mông của bóng đêm.

Đóm lửa càng gần. Lê mừng rỡ. Anh đã nghe tiếng thở của nó. Con tàu chạy trong đêm, thở hùng hục như một con quái vật. Đến một khúc quẹo, đúng như Lê đã dự đoán, con tàu đi chầm chậm lại.

Lê không ngăn ngữ, vúi lấy thanh sắt bên thành tàu nhảy phốc lên. Chỉ một cái chượt tay Lê có thể ngã chúi vào trong gầm tàu và có lẽ phút này thân anh đã nát bầy trên đường sắt. Lê thở một cái dài cho hoàn hồn. Anh mỉm cười nghĩ: nếu sự việc đã xảy ra

như vậy trong một phút trước đây thì đời anh sẽ ra sao? Cái xã-hội kia, thiếu đi một anh sẽ có cảm thấy thiếu gì không hay nó sẽ bình lặng như thường nhật mà sống, chịu đựng mà sống?

Gió đêm ở dưới đồng lùa lên lật tung mớ tóc Lê bay lên phần-phật.

Lê lim dim mắt hình dung ra một quang cảnh: nhiều người bu lại trên một quảng đường tàu, bết bết máu. Một thân người bị nghiêng nạt. Trong quần áo nạn nhân không có một mẩu giấy tờ căn cước. Người ta sẽ ghi vào biên bản là một kẻ vô danh và cho đem vùi xuống ba tấc đất. Giản-dị có thể thôi! Nào ai

biết được cái thân đó là của một yếu-nhân trong một đảng phái chống lại "nhà nước bảo hộ".

Bất-giác Lê đưa tay sờ lên cầm. Cầm anh râu mọc tua-tua. Lê biết cái cầm râu xồm-xoàm gớm ghiếc ấy rất bất lợi cho cuộc trốn-tránh của anh.

Bộ quần-áo thì khá thơm, nhờ xin được của một người tốt bụng; Anh thấy phần khởi khi nghĩ đến người đã cho anh bộ áo. Trông vẻ mặt của y hiền-lành, chất phác như thế, Lê không ngờ... Mà Lê không ngờ thực. Anh đã mạnh bạo thú-thực với y rằng anh là một tù chính-trị phạm ở Lao Bảo trốn ra. Mắt y vụt sáng lên. Lê đã tưởng là y sợ. Nhưng không, y vội kéo Lê vào trong nhà, vội-vàng lục lấy bộ quần áo tốt đưa cho Lê, bảo Lê mặc vào. Lê đưa mắt toan tìm một chỗ kín-đáo để thay đồ. Y thân-nhiên bảo Lê:

— Ồ. Vê! Ông cứ đứng đây mà thay rồi còn phải đi gấp vì có thể chúng nó đi tìm ông ngay trong đêm nay.

Lê chỉ biết làm theo y. Lê đã cởi trần truồng trước mặt y mà thay đồ. Y ngảnh mặt đi nói nhỏ:

— Các ông thì không có gì xấu cả. Phải, những người lo

cho việc nước như các ông thì không có cái gì là xấu cả, làm gì mà phải che đậy.

Bộ quần áo y cho Lê có lẽ là bộ quần áo tốt nhất của y.

Lúc Lê chào y đi thì y giật bộ đồ nhà tù của Lê lại:

— Ông để đây để tôi đốt ngay đi cho mất tang-tích! Lê ngồi ngồi xúc động. Có cái gì nặng nặng ở mắt anh. Anh cố ghi nhớ lấy hình ảnh của một người mà anh không biết tên.

Lê biết mình không cô độc. Anh nghĩ đến chung quanh anh, bất cứ ở chỗ nào, còn có bao-nhiều người như thế, chờ đợi ở anh.

Con tàu vào một khúc quanh, tránh hẳn đi. Lê phải bám lấy thành cửa cho khỏi ngã.

Gió đêm lạnh ngắt. Lê bước hẳn vào trong toa. Đó là toa hành khách hạng nhì. Cái bóng đèn vàng quạnh trao đi trao lại, buồn hiu hắt.

Lê đưa mắt nhìn quanh. Cả toa chỉ có một hành khách. Một người đàn bà, đắp chiếc mền trắng chum kín đầu nằm ngủ. Nhịp thở của người đàn bà đều-đặn, tỏ ra đã ngủ say. Lê nghĩ có lẽ đã đến ba giờ khuya.

Con tàu vẫn lướt đi nhanh trong

bóng đêm. Lê dựa vào thành cửa tàu nhìn người đàn bà nằm ngủ bình tĩnh như ngủ ở nhà.

Lê đoán là một người đàn bà tầm thước vừa phải. Hai gấu quần lãnh đen để lộ ra ngoài chiếc mền, với đôi bàn chân thật đẹp. Đôi bàn chân trắng muốt, mồm-mím da thịt. Gót chân đỏ hồng. Những ngón chân thật thanh tú. Lê chắc bụng phải là một người đàn bà đẹp. Anh cố thử hình-dung ra dáng mặt người có đôi chân ấy.

Bất giác Lê tự cười thầm ; một tên tù chính - trị vừa vượt ngục ra, đã trốn lủi hai đêm trong rừng, đương ở lúc nguy còn đứng ngắm được đôi chân đẹp như anh thì thực là kỳ.

Nhưng, mắt Lê không rời được đôi bàn chân ấy. Đôi bàn chân thật dễ-thương, nem nếp thu thu vào nhau, đơn lạnh, như cần được một sự che chở nào. Đôi bàn chân, chưa hề gợn vào một chút gai sắc, da gót còn mỏng tơ, như chỉ để nâng-niu, ve vuốt. Đôi bàn chân ấy đẩy Lê vào một ký-ức. Nó gọi lên óc Lê, một mái nhà ấm-cúng, một chiếc giường êm ... Quả rồi ! Đôi bàn chân Thủy cũng đẹp non-nà như

vậy. Thủy, người vợ mới cưới của Lê mà Lê bỏ ra đi giữa lúc nàng đương mang thai ba tháng. Từ bấy cho đến nay, biết bao nhiêu thay đổi trong cuộc đời Lê. Anh thầm đoán : Thủy vẫn đợi anh với đứa con mà anh vẫn không biết là trai hay gái.

Gió gãn về sáng càng lạnh thêm. Tự nhiên Lê thấy se thắt trong lòng. Anh muốn tới gần, kéo chăn đắp lên đôi chân của người đàn bà đương ngủ.

Kỳ thật ! Đôi chân ấy, không là gì mà bỗng-nhiên làm được cho tâm-hồn Lê mệ-mỏi. Lê bỗng thấy khát khao một cái gì. Phải rồi, Lê khát-khao một sự nghỉ-ngơi, bên Thủy và một chiếc giường êm. Nếu Lê muốn, Lê cũng có đôi chân đẹp nhường kia. Mà biết đâu, người nằm kia lại không phải là Thủy.

Ý nghĩ ấy, làm Lê càng thấy đôi chân xinh xắn trước mắt Lê thật giống đôi bàn chân Thủy. Đôi bàn chân mà có một đêm nào, Lê đã ve-vuốt khen là đôi chân tuyệt mỹ.

Ừ ! người đàn bà nằm ngủ kia, tại sao không có thể là Thủy. Thủy có thể có một việc gì phải

xa Hà - nội, như buôn bán, hay thăm một người họ hàng nào. Lê nhìn tầm vóc người đàn bà trong chiếc chăn mà càng thấy tầm vóc ấy là tầm vóc của Thủy.

Lòng Lê bỗng nổi lên một mối xúc cảm. Mối xúc cảm ấy chỉ có thể có khi gần một người thật thân thiết xa cách đã lâu..

Tiếng còi tàu bỗng rú lên như có ai chọc tiết. Màn đêm như muốn rạn vỡ ra. Từ đầu tàu phụt ra một luồng khói đen, lốm đốm nhiều tàn lửa đỏ khè. Mùi khói xông lên khét lẹt.

Lê giật mình như vừa bước ra khỏi một giấc mộng.

Anh ló đầu nhìn ra ngoài. Con tàu vào một sân ga. Ánh đèn soi rõ ba chữ đen khô kể trên một

nền trắng gạch : « Ga Việt trì ».

Lê rũ than trên vai áo cho rơm xuống. Mối anh cũng rần rạn có bụi than.

Lê quay lại nhìn đôi chân thêm một lần.

Anh nháy phốc xuống sân ga, hít một hơi dài. Không khí nửa đêm về sáng ở một sân ga tỉnh nhỏ thật nhẹ nhàng. Người gác huýt một hồi còi. Chiếc đèn đỏ trong tay hắn, đưa đi, đưa lại. Con tàu chuyên bánh, lè đi. Bánh xe rên xiết trên đường sắt nghe lạnh lạnh.

Lê ngửa cổ cho gió lật tung mái tóc, nhìn theo chuyển tàu đêm, như vừa có để mất một cái gì trên đó.

MẶC - THU

### \* DANH NGÔN : GIỮ CHỒNG VÀ MẮT CHỒNG

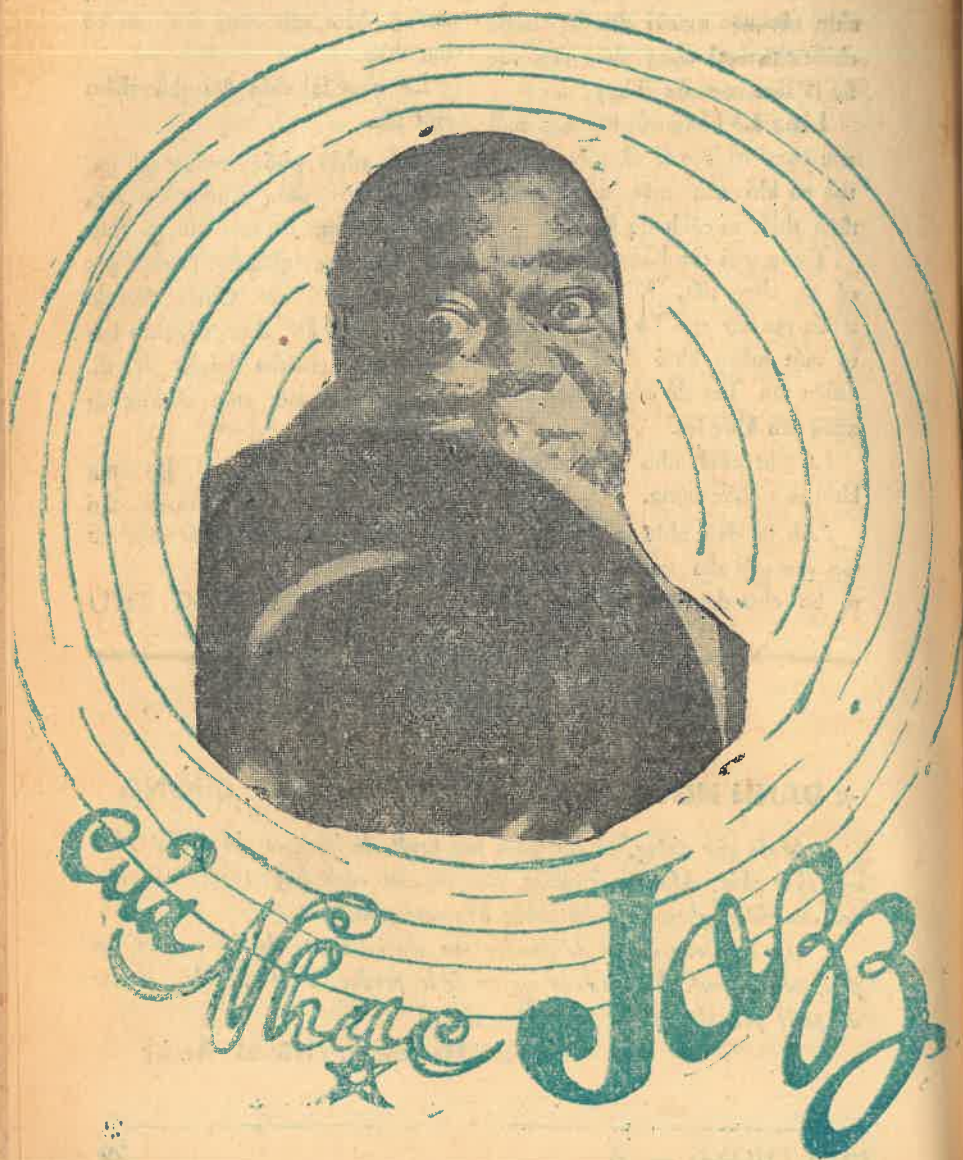
*Muốn giữ chồng, có một cách hay tuyệt, là làm sao cho chồng ghen một chút chút. Muốn mất chồng, cũng có một cách hay tuyệt, là làm sao cho chồng ghen một chút-chút hơn một chút-chút.*

*(Le meilleur moyen de garder son mari, c'est de le rendre un petit peu jaloux. Le meilleur moyen de le perdre, c'est de le rendre un petit peu plus qu'un petit peu jaloux)*

Bà Meneken (Nữ-sĩ Anh)

# LOUIS ARMSTRONG

Thiên tài da đen



## \* LÂM-HỮU-NGÂN

Vào khoảng 45 năm về trước, hàng ngàn người thuộc tiểu-bang vùng Nam-Mỹ nhiệt-liệt hoan-hô anh chàng nhạc-sĩ tài-hoa Louis Armstrong lần đầu-tiên trình-diễn với nhạc khí độc-nhất của chàng : cây kèn Trompette.

Non 30 năm trời, chàng đã nắm giữ một địa-vị tốt bực và được các nhạc-sĩ đồng thời cùng những tay sùng mộ «âm-nhạc Jazz tùy hứng» (hot Jazz) nhìn nhận vào bực «sur». Trong vòng 25 năm, tên tuổi của chàng được đặt trên tất cả các nhạc-sĩ khác. Trong phạm-vi âm-nhạc Jazz, bao giờ chàng cũng chiếm một chỗ đứng cao nhất và gây nên một ảnh-hưởng sâu-đậm trong lòng người mộ điệu.

\*

### Thời hoa-niên và nhạc-nghiệp của chàng nghệ-sĩ

Cuộc sống của Armstrong thật là phi-thường. Chàng đời tại tỉnh New Orleans, xứ Louisiane. Chàng sống la-cà ở các hiệu cà-phê và các nhà khiêu-vũ ở đô-thị này. Giống như tình-trạng

ấu-trì của nhạc Jazz vào thời bấy giờ, Louis Armstrong vừa trẻ vừa nghèo.

Chàng gây được chút tăm-tiếng ở Chicago, thuộc tiểu-bang Trung-Tây Illinois, nơi chàng tạm dừng gót lãng-du để trình-diễn thứ âm-nhạc «như thiêu như đốt» trên những du thuyền chở khách nhàn-lãm chạy trên con sông Mississipi. Chàng nổi danh tại Nữu-ước và từ đó tiếng tăm càng trở dậy như cồn khắp mọi nơi cùng với thứ âm-nhạc Jazz, môn sở trường của chàng. Armstrong đã gây nên một ảnh hưởng sâu rộng về thứ nhạc truyền cảm này.

Tài năng của chàng gồm trong giọng kèn Trompette, và tiếng hát trầm-trầm của chàng, chính hai âm-thanh này đã gây cho chúng ta một mối xúc cảm băng-khuâng. Âm-nhạc đến với chàng một cách tự-nhiên, chàng hát và thổi kèn theo nhịp điệu và nguồn cảm-hứng của riêng chàng cũng như một số ít nhạc-sĩ âm-nhạc là một cách độc-nhất để diễn-tả những tình-cảm rạo-rực của tâm-hồn. Cái năng khiếu về nhịp-điệu của chàng, cái tài sáng tác, cái trực-giác của chàng về

sự tinh-túy của âm-nhạc, tất cả các yếu-tố đó khiến cho thứ âm nhạc và các bản hát của chàng đều có một hương vị kỳ quặc và mới lạ. Cái lối chơi của chàng, về kèn Cornet (cũng giống kèn Trompette, nhưng nhỏ và ngắn hơn), hoặc kèn Trompette bao giờ cũng là một cái gì đặc biệt, về âm vực phong phú cũng như về sự đặc sắc. Trong những tay khác, âm nhạc Jazz có thể trở nên một cái gì huyền ảo và lộn xộn, nhưng dưới những ngón tay nhẹ nhàng và tiếng hát của Armstrong, thứ âm-nhạc đó trở nên tác phẩm của một nghệ-sĩ.

Nếu được coi các hí kịch trong đó có Armstrong trình diễn, cũng như nghe chàng chơi tại các « hộp đêm » tại rạp hát hoặc được coi chàng trên màn ảnh trong vài phim quay, người ta có thể nghĩ rằng chàng đã già từ lĩnh vực âm-nhạc để xông pha vào một thế giới biểu diễn và đóng kịch dễ dàng, rục rờ hơn. Thật ra cái lối đóng kịch của chàng thỉnh thoảng bị chỉ trích vì những sự quá đáng, nhưng người ta không tìm ra được mấy may, khuyết điểm trong

lối chơi âm nhạc của chàng. Cái lối đó vẫn thành thực và tao nhã như xưa.

Cái lối chơi của chàng xưa kia hào nháng và cầu kỳ thì ngày nay thuần chính và dấn-dị hơn. Giọng hát của chàng, có lẽ được xếp vào hàng đầu trong các giọng hát về nhạc Jazz, bao giờ cũng vẫn phong - phú và giàu tưởng tượng như vậy. Nếu trên màn ảnh thỉnh thoảng chàng cố tươi cười nhiều quá và lối đóng có hơi quá đáng để làm vừa lòng khán giả, nhưng tính-chất của chàng Armstrong nhạc sĩ bao giờ cũng vẫn toàn vẹn như xưa.

Chính vì Louis Armstrong trước hết là một nhạc sĩ cho nên chàng đã đứng vững trong suốt bao nhiêu năm trời trên hàng đầu của một nghệ-thuật mà sự cạnh-tranh thật vô cùng hiểm nghèo.

Trong nhiều năm qua, chàng đã nghe ngóng và trau dồi tài-nghệ, và chàng vẫn tiếp tục trau dồi, hy-vọng sẽ còn học hỏi thêm được nhiều điều quý báu. Hàng ngày, ở nơi nhà, chàng thường vận cùng một lúc nhiều máy-vô tuyến thu thanh. Chàng thường nói : « May ra tôi sẽ

tim thấy thêm một ý-kiến gì hay ho mới mẻ chăng » Vào những buổi chiều, những giờ nhàn rỗi, chàng thường đi nghe những nhạc sĩ khác chơi.

Là một nghệ sĩ chân chính, Armstrong biết tự chỉ trích mình và tự biết mình lắm. Chàng tuyên bố : « Tôi và chiếc kèn Trompette của tôi, chúng tôi biết những gì mà chúng tôi có thể làm nổi. Khi tôi thổi thì chiếc kèn Trompette của tôi với tôi chỉ là một ».

Có lẽ âm nhạc là một thiên bẩm của Louis Armstrong, tuy vậy, chàng cũng đã phải dày công ma luyện, tài nghệ chàng mới tiến tới tột đỉnh của nghệ-thuật.

Lẽ dĩ nhiên thời trẻ tuổi của chàng không phải do chàng tạo nên để gây cho mình cái thị hiếu đó. Đứa bé khai sinh dưới tên Daniel Louis Armstrong đã mở mắt chào đời tại Jane Alley, một ngõ hẻm vắng vẻ ở tỉnh New-Orleans. Thân phụ chàng là một công nhân trong một xưởng chế tạo nhựa thông, mẹ chàng trước kia là một người đi ở mướn. Song thân chàng ly-dị với nhau trong năm chàng mới lên năm

tuổi và mẹ chàng dẫn chàng và người chị tên Béatrice về sống tại nhà bà ngoại cũng ở cùng tỉnh ấy. Vào thời bấy giờ New - Orleans quả là quê hương của âm-nhạc Jazz. Chàng Louis Armstrong say mê thứ âm-nhạc đó ngay từ hồi còn thơ ấu.

Hồi đó, tỉnh New Orleans có tất cả hơn trăm ban nhạc da đen đủ các loại và chẳng có nhạc-sĩ nào thất-nghiệp. Thôi thì đủ mặt các nhạc-sĩ Jazz có danh tiếng nhất từ xưa đến giờ: Joe (King) Oliver, sau này trở nên người bạn, thầy dạy và vị anh hùng về âm-nhạc của Armstrong, Alphonse Picou, Sidney, Bechet, Kid Ory, Jelly Roll Morton, và Buddy Bolden.

Thứ âm-nhạc của họ được chơi trong mọi trường-hợp : cho người sống cũng như cho người chết. Các ban nhạc chơi trong các cuộc diễn - binh, các cuộc khiêu - vũ, các cuộc dã - yến (những bữa ăn tập đoàn thường có tại Hoa-Kỳ, trong đó món ăn chính là món cá rán. Người Mỹ thường gọi các cuộc dã-yến đó một cách thân-mật là *Fish Fries* (Cá-Rán). Các ban nhạc

cũng được dùng trong các tang lễ.

Trước khi chơi kèn Trompette thì Armstrong là ca-sĩ. Mỗi khi tiếng trống thúc mau nhịp điệu thì chàng thường có thói quen bịa ra những câu mau lẹ, chẳng có nghĩa gì hết. Chàng Armstrong trẻ tuổi tổ-chức một ban hợp ca bốn giọng cùng với ba bốn đứa trẻ khác và vừa đi dạo qua các phố, vừa hát âm những bài ca và những hòa-âm cũ rích.

Cậu bé 11 tuổi đó, mặt mũi đầy-dạn, mắt tinh nhanh, sắc-sảo, mồm rộng đến mang tai, có một sức quyến-rũ lạ thường.

Người ta bắt đầu gọi chàng là « Dippermouth » và « Satchel-mouth » (mồm rộng) và về sau gọi tắt là « Satchmo », cái tên hiệu ngộ nghĩnh mà mãi sau này Armstrong vẫn mang nó một cách hãnh diện.

Năm Satchmo lên 13 tuổi, bữa trước ngày đầu năm, chàng gặp những sự không may nhưng kết cục lại đâm ra có lợi cho tương lai chàng. Ngày hôm ấy, chờ chộp được chiếc súng cũ của cha chàng và bắn ra đường, tuy không làm ai bị thương nhưng

cũng gây huyền não cả một khu phố rộng lớn. Cảnh-sát đưa chàng ra Tòa và vị thẩm phán phạt nốt chàng 2 năm trời trong nhà tù cùng giới. Louis Armstrong vẫn còn giữ được một kỷ niệm tốt nơi thiên đàng đó, trại « colored waif's Home » nơi chàng « được » nghỉ mát vì, chế độ ở đó dịu dàng và sự ăn uống được đầy đủ lắm. Vị Giám đốc dạy Armstrong thổi kèn tù-và (cor) và kèn Cornet, Chiếc kèn Cornet cũ kỹ đó là chiếc kèn đầu tiên của Satchmo, vì khi chàng được « sở lồng » thì người ta cho luôn chàng chiếc kèn đó.

Hai năm sau, Satchmo chơi trong những ban nhạc khiêu vũ. Chàng phải làm để nuôi thân, nhưng người ta chỉ mượn chàng một cách bất thường. Chàng phải sinh nhai bằng nghề bán báo, làm công cho hãng bán sữa và đánh một chiếc xe bò chở than. Sau khi vất vả chở than suốt ngày Satchmo phải chạy đến tiệm nước có ban nhạc King Oliver chơi ở đó. Chàng giúp những việc vặt vạnh cho vợ Oliver, giúp Oliver từ việc này đến việc khác, và rút cục khiến Oliver để ý đến chàng và dạy cho chàng âm nhạc.

Chính Oliver đã khuyên Armstrong nên học đọc âm nhạc, còn mãi về sau này Armstrong vẫn ghi lòng tạc dạ. Oliver tuyên bố: « Thật là ngu ngốc vô cùng khi dám tự hào biết chơi nhạc mà chẳng hiểu tí nào về ký âm pháp ». Và ông vừa nói thêm vừa toát mồm cười:

« Nếu bạn có cảm hứng về nhạc thì nguồn hứng đó sẽ thoát ra, dù bạn không biết đọc cũng thế ». Hồi 1917, khi ban nhạc Oliver đi Chicago, Armstrong xin chân thổi kèn Cornet trong ban nhạc của Kid Ory và tên chàng bắt đầu được mọi người biết đến. Năm 1919, Satchmo dự vào ban nhạc chơi trên các tàu chở khách chạy từ New-Orleans tới Memphis, tại miền Nam xứ Tennessee. Hồi ấy chàng cũng khởi đầu soạn nhạc.

Tháng 9 năm 1923, Oliver gọi Armstrong tới Chicago và cho chàng chân thổi Cornet phụ trong ban nhạc. Nơi đây chàng đã gặp cô Lil Hardin, nữ nhạc sĩ đôn dượng cầm và là một soạn nhạc gia có chân tài. Không bao lâu chàng và nàng kết hôn vào năm 1924. Nàng hiểu rằng chẳng nàng nếu cứ chơi nhạc

mãi dưới bóng của Oliver thì không bao giờ có thể phát triển tất cả mọi thiên tư, tài nghệ được và làm cho đại đa số quần chúng công nhận thứ âm nhạc độc đáo của chàng.

Vì thế, nàng cố xoay sở cho chàng một chân thổi Cornet chính trông ban nhạc khác. Từ đó, Armstrong bắt đầu được tự do phô-trương tất cả tài năng dồi-dào của chàng Satchmo được nổi tiếng lừng-lẫy tại thành-phố Chicago hồi năm 1920. Hồi đó, Chicago là nơi gặp-gỡ của một đoàn thanh-niên ngật-trần tương lai sau này đã gicò mồm khắp Mỹ châu cho số người sùng mộ một lối diễn tả nhạc Jazz độc-đáo. Những thanh-niên như Bix Beiderbecke, Benny Goodman, Gene Krupa và Eddie Condon nghe Armstrong chơi và nhận thấy rằng Armstrong đã gây được hình thức cho những ý-tưởng trừu-tượng mà họ vẫn tìm phương cách để hình dung. Từ đó về sau Armstrong được tôn-sùng như là kẻ đã dẫn đầu nền nhạc cơ-bản Jazz.

Đô thị Chicago là nơi Satchmo đã hợp cùng một số nhạc-hữu trình-diễn. Số nhạc-sĩ này chỉ



có hạn, vì Chàng cho rằng phương-pháp dùng ban nhạc ít người như thế là cách hay nhất để diễn tả âm-nhạc Jazz và mãi về sau chàng cũng vẫn dùng trong các cuộc viễn-du khắp năm châu. Thoạt tiên, có ban nhạc «Tùy hứng năm đàn» của Louis Armstrong (Hot five) rồi tiếp đến ban «Tùy hứng bảy đàn» (Hot seven).

Mọi người khuyên chàng nên bỏ kèn Cornet và chơi Trompette. Một trong những người chủ đầu tiên của chàng ở Chicago nói rằng một chiếc kèn Trompette lớn hơn sẽ gây được nhiều cảm xúc mãnh liệt hơn. Người ta hỏi chàng sự thay đổi đó có gây được điều gì khác thường trong lối chơi của chàng không, thì Satchmo lắc đầu và nói: «Đối với tôi thì không có gì lạ cả. Tôi có thể thổi được cả hai thứ».

Chàng cũng khởi đầu phô bày tài hát của mình và những ai đã nghe chàng hát đều phải công nhận rằng sự tương quan với nhạc Jazz phát tiết trong lối chơi kèn Trompette của chàng trẻ tuổi đó cũng xuất lộ trong giọng ca và cái lối hát của chàng. Vào thời

đó, vô tuyến truyền thanh mới đang đo dẫm những bước đầu và phim chớp bóng hây còn cảm. Người ta chỉ được nghe chính chàng hát hoặc nghe giọng ca của chàng qua những đĩa hát. Các tay chơi nhạc Jazz cùng các người mộ điệu đều đổ xô tới nghe mỗi khi Armstrong biểu-diễn, và đến lúc chàng bắt đầu thâu đĩa thì các người mộ điệu ấy mua các đĩa của chàng. Chàng thâu đĩa trong non 30 năm trời, và chính Armstrong cũng không nhớ rõ số đĩa chàng đã cho ra, có lẽ con số đó hơn 1500. Nhiều đĩa hát của chàng đã trở thành những vật sưu tầm. Tại các nơi ở ngoại quốc, có lẽ đĩa của Armstrong bán chạy hơn các đĩa hát của bất cứ một nhạc sĩ nào khác trong lịch sử âm nhạc Jazz.

Đến năm 1928, Armstrong được lãnh những món tiền lao sĩ khổng lồ.

Lối chơi của chàng nghệ sĩ tài hoa có một «đặc tánh tự do phóng túng ít ai bì kịp». Người ta nói rằng trong suốt một buổi nhạc, có lắm lúc chàng chỉ lấy một nhạc đề mà chơi

ngay thành 20 lối hòa âm khác hẳn nhau. Satchmo đủ tài để trở nên một tài tử lừng lẫy tiếng tăm ở Nữ Ước hồi 1929 và 1930, và tới Hollywood để đóng một phim chớp bóng đầu tiên trong đời chàng. Chàng cũng tổ chức như những cuộc tuần du khắp Hoa kỳ để biểu diễn và được hoan nghênh nhiệt liệt. Năm 1932, chàng du hành sang Âu Châu lần đầu tiên và được một đám đông những người hâm mộ nhạc phẩm của chàng qua các đĩa hát, đón tiếp nồng hậu. Năm sau chàng lại sang Âu Châu một lần nữa và ở lại bên đó suốt 3 năm trời.

Mùa thu năm 1950, Armstrong tổ chức cuộc tuần du biểu diễn sau cùng của chàng sang Âu Châu.

Tới phi-trường Rome, một ban nhạc toàn những thanh-niên Ý-đại-lợi, hơi giống những thanh niên New Orleans xưa kia, đón tiếp chàng. Ở Milan, vé vào cửa buổi hòa nhạc mà chàng tổ chức đã bán tới 4.500 livres một vé (tiền Ý) trong khi các chỗ ngồi trong các buổi hòa nhạc của những nhạc-sĩ cổ-

điển không bán quá giá 1500 livres.

Tới Stockholm, 40.000 người đua nhau tới phi-trường để đón rước chàng và tờ nhật báo «Aftonbladet» in mười phụ-trương về nhạc Jazz để biểu-dương chàng. Tại Helsinki, 7.500 người chen chúc nhau trong một phòng chỉ chứa được có 3.600 người để nghe chàng phô-trương tài nghệ.

Nơi nào mà Satchmo và ban nhạc của chàng đi tới, mọi người đều cầu họ trở hết tài năng. Ban nhạc trình bày các nhạc điệu cổ ở tỉnh New Orleans như «Muskrat Ramble» «High Society» và «Dippermouth» hơn là thứ âm nhạc «Swing» mới mà Armstrong cho là chỉ vang bóng một thời.

Chàng giảng giải sự quyết-định đó như sau: «Sau này, dù các nhạc sĩ trẻ tuổi cố gắng để sáng tác những gì đi nữa, tài bao giờ thứ âm-nhạc Jazz hay vẫn còn».

Và cái dấu vết độc đáo mà Armstrong đã để lại sẽ chẳng bao giờ phai mờ...

# CON NGƯỜI BÍ-MẬT

## CỦA TRÁI BOM

## NGUYÊN

## TỬ...

★ SONG-AN

**T**RONG trận đại-chiến thứ 2, một nhân-vật rất quan trọng đã giúp phương-tiện để cho Mỹ - quốc có thể thực hiện được mấy trái bom nguyên - tử đầu tiên. Tên tuổi người đó lúc bấy giờ được giấu kín, mãi đến năm 1954, thế-giới mới hay biết :

1941. Một hôm, một viên Đại tá

của quân đội Mỹ bí mật đến viếng thăm một người Bỉ Giám - đốc một hội tư khai thác hầm mỏ. Sau những câu chào hỏi thông thường, viên đại-tá đột-ngột hỏi thẳng ông ta xem ông ta có thể tiếp-tế cho Huê-Kỳ khoáng chất URANIUM do xứ Congo Bỉ sản-xuất được không? Viên đại-tá hoạt-động cho "kế-hoạch Manhattan", kết

luận :

— Ông nên biết rằng đây là một vấn-đề sinh tử cho Đồng-minh.

Người Bỉ, trầm-lặng chậm rãi yêu-cầu viên đại-tá xuất-trình

# BOM NGUYÊN TỬ

chứng minh thư. Xem xong ông ta tuyên bố có thể chuyển giao cho Mỹ quốc một số lượng khoáng chất khá quan trọng của thứ kim khí quý báu ấy.

— Thế ông định bao giờ thì đến lấy?

— Ngay tức khắc. Dù tôi biết chắc sự đòi hỏi của tôi rất quá đáng. Nhưng ...

— Ông đừng quan tâm. Khoáng chất hiện thời được dự trữ tại đây, ngay ở trong thành phố Nửu ước. Độ chừng vài nghìn tấn.

Cuộc gặp gỡ ấy mở đầu một giai đoạn quan trọng nhất của trận Đại Chiến, thứ hai, và dĩ-nhiên, Chính phủ Mỹ giữ hết sức bí mật.

Ông giám đốc hội tư nhân khai thác hầm mỏ người Bỉ, mà chính phủ Huê kỳ cầu cứu đây là một nhân vật khá quan trọng của thế kỷ thứ 20. Tuy nhiên ông đã ra vào lãnh thổ Huê Kỳ hơn năm chục lần mà báo chí không hề hay biết và đã động đến. Kề cũng may. Nếu không, thì đã chẳng bao giờ có Bom nguyên tử và trận đại chiến thứ hai chưa biết sẽ kéo dài đến bao giờ, và cục diện thế giới ngày nay chưa biết ra sao !

Người Bỉ kia đã tiếp-tế cho Huê kỳ đầy đủ khoáng chất URANIUM để làm ra mấy trái bom A đầu tiên. Khoáng chất này lấy từ các hầm mỏ của hội tư, do ông điều khiển tại xứ Congo Bỉ. Về sau các trái bom thử tại Nevada hay trên các quần đảo Nam Thái Bình Dương cũng làm bằng thứ khoáng chất ấy.

Bản tánh ông ta không thích phô trương, nên ít ai để ý đến cuộc đời của ông. Lý do chính có lẽ là Huê kỳ muốn giữ trong vòng bí mật đời sống của một người đang nắm sự thành hay bại của Trận Đại Chiến. Chính ngay đến cả xuất xứ của chất Uranium cũng hoàn toàn bị giấu kín. Không mấy ai biết Mỹ đã đào đâu ra đủ số lượng kim khí tối hệ ấy để làm bom nguyên tử.

Ông ta năm nay đã 80 tuổi. Ông vừa là kỹ sư, vừa là kinh tế gia kiêm kỹ nghệ gia. Trong xã-hội ông đã giữ một địa-vị cao quý, chưa kể đến vai trò quan trọng của ông trong công cuộc thực hiện bom nguyên-tử. Đương thời ông là chủ tịch của Ủy-ban quản trị Tò-hợp Khoáng-nghiệp của xứ Thượng Katanga, Xứ này nằm về phía Đông-Nam nước Congo Bỉ, một thuộc địa hiện

đang đầy loạn, kinh-dô là Léopoldville. Lòng đất xứ Thượng Katanga chứa đầy khoáng chất. Ngoài mỏ Uranium ra còn có rất nhiều mỏ đồng rộng lớn tỷ-lệ cao nhưt thế giới. Tờ-hợp Khoáng-Nghiệp đầu vô hàng niên độ 8.800 triệu quan Bỉ (nghĩa là chừng 6248 triệu đồng V.N.) sản xuất 70% đồng, 50% kẽm và 80% cobalt tiêu thụ trên thế giới, chưa kể các khoáng-chất khác.

Tờ-hợp Khoáng-Nghiệp là trụ-cốt của Tổng-Hội Bỉ, một tổ-chức và lực-lượng kinh-tế và kỹ-nghệ vĩ-đại. Tổng Hội Bỉ cùng 4 tờ-hội khác hiện nắm giữ tất cả phương-thế kinh-tế của nước Congo và gieo ảnh hưởng gián-tiếp lên sự sinh hoạt chính-trị của nước ấy. Nói một cách khác là Tờ-hợp Khoáng-Nghiệp là sinh-khí của Tổng-Hội và chính Tổng-Hội đang trực-tiếp « cai-trị » nước Congo.

Giữ quyền điều-khiển Tờ-Hợp ông giám-đốc người Bỉ kia vì các lẽ trên đương nhiên là chủ nhân ông của nước Congo. Nhưng lẽ dĩ-nhiên ông ta vẫn cải-chính rằng nhân dân Bỉ và chính-phủ mới thật là linh-hồn của đờng lối chính-trị xứ ấy.

Ông ta sinh tại Bỉ, theo học

ngành kỹ sư, sau một thời gian là 5 năm lưu trú trên đất Trung-hoa, từng sự tại một hội tư của người Bỉ đảm-nhận công việc chuyên-vận bằng xe điện, ông đặt chân lên Phi-Châu lúc ông được 30 tuổi. Ông là một người có tánh mạo-hiêm, có chí-khí can-đảm và khôn ngoan vượt-mức.

Tờ-hợp Khoáng-Nghiệp thành-lập từ năm 1906. Năm 1908, nước Bỉ đặt nền đô-hộ lên nước Congo. Kinh-dô xứ Katanga là Elisabethville thiết lập vào năm 1910. Ông đến Congo vào năm 1911. Có thể nói rằng xứ Congo Tờ-Hợp Khoáng-Nghiệp, Elisabethville trở nên thịnh vượng nhờ ở ông.

Viện tàng-cổ của thành-phố Elisabethville có trưng bày một khối quặng pechblende, tức là ốc-xy thiên nhiên của Uranium. Đó là một khối quặng vừa đen, vừa vàng lớn bằng một con bê con, hình như có một lớp rêu xanh che phủ. Khối quặng này lấy ở mỏ Chinkiloboué, cái mỏ phi-thường! Một tấm bảng ghi rõ: « Coi chừng quặng phóng xạ ». Mấy nhiếp-ảnh gia vô ý đứng gần quá, phim ảnh đem theo đều bị ảnh hưởng xạ-tuyến trở nên vô-dụng.

Từ năm 1921, tại Chinkolo-

boué đã tìm thấy quặng URANIUM. Nhưng lúc đó chưa ai biết công-dụng kinh khùng của chất Uranium, một chất bỗng nhiên báu hơn vàng. Người ta chỉ chú-trọng đến chất radium mà thôi.

Tuy vậy vào năm 1938, một chuyện hi-hữu đã xảy ra. Một vị bác-học Anh đến một cách bí-mật báo tin cho ông giám-đốc Bỉ hay rằng nhiều nhà bác-học Đức đã đầu tư nhiều kết-quả tiến-bộ trên lãnh-vực nguyên-tử-năng và khoa-học có thể bắn vỡ nhân-tử nguyên-tử. Cuối cùng chất URANIUM có thể dùng để làm bom nguyên-tử được. Vì lẽ đó nhà bác-học Anh khẩn thiết yêu-cầu ông giám-đốc hội kia đừng để cho một hạt Uranium nào lọt vào tay Đức-Quốc-Xã.

Ông giám-đốc liền bí mật di-chuyển từ Congo Bỉ sang Huê-kỳ gần 1000 tấn quặng pechblende. Chuyển tàu chở khoáng-chất phóng xạ đó cập bến Nữu-Uớc năm 1940 mà chẳng có một ai hay biết gì hết. Quặng liền được sang cất vào các thùng bằng thép để để bề tồn trữ trong kho riêng của hội. Nhưng nhiều hiện-tượng lý-hóa đã xảy ra trước lúc chất quặng ấy biến thành bom Nguyên-tử.

Khi quặng đến, ông bí-mật thông tri cho giới hữu-trách Mỹ hay. Tổng-thống phủ muốn chở đi cất giữ tại Fort Knox, nhưng cứ trừ trừ mãi cho đến một năm sau chính-phủ Mỹ mới để ý đến sáng kiến hợp-thời của ông. Và viên Đại-tá liền được phái đến thương-thuyết với ông ta. Cuộc đàm-thoại kéo dài gần một tiếng đồng-hồ. Cuối cùng viên đại-tá nét mặt hớn-hở, từ-giã ông sau khi nhận được một mẫu giấy màu vàng vàng mang chữ ký của ông ta.

Bắt đầu giờ phút ấy ông Giám-đốc hội kia đã nhường quyền sở-hữu của tất cả số lượng khoáng chất URANIUM tồn trữ tại Nữu-Uớc lại cho chính-phủ Mỹ, một số lượng khá đầy đủ để chế tạo 2 trái bom nguyên tử thả trên đất Nhật và những bom khác để thí-nghiệm trong mấy năm sau này.

Năm 1946, ông lại trở qua Mỹ với sự hiện-diện của cựu Tổng-Thống Truman, đại-tướng Leslie Groves vui vẻ gán Danh-dự Bội-Tinh Huê-Kỳ cho ông ta. Ông là một trong số người rất hiếm đã được chính-phủ Mỹ tuyên-dương công-trạng. Song lý-do tuyên-dương được giữ bí-

mật. Hồ sơ nằm lẫn-lộn với các tài liệu khác trong Tòa Bạch-Ốc. Ông ta chỉ được đề-cao bằng mấy câu thường lệ, mơ-hồ, như câu : « công-trạng lớn-lao trong thời-kỳ chiến-tranh, trên lãnh-vực nguyên-liệu ».

Anh-quốc tưởng-thường cho ông chức Huân-tước trong hệ-thống huy-chương Đế-quốc Anh, Pháp-quốc tặng ông một chiếc Ngủ-đăng Bắc-đầu bội-tinh.

Nhưng phần thưởng đích-đáng

hơn hết mà ông lấy làm vinh-dự và hãnh-diện hơn hết là người ta đã quyết-định lấy tên ông đặt cho một thứ khoáng chất mới tìm thấy : Một chất gồm có Uranium, Vanadium và đồng, mang danh là : « SENGIERITE ». Và hiện nay, thế-giới đã biết rõ, tên người chủ nhân có chất URANIUM đầu tiên để làm bom nguyên-tử, là EDGAR SENGIER.

SONG AN

### \* HÈN QUÁ !

Một ông nọ, 40 tuổi, đi dạo chơi với một người bạn trên đường Bô-na, bỗng gặp một thiếu-phụ mặc toàn đồ đen. Ông chào:

— Úa ! Cô Liên ! Cô đề tang cho ai thế ?

— Dạ, em đề tang cho chồng em mới chết hồi tháng giêng, anh ạ.

Hỏi thăm qua- loa một lúc, rồi hai người từ giã. Đi một khoảng xa, ông nói với người bạn :

— Thật là hèn cho tôi !

Người bạn không hiểu, nói :

— Sao lại hèn ?

— Liên trước kia là tình-nhân của tôi. Nếu hồi đó mà tôi cưới Liên thì có phải là tôi đã chết hồi tháng giêng rồi không ?

B. T.

## CHINH - PHỤ THỜI XƯA

### \* NGUYEN-ĐÌNH-DIỆM

Liêu Tây cùng ai tình tự.

Chẳng ngờ lúc ấy chị vừa bước chân vào trong cõi mộng, du hồn

**N**GƯỜI chinh phụ cùng chung một hoàn cảnh, cái cảnh sầu lên mặt ả oán ra cửa phòng, thế mà gặp ngày xuân tới, chị em cùng trạc tuổi xuân, mỗi người riêng một xuân tứ, người đa sầu đa cảm sẵn có hồn thơ như người chinh phụ của GIA-VẬN, gặp ngày trăm hoa đua nở, nghĩ mình trót dại để ai dứt áo ra đi tìm ẩn phong hầu mãi nơi chân trời xa thăm, làm cho tan vỡ mất cảnh êm ái xuân tình, nghĩ đi nghĩ lại, chị thấy chẳng còn cách gì hơn là mình tạo lấy một cảnh tốt đẹp khác trong giấc mộng xuân, để đưa hồn mộng đến tận



vừa mới cõi gió bay đi, thì tai hại thay! ngoài hiên bỗng có một con oanh vàng quá ác! đổ tước cành cây ca lên những tiếng lạnh lạnh, làm cho chị bỗng giật mình! giấc mộng Liêu-Tây đành phải bỏ dở. Chị cảm thù nó, vội gọi người ra đánh đuổi nó đi thì mới hả dạ.

Còn người chính phụ của VƯƠNG-XƯƠNG-LINH thì lại khác hẳn. Chị này quả thực là người vô tâm vô tính, chàng khi xa vắng, thiếp vẫn vui tươi, gặp ngày xuân tới, chị cũng đua địch với ai, thắng bộ đạo chơi lâu Thúy?

Ví thử lúc ấy không có mấy hàng tơ liễu thướt-tha trước mắt, chắc đâu chị đã hồi-hộp trong lòng? Ôn lại việc trước mà hối-hận rằng mình trót khờ dại để cho ai đó dẫn thân trên đường vô định, con đường mà xưa nay chinh-chiến mấy người về đâu? «Cờ lai chinh-chiến kỷ nhân hồi-đề đi tìm cái khâu ẩn phong-hầu mơ mộng, mà bỏ phí mất cái cảnh êm ái xuân-tình.

Đọc bài thơ Xuân - oán và Khuê-oán dưới đây, ta thấy các vị thi nhân thời trước thực đã cao-siêu về tâm-lý-học, nên mới

có những vần thơ cực kỳ tiêu-tao đề thông-cảm cho tâm-hồn những chính-phụ thời đó như vậy.



1.— 春怨作者嘉運

Bài Xuân-Oán của GIA-VẬN

打起黃鶯兒莫教枝上啼  
啼時驚妾夢不得到遼西

Phiên âm:

Đả khởi hoàng oanh nhi, Mạc  
giao chi thượng đề.  
Đề thì kinh Thiếp mộng, Bất đắc  
đáo Liêu-Tê

Dịch:

Đánh đuổi cái chim oanh, đừng  
cho đỗ tước cành

Nó kêu làm giờ giấc, Mộng đến  
Liêu-Tê-Thành.

Ai ơi đuổi cái hoàng oanh

Đừng cho nó đỗ trên cành nó kêu

Giật mình vì tiếng con yêu

Thiếp đây bỏ giờ giấc Liêu-Tây  
rồi.



2.— 閨怨作者王昌齡

Khue oán của ông Vương xương  
Linh

閨中少婦不知愁春日凝  
粧上翠樓  
忽見陌頭楊柳色悔教夫  
婿覓封侯

Phiên âm:

Khue trung thiếu phụ bất tri sầu.  
Xuân nhật ngưng trang thượng  
thúy lâu

Hốt kiến mạch đầu dương liễu  
sắc

Hồi giao phụ tế mịch phong hầu.

Dịch:

Buồng trong thiếu phụ có buồn  
đâu

Chải chuốt ngày xuân dạo Thúy  
lâu.

Thấy liễu buồn tơ lòng hối hận,  
Xui ai đi kiếm ẩn phong hầu.

Tô-Nam

NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM



### ✱ CHỒNG CHỊ CÓ NHƯ THẾ KHÔNG?

Chị Xuân hỏi chị Thu: — Chồng tôi lần nào đi ngoài đường  
vội tôi mà thấy cô gái nào đẹp đẹp, thì ảnh cũng dòm người ta.  
Chồng chị có như thế không?

— Không, chồng tôi không bao giờ ngó các cô ngoài đường. Khi  
mà ảnh thấy một cô gái đẹp, thì ảnh nhắm một con mắt.

B. T.

### ✱ DANH NGÔN: NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐẸP

Một người đàn-bà chỉ đẹp thật sự khi nào họ đẹp cho một người  
đàn ông nào.

(Une femme n'est vraiment belle que lorsqu'elle est belle  
pour quelqu'un)

Michel Déon (nhà văn Pháp)



## Chương II

### I. — ĐỜI SỐNG TINH THẦN

(Xem P. T. từ số 30)

**T**HỜI gian kể từ 1925 đến 1940, chỉ trong khoảng 15 năm ấy, là Hoàng kim thời-đại của văn-học sử Việt - Nam hồi tiền bán thế kỷ XX. Ấy là thời-kỳ mà các nhà Thơ nhà Văn sống cuộc đời tự-do phóng túng nhất, và sản xuất được nhiều tác-phẩm văn thơ nhất.

Vả lại, ấy cũng đúng vào thời kỳ mà Văn-học sử Nhật, Nam-Dương, Ấn-độ, đang bành-trướng mãnh-liệt theo làn sóng lãng-mạn mới-mẻ và xôn-xao của Văn-học Âu-Tây, Thế-kỷ XIX, nghĩa là với sự chậm trễ

★ NGUYỄN-VỸ

gần một thế-kỷ.

Bởi nếp sống tự-do lãng mạn ấy, nên đám Văn - sĩ Tiền chiến không chịu tự giam hãm trong khuôn khổ chật hẹp nào của cổ-điển.

Về văn thơ, họ vội vã thoát ra ngoài bốn bức tường nặng nề và đồ-sộ của « Thơ Cũ », của « Văn Xưa », và họ ùa nhau tấn-mác trên một cánh đồng bao-la bát-ngát hơn, đầy hương sắc muôn màu, nhạc thơ muôn điệu, mà họ gọi là « Thơ mới », « Văn mới », mặc dầu chính họ cũng chưa biết rõ đích thị nó là cái gì. Họ gán cho nó ý-nghĩa và danh-từ « mới » chẳng qua để phân biệt với cái « cũ » mà thôi, chứ bảo họ phân tách và giảng giải thế nào là « Thơ mới », thế nào là « Văn mới », họ cũng chỉ đáp lại bằng một nụ cười hờn-nhiên, mơ-mộng.

Họ đang say sưa hoan-lạc như những kẻ mới tìm ra Châu Mỹ, và lần đầu-tiên bước chân trên một mảnh đất mới mà do một tiên-định gần như ngẫu-nhiên của lịch-sử đã đưa đẩy chiếc thuyền họ cập bến, họ ngỡ ngác reo to lên : « Thế-giới mới », — Le Nouveau Monde !

Và họ đuổi theo ảnh-tượng của những chân trời mới lạ.

Cả phong-trào lãng-mạn của Văn-chương tiền-chiến Việt-Nam, tóm lại, chỉ là một cuộc phiêu-lưu vĩ đại, bất ngờ, đầy những vinh quang.

Nhận xét đúng mức như vậy, chúng ta mới hiểu rõ phong-độ của các nhà Văn-Thơ tiền-chiến, và tính chất tự-do phóng-túg của họ.

Đời sống tinh-thần của họ chỉ là phản ảnh dĩ-nhiên của hiện-trạng lịch-sử và tâm-lý xã-hội thời bấy giờ.

Một dịp khác, — trong một quyển sách nghiên-cứu tương-tận hơn nữa về lịch-trình tiến-triển của Văn-chương và Tư-tưởng Việt-Nam, — chúng tôi sẽ nhận-xét và phân tách tỉ-mỉ những mâu-thuẫn và những nhịp-điệu điều-hòa của thời đại Hoàng-kim ấy.

Nơi đây, chúng ta chỉ nên ngó phớt qua tính-chất đại-cương của một hiện-tượng, để hiểu rõ lý-do tạo ra đời sống tự-do lãng-mạn của Thi-văn-sĩ Việt Nam hồi tiền bán Thế-kỷ. Bởi họ muốn vượt và đã vượt ra các khuôn khổ cổ-điển, nên mới có những trái ngược lạ thường.

Họ vẫn công-nhận được một ANDRÉ MAUROIS, một ANATOLE FRANCE, mà cũng say mê một ANDRÉ GIDE — (*Gia-đình oi, ta ghét mi!* — *Famille, je te hais!*). cả một NIETZCHE, một MALLAR-MÉ!

Cho nên, khi NGUYỄN - VĂN-VĨNH từ già vợ con, phiêu-lưu trên đất Lào với một bạn đồng nghiệp Pháp, cũng một ký-giả lãng-mạn, có tư-tưởng cách-mạng, Amédée Clémenti, — để đi tìm vàng trên giong sông Mékong, rồi chết luôn bên ấy, các nhà Văn đương thời thương ông chính vì cuộc phiêu-lưu giang-hồ của ông đã mang vết tích vẻ vang của thời-đại. Nguyễn văn Vĩnh đã ngã gục giữa oanh-liệt của thời lãng mạn.

NGUYỄN TUÂN cũng vậy. Anh đã xách va-li đi mấy lần. Dù không đi đâu xa ra khỏi Hà-nội, ít nhất cũng đi ra đến ga xe lửa rồi xách va-li trở về. HUY THÔNG chỉ ngày đêm mơ tưởng tiếng địch sông Ô. MỘNG SƠN ở nơi rừng núi của Phú-lạng-Thương, ham mê phi ngựa trên các đồi sim, dưới

lớp sương mù, đuổi theo một Thần-tượng trong xa xăm. LAN KHAI ngồi trên bờ hồ Trúc-Bạch mà mắt đăm đăm nhìn về trời Tây, sống với tiếng vỗ ngựa mơ hồ của những chàng kỵ mã Tuyên quang. Cho đến cả VŨ TRỌNG - PHỤNG, anh thư sinh nghèo khổ, chỉ ăn cơm với cà muối, dưa chua, nét mặt gầy gò, hốc - hác, cũng không thoát được cái bình lãng - mạn của thời - đại, lãng mạn trong « Số đỏ », trong « kỹ nghệ lấy Tây », trong « Lục xì »... Đó là cái lãng-mạn của TAM LANG. làm anh phu xe, của LƯU-TRỌNG LƯ' lạc loài trong triết lý của « người sơn nhân », của « con đười ươi », theo tiếng bước xào xạc của con nai vàng. Đó cũng là cái lãng - mạn của TRƯỞNG - TỬU ôm một quyển « kinh Thi Việt nam » đi tìm Karl Max, của KHÁI-HƯNG trong « Hồn bướm mơ Tiên », của TẤN ĐÀ trong lời « Thề Non Nước », của cô ả ANH THƠ khi ngồi trong đêm tối nhìn một đôi đom đóm bay dập dờn như muốn phải lòng nhau ».

Sau Thế-chiến thứ nhì, ở Nga

Xô khi Staline đã chết, nhà Văn-hào ILLYA ERHIMBURG viết ra một quyển truyện, nhan đề là « Đá tan » — *Dégl* — Quyển tiểu-thuyết ấy vừa ra đời, là cả văn-chương Nga-xô gần như « Đá tan » hết. Cái nụ hôn ghi dấu nơi cuối quyển truyện lạ lùng ấy nổ ra như một tiếng pháo giao thừa báo hiệu cho một trận pháo dòn tan rền cả trong Văn-học Nga-xô và trong đám thanh niên Nga bắt đầu quấy cựa, muốn hất vòng cương tỏa, để đón mùa Xuân mới của Tự-do.

Trong Văn học sử Việt-nam « Đá tan » đã bắt đầu sớm hơn 30 năm, từ sau Đệ nhất Thế chiến.

HOÀNG NGỌC PHÁCH, với quyển « Tổ Tâm » đã đốt trái pháo giao thừa trước nhất.

Thời - đại Hoàng Kim của Văn-học sử Việt-nam, từ 1925 đến 1940, là cả một mùa Xuân say bướm, say hoa, cả một mùa hương của tình vương ý nhạc.

Các Thi sĩ rủ nhau « đi hái văn thơ ». Đỉnh núi Nùng như tượng trưng ngọn núi Parnasse của Hy Lạp thời xưa (1)

Tự-trung, tình-thế xã - hội Bắc-Việt đương thời đã tạo ra một phần nào khung-cảnh ấy và

phong-độ ấy. Tuy rằng đời sống vật chất của các nhà Văn nhà Thơ không rục-rỡ gì mấy, nhưng tinh-thần không bị xáo-động bởi ngoại-cảnh. Nếp sống toàn-thể, trên bình-diện tổng-quát, có vẻ yên-ôn, thái-bình. Công chúng vui vẻ thu-nạp những yếu-tố mới lạ của Văn-minh Âu Tây, và đón nhận niềm nở các sản-phẩm Văn chương có mang sắc thái tân kỳ của Văn-chương ngoại-quốc.

Người ta đã thấy một vài vị phụ-nữ tân-tiến, mở phòng khách tiếp đón các nhà Văn, như ở bên Pháp.

Một nữ-sĩ, Bà VÂN ĐÀI, có mở một phòng khách ở đường Hàng Trống. VÂN ĐÀI là một bậc nữ-lưu có tên tuổi trong làng Văn lúc bấy giờ, rất yêu-kiểu diêm-lệ, và rất ham chuộng Thi Văn. Những Thi-sĩ, Văn-sĩ, quen biết bà, thường đến hội-hop nơi phòng khách của bà như một Tao-đàn, LAN KHAI, LƯU TRỌNG LƯ', THAO-THAO, hình như thường đến

(1) Một ngọn núi của Hy-Lạp thượng cổ. Theo Thần thoại là nơi hội-hop các Thi-nhân.

đó, đọc thơ, ăn bánh, uống trà, hoặc nghe đờn.

Phố Hàng Đẩy, trên một căn lầu mát mẻ, bài-trí xinh-xắn, gọn gàng, dưới nhà là một tiệm sửa xe đạp, là phòng khách của bà NGỌC TRẦN, hay Mỹ-Chân, vợ ly-di của một nhà Văn thường viết báo ở Saigon. Nơi đây tụ-hội một số Thi-sĩ trẻ tuổi, phần nhiều là cựu sinh viên trường Cao đẳng Luật Khoa và Sư phạm: TỬ BỘ HỮA, NHƯỘC PHÁP, HUY-THÔNG v.v...

Những nhà văn đã già, như NGUYỄN-KHẮC-HIỆU, Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHAI, NGUYỄN-VĂN-VĨNH, có những thú chơi riêng.

Những nhà văn đứng tuổi, như lớp KHAI-HÙNG, NHẤT LINH, NGUYỄN CÔNG-HOAN, LÊ-VĂN-TRƯỜNG, LAN-KHAI, NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT, VŨ TRỌNG PHỤNG, TAM LANG, nếu không nằm bên bàn đèn thuốc phiện, thì ở nhà hát ở đảo, hoặc ngồi chung quanh mấy chai rượu. Còn lớp trẻ từ 23, 24 tuổi đến 27, 28 tuổi, như HUY THÔNG, NHƯỘC PHÁP, XUÂN HUY, TRƯƠNG-TỬU v.v... thì thường tra đi lang thang vô mục đích. Họ đi, hoặc một mình hoặc

«hai mình», đôi khi trong túi có đồng bạc nào là một cặp rủ nhau lên ga xe lửa, gặp chuyến tàu nào là mua vé tàu ấy, đi mà chẳng biết đi đâu. Có khi xuống một ga nhỏ ở giữa một đồng quê, rồi đêm nằm trong đám mía, hay ngủ trong đình làng.

Nhưng rốt cuộc, già hay trẻ, Thi-sĩ hay Văn-nhân, rồi một sớm một chiều cũng gặp nhau gần đủ mặt ở giữa trái tim Hà-Nội, trên bờ hồ Hoàn-Kiểm, hay trong tòa báo, nói chuyện văn-chương. Một người đi vắng đầu trong 7 ngày, cả làng Văn đều hỏi. Chàng đi với cô nào, cả làng Văn đều biết. Một người đau, ai cũng đến thăm. Một người chết, ai cũng đến viếng. Và ai cũng khóc.

NGUYỄN KHẮC HIỆU, NGUYỄN VĂN VĨNH, NGUYỄN NHƯỘC PHÁP, VŨ-TRỌNG-PHỤNG, ĐỒ-THỨC-TRÂM đã chết, là năm cái tang chung cho cả Thi-sĩ, Văn-sĩ Hà-Nội. Các tờ báo đều để băng đen.

Trừ đời ba kẻ tài không hơn, học không giỏi, nhưng phách lối quá chừng, kiêu-căng quá độ, chuyên-môn ca-tụng cùng nhau, mẹ hát con khen với vài tên xujnh, những kẻ ấy không thương ai, và chẳng khóc ai...

Kỳ sau:

II. Đời sống vật chất

## Mưa Chiều

Sài-gòn chiều nay trời còn mưa không em  
Đường về hình như nhà ai đang lên đèn  
Sầu-tư nghe về nghìn trùng trong tim  
Trời còn mưa, mưa hoài, mưa trong đêm.

Ngày xưa chiều nào mưa nhoe sân ga  
Người về theo con tàu chờ đi xa  
Lời xưa như giòng mưa rồi trôi qua  
Ôi thời gian, thời-gian rồi phôi-pha.

Nghìn năm đời thường buồn cho tình yêu  
Thương bao-nhiều càng thêm đau bao-nhiều  
Buồn mà chi khi tình đang về chiều  
Đau mà chi cho đời thêm cô-liêu.

Nơi này chiều nay mưa đang còn rơi  
Ta im nghe lòng dâng lên nghìn lời  
Còn gì đâu không-gian là đời nơi  
Mà em ơi thời-gian nghe xa vời.

Xuôi giòng nghìn năm rồi đời làm quên  
Mười năm sau nhìn nhau như không quen...  
Em ơi, đường về nhà ai đang lên đèn  
Sài-gòn chiều nay trời còn mưa không em.

HUY-PHƯƠNG

(Quảng-Tri)



CON SO  
NHÀ MA

✧ PHAN THỊ MỸ-KHANH

“ Con so nhà Ma  
con ra nhà chồng ”

(Tục ngữ miền Trung)

CÒN ở đằng xa, Thái đã nom rõ cây duối cao, tỏa tàn lá xanh đen sẫm, nàng vội rảo bước đi nhanh. Chiếc thúng cắp bên nách, cái bụng chứa sắp gần đầy hình như voi nhẹ dần. Gần đến ngõ, nàng dừng bước, lấy chiếc nón lá xuống, quạt vợi ít cái cho đỡ nóng. Nàng đưa ngang cánh tay áo chùi những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán.

Vài sợi tóc mai lúc này bị dính chặt, bây giờ được bung ra, bay phất phơ trước gió. Mới chưa hết tháng hai mà trời nóng lạ. Thái lại vừa mới đi băng qua cánh đồng Vạn, nắng chan chất, không có lấy một bóng cây.

Qua cái sân gạch nhỏ nhỏ, bây giờ Thái mới thật là đi vào nhà bác Hợi, nhà của cha mẹ đẻ nàng. Nổi một nhọc ban này biển

hải, vẻ hớn hở hiện ra trên khuôn mặt ửng hồng, nụ cười chờ sẵn trên cặp môi toét những nước triều. Con chó vàng nằm trước thềm chạy xô ra, sủa lên mấy tiếng dữ tợn, nhưng khi nhận ra hơi quen của cô con gái chủ, nó quẩn quít bên chân Thái, vẫy đuôi mừng rỡ.

— Ô! kìa chị Hai về đó, mẹ ơi!

Con Thi, đứa em út của Thái reo lên như người bắt đợc của. Thái bước vào, đặt chiếc thúng xuống đất. Nhìn quanh, thấy nhà vắng ngắt, nàng xoa đầu em hỏi tíu tíu :

— Cha mẹ đi đâu em ? Có mình em coi nhà hả ? Thằng Tài con Thân đâu ?

Con Thi lúc ấy đã ngồi xồm xuống đất, cạnh cái thúng. Tay nó mân mê chiếc mẹt dậu, muốn giở ra nhưng ý chừng sợ chị, rụt rè không dám. Nó níu áo chị, nũng nịu : « Cha đi cày, mẹ còn ở sau vườn. Anh Tài đi học, chị Thân thả trâu ở đồng Vạn, chị không gặp sao ? » Nói xong, không đợi chị bảo, nó chạy tót ra vườn, gọi mẹ om sòm. Nó mang máng biết rằng chị Hai nó chỉ đợi mẹ về mới giở thúng ra.

Bác Hợi gái tự ngoài vườn

đi vào, một tay ôm mớ củi nhánh tre, một tay ôm mớ rau đủ loại : đền, má, bát bát, mồng tơi. Thấy con gái, lại mừng quýnh nhưng tỏ vẻ ngạc nhiên : « Ủa tưởng cuối tháng con mới về, hôm trước bà Sửu xuống nói mà ! » Thái ra hiện nhờ nước triều đánh phệt một cái, lấy hai ngón tay quạt từ hai khoé miệng xuống môi dưới, trả lời mẹ : « Dạ, số là cuối tháng kia, nhưng bữa nì dưới nhà gặt xong, con về sớm làm giúp mẹ ! » Bác gái bấu môi, nói đùa con gái : « Thôi đi cô, mang cái trống trận mà nói chuyện làm giùm với làm giúp ! » Thái không nhịn, đùa lại mẹ : « Mẹ cứ nói, con làm còn hơn người không mang trống nữa kia ! » Vừa nói, nàng vừa ngồi xuống giở chiếc mẹt dậu thúng ra. Con Thi từ nãy vẫn yên lặng, chỉ chờ có thế. Nó hấp tấp chạy lại đứng cạnh chị Bác gái mắng : — « Con Thi kìa, ra đi chơi, mi chỉ được cái lấu tấu.. » Con bé tiu nghiu, lùi ra sân trốn mất. Thái thương hại em, kêu giắt lại nhưng con bé sợ mẹ, chạy luôn ra ngõ. Thái soạn các thức, đặt vào chiếc mâm gỗ sơn cũ kỹ, bưng đề trên ván, trước mặt bác Hợi. Một mớ gạo nếp thật trắng, một miếng thịt bò

tươi, chực chiếc bánh nếp gói giấy ngũ sắc mua ở chợ. Bác nhìn con gái, âu yếm : « Con đem về những chi mà nhiều rứa ? » Nàng đến bên mẹ, xoa hai tay, có vẻ trịnh trọng : « — Thưa mẹ, gọi là chút ít quà, mẹ con dưới ấy cho con đem về cho cha mẹ và mấy em. Tiếng " mẹ con dưới ấy " nàng nói lướt nhanh không rõ nhưng bác gái cũng dư hiểu đó là của bà Sứ, mẹ chồng Thái gọi lên. Tuy làm dâu đã một năm và sắp có con. Thái vẫn còn giữ vẻ e thẹn khi nói đến mẹ chồng. Bác gái tươi cười, có vẻ bằng lòng nhưng cũng nói lấy lệ — " Bà Sứ khéo bày vẽ thì thôi !... Nếp nhà con hay nếp mua đó ? » Thái vui vẻ, nói đùa khoe với mẹ : « — Dạ, đám nếp hương chỗ ngõ, năm ni trúng quá mẹ nợ, cấy có tám bát giống mà được hơn hai chực ang ! » Bác gái cũng tấm tắc : — " Chào ! trúng quá hỉ, chẳng bù với ruộng nhà mình " Hai mẹ con cùng đứng dậy. Bác gái vào bếp, sửa soạn cơm trưa. Thái đi thu dọn các thức, tìm con Thi cho nó mấy chiếc bánh và dặn : " Bánh chị để kia phần anh Tài và chị Thân nghe ! Em đi chơi đi, giới rồi chị thương. »

Bữa cơm trưa hôm ấy, cả nhà ăn rất ngon lành. Con Thi, thằng Tài cứ gắp mãi đĩa thịt bò xào. Mùi nếp hương thơm ngát ở nồi xôi xông lên nhẹ nhàng. Bác Hợi trai vừa ăn vừa hỏi chuyện con gái về mùa màng ở nhà chồng. Thái vui vẻ trả lời cha, nhanh nhẹn chạy đi xới cơm, gắp thức ăn lên mâm. Chẳng bù với mấy hôm trước, cứ đến bữa là nàng ưỡn oải không buồn bưng chén.

Thái về nhà chồng từ dạo tháng ba năm ngoái. Anh Ngử, chồng nàng là con bà Sứ ở dưới An Xuân. Chỗ ấy về nhà nàng tuy không xa nhưng phải qua một chiếc đò ngang. Hai nhà mới kết thân song bà Sứ hiềm hoi nên xin cưới sớm. Thái mau con. Mới đó mà nay sắp đẻ rồi. Tháng giêng, bà Sứ lên thăm sui gia, và theo lệ thường, con so nhà mạ đã gọi gắm trước với vợ chồng bác Hợi về sự năm cũ của con dâu : — « Bữa ni, con Hai cũng gần ngày, tôi lên thưa anh chị một tiếng thăm sự nhờ anh chị bày vẽ giúp. Tôi định cuối tháng hai cho nó về đây cũng không muộn, chừng nửa tháng ba nó mới năm ». Bác gái đỡ lời chồng, cười xuề xuòa : — « Chị không nói, chúng

tôi cũng phải liệu, nghề có con gái thì ai cũng rứa, rồi sau nó có mười dứa cũng giao chị chớ ! » Lần ấy, bà Sứ đem lên một con cá thu, và một mâm chè khô, gọi là cái lễ. Mấy hôm sau, anh Ngử cũng lên thưa với ông bà nhạc từng ấy chuyện, nhưng vì thẹn anh nói ấp úng chẳng lưu loát bằng mẹ. Vợ chồng bác Hợi, vốn dễ - dãi, cũng cho là được. Thương con thì thương rể, hai bác nghĩ thế. Lần ấy, anh Ngử đem một chai rượu, bác trai uống tha hồ và say khê khê cả buổi tối.

Thái bắt đầu ở luôn nhà cha mẹ để chờ ngày lâm sản. Nàng đi chợ gặp mấy bà cùng xóm. Ai cũng hỏi thăm vồn vã : « — Có Thái bữa ni về dặng năm ở phải không ? » Chị Mùi đoán : « — Chắc có đẻ con trai rồi ! » Bà Tự, giọng đầy kinh nghiệm : « — Cái bụng cô ấy to bè bè như rứa thì không phải là con trai ! Tôi nói con gái, đẻ rồi mấy bà coi ! » Không ai cãi lại bà ta, còn Thái, nàng chỉ cười, dặng e thẹn.

Nhà đã lên đèn. Vợ chồng bác Hợi ăn xong vừa uống nước. Có tiếng rên nho nhỏ tự trong buồng phát ra. Bác gái ngạc nhiên hỏi

với xuống bếp : « — Thân ơi, chị hai con có ăn cơm dưới nhà không ? » Con Thân chạy lên : — « Dạ không. » Thì ra, từ chiều. Thái đã nghe lâm râm đau bụng, trước còn thưa, sau nhặt dần. Cái lưng tức như chực gãy ngang. Nàng cố nén sự đau đớn, chưa cho mẹ biết vội và vào buồng nằm. Nhưng lúc này nàng không giữ nổi tiếng rên rĩ, con đau mỗi lúc một xâu-xé dữ dội. Bác gái ăn vội miếng trầu, hấp tấp đứng dậy : — « Con ni chừng đã tới ngày đây ! » và bác vụt ra ngõ, rẽ vào những lối tắt trong xóm nhà bác vẫn quen thuộc. Chưa dập bả trầu bác đã trở về cùng một bà trạc tuổi bác, cặp mắt hấp hèm : bà đỡ. Bác thấp đèn trong buồng, dẫn bà ta vào. Thái đang nhăn nhó, hai tay bít chặt lấy thanh giường để chống lại với con đau. Bà đỡ đánh đét vào lưng nàng một cái : « Dậy tôi coi thử nào, các cô cứ ăn ngũ cho lắm, đến khi đẻ rồi mới biết ! » Thái cũng thấy bà ta nói ức nàng, vì thật ra ở nhà chồng cũng như ở nhà cha mẹ, nàng vẫn làm vẫn vật suốt ngày. Nghe các bà già nói người có mang phải năng vận động, ai ưa nằm và ưa ngủ là

khó đẻ, nàng rất lo sợ. Nhiều khi rồi việc, nàng cũng tìm cách làm lung. cử động kia mà !

Nhà ngoài, bác Hợi gái lo lắng. Những cảnh khó khăn trong lúc sinh đẻ, những sự nguy hiểm cứ ám ảnh bác. Bác trai lên nhà trên đốt hương xuyết xoa khăn vái. Thái vẫn rên dữ trong buồng. Bác gái càng cuống cuồng, chạy ra chạy vào không biết nên làm gì. Bà đỡ cười hề hề, nói cái câu nói thường của nghề bà ta, làm yên lòng mọi người : « Cái nghề con so thì phải đau đạo dằng dáo sá chớ, mình có nôn cũng chẳng được ! » Bỗng, có tiếng trẻ oa oa. Bà đỡ reo lên : « — À chú bé, hèn chỉ mà gan quá. Vợ chồng bác Hợi mừng rỡ. Bác gái vào phụ với bà đỡ. Bác trai không dám vào, chỉ lấp ló ở cửa.

Ngọn đèn dầu lờ mờ không đủ soi sáng căn buồng nhỏ hẹp, tối om. Thái nằm trên chiếc chõng tre ngắn hơn người nàng, bề ngang cũng không được rộng lắm. Trên đầu chõng, kê một chiếc ghế nhỏ để cây đèn, cái rổ con đựng trà cau và vài cái chai lọ linh tinh. Dưới gầm chõng, một nồi than đỏ rực bác gái đã quạt sẵn tự lúc Thái hãy còn đương

con đau bụng, một đôi guốc sơn cũ kỹ bạc màu, vài cái que cời lửa bỏ ngổn ngang. Ở thôn quê cái tục sinh đẻ nằm than và ăn uống kiêng khem đã truyền từ đời kiếp nào không biết và đã trở thành bất hủ. Mỗi lần các bà mẹ nghe con gái nói chuyện sinh đẻ theo cách nhà hộ sinh, là các bà công kích liền : « Mặc kệ ai, mình thì cứ « xưa bày nay bắt chước », chớ đời ông cha, mấy vệ sinh, mấy sách vở mà cũng sinh con đẻ cháu đầy đàn. Các cô có làm biếng kiêng khem thì đừng sinh đẻ ! »

Bác Hợi cũng là một trong các bà mẹ ấy. Ngày mới biết con gái có thai, bác đã lo đề ý sắm sửa từng li từng tí các vật dùng trong việc nằm cữ, từ cái võ dền, cái rễ cây giế — để uống — cho đến củ nghệ, hạt tiêu — đồ ăn. Đến cái nôi đựng than nằm bác cũng rờ mề xin trước của chị Mùi bên cạnh nhà, vì chị Mùi cũng sinh trước Thái độ vài tháng.

Đứa bé bây giờ đã được sửa soạn xong và đặt nằm cạnh mẹ. Sửa soạn đây nghĩa là bà đỡ chỉ lau chùi qua loa rồi bọc cái thân hình đỏ hồng của đứa bé bằng một cái áo vải dày cộm của mẹ nó.

Thái hãy còn mệt sau cơn đau kinh khủng của thê xác. Nhưng nỗi vui mừng hiện rõ trên khuôn mặt nhợt nhạt. Thái thoáng nàng quờ tay sang đứa bé và tùm tùm cười. Mấy hôm trước, đi chợ, nhìn thấy những chiếc áo trẻ con may sẵn bán ở hàng vải, nàng muốn mua nhưng ý nghĩ thẹn thù với mọi người trong chợ làm nàng rụt rè không dám. Với lại mẹ nàng hay nói rằng phải kiêng, đừng nên sắm sửa trước, để khi nào sanh xong hẳn hay. Bây giờ nhìn con trần truồng. Thái cảm thấy ao ước những chiếc áo con con đủ màu sắc sỡ...

Bà đỡ ra về. Bác Hợi trai thấp dẹt, đưa bà đến tận nhà. Bây giờ bác gái yên tâm. Thái đã được mẹ tròn con vuông. Bác ngã mình nằm xuống bộ ván kê gần cửa buồng, lầm nhảm tính công việc ngày mai rồi ngủ thiếp đi. Con Thân xuống An Xuân đã về. Cùng đi với nó có mẹ con bà Sửu. Anh Ngử gánh một gánh nặng trĩu, vừa tới sân đã mỉm cười. Bà Sửu hỏi thăm sui gia về việc sinh đẻ của con dâu. Bà thờ phào một cái :

« — May quá, Trời đất phò hộ cho con ! Tôi lo quá nên mấy

hôm rày cũng kém ngủ.» Rồi bà an ủi, lấy lòng bác Hợi một câu : « Tội nghiệp chị, con nó cũng báo cơ báo cực chị.» Bà đến bên con dâu, hỏi han săn sóc sức khoẻ của Thái, rồi lật cái chăn đắp đứa bé, bế cháu, nựng :

« — Ờ, ờ, nội tẻ quá, bữa ni mới lên bông cháu đây mà ! Đứa bé cựa quậy trên tay bà vài cái rồi lại ngủ khè. Bà nhìn kỹ gương mặt nó hình như cố tìm những nét riêng giống con bà. Bà rờ rấm hai vành tai, vuốt cái mũi, ngắm nghía đôi mắt. — «Chà, cái mũi, cái miệng giống cha nó như đúc.» Rồi bà vùng cười làm đứa bé giật mình khóc thét lên. Thái đưa hai tay đón lấy con : — «Thôi, mẹ đưa con cho cháu bú». Anh Ngử từ nãy vẫn lấp-ló ở nhà trên không dám vào buồng thăm vợ và xem mặt con. Anh thấy mẹ ra vào tự do mà thèm. Nổi sung-sướng hòa với sự e thẹn gây trong lòng anh một niềm vui khó tả. Anh soạn các vật trong gánh ra : nào gạo, nào than, nước mắm, vài lọ dầu Nhị Thiên... để mẹ thay anh nói với vợ chồng bác Hợi, rồi lui xuống nhà dưới, vào buồng. Thái đương ngủ yên. Anh rón rén đến

bên giường vợ, dòm vào đứa bé một tí rồi ra ngay như người vừa làm một việc phi-pháp. Anh nhớ lại mấy thằng bạn hóm hình luôn luôn đùa cợt anh khi biết vợ anh có mang : « Cậu Ngử mình lanh không ai-bằng ». Lúc đó anh nghĩ đến cũng sung-sướng nhưng rồi tư-tưởng chỉ thoáng qua trong chốc lát. Bây giờ thì thật sự anh đã có một đứa con, anh đã làm cha Anh Ngử mỉm cười một mình.

Thái ngồi trên ván, đang cúi-húi xếp mấy cái quần áo cho vào một cái giỏ mây. Bên cạnh nàng, thằng Ngôn nằm ngửa, đạp lia-lia. Mới hơn hai tháng mà thằng bé trông khá khinh, « sồ-sừa » tẻ ! Khuôn mặt tròn, hai má phúng-phính, những thịt, cặp mắt đen láy cứ mở to nhìn quanh quẩn. Đôi chân có từ ngắn tròn trĩnh cứ đạp lia-lia trên ván. Một tay nó quơ trên không, một tay nó nhận trong mồm, bú chùn chụt.

Thái vừa thu dọn, vừa trông con. Lòng nàng buồn rợi. Hôm qua bà Sửu lên xin đem mẹ con về vì đứa bé đã cứng-cát và nhà bà đơn chiếc. Vợ chồng bác Hợi ngồi ngùi nhưng cũng đồng ý. Thương con, thương cháu nhưng hai bác cũng nhận thấy cái lẽ nó phải thế. Cháu mình, nhưng lại cháu nội người ta, mình có quyền gì ? Bà Sửu hẹn chiều nay, tốt ngày, sẽ cho anh Ngử lên đón hai mẹ con. Thái cũng quyến-luyến không rời mẹ. Thái cảm thấy thương mẹ hơn bao giờ hết, hơn cả cái ngày nàng xách nón ra đi theo chồng về dưới An-Xuân.

Ngoài sân, ánh nắng đã nhạt dần. Anh Ngử lên từ nãy, đứng ngồi cật sức chiếc nôi con và giỏ áo quần của vợ. Chị Thái ăn mặc ra người mới ở cử dậy : chiếc áo dài đen phủ ngoài hai cái áo cánh, cái khăn vuông vải tràm kín đầu và hai tai, chân mang đôi guốc sơn cũ kỹ. Bác Hợi gái không quên nhắc chị lấy bông nhét kín lỗ tai kẻo sợ gió máy và lấy lọ quẹt vào trán đứa bé. Chị ôm con lên, chào cha mẹ, cặp mắt đỏ hoe. Bác gái hôn cháu : « — Thôi, con về ít bữa rồi mẹ xuống thăm, đừng khóc chi thêm đau ốm ra. » Bác khuyên con, nhưng chính bác, bác cũng nghẹn-ngào. Ra ngõ, bác căn-dặn rề : « — Qua đò, cho cẩn-thận nghe con, mẹ con nó còn yếu lắm ! » Anh Ngử dạ, gánh cái nôi đi trước, chị Thái bế con, cúi-thủi theo sau. Thằng Tài, con Thi chạy theo rờ rẫm đôi bàn chân nhỏ xíu của thằng bé. Bác gái nhìn theo cho đến khi dáng hai người đã khuất sau rặng tre. Lúc trở vào bác mới nhận ra bà con hàng xóm đứng đây ngó tiển chị Thái đi về. Bác chép miệng nói với mọi người : « Cái nghề xưa nay nó không ở thì thôi, ở lâu rồi đi thiệt nhớ dữ quá ». Chị Lanh góp một câu : « Nhà có trẻ cũng quen, vắng nó thấy cái nhà trống-trống. Bà Tư già vẫn cái giọng kinh nghiệm dạy đời : « Hơi mô, mà buồn, con so nhà mẹ, con rạ nhà chồng, ăn thua chi cái thứ con gái, cái lũ cháu ngoại ! »

MỸ - KHANH

Những cuộc tình-duyên  
của văn nghệ - sĩ  
K U A - N A Y

Cô vợ già, và  
Cô vợ trẻ của

DOSTOIEVSKY



FÉDOR MIKHÁILOVITCH DOSTOÏEVSKY là một Văn-hào Nga, dưới thời Nga-Hoàng, giữa thế-kỷ XIX. Ông sinh tại Moscou ngày 30-10-1821, chết tại Saint Pétersbourg ngày 28-1-1881. Ông là tác-giả many quyền-tiền-thuyết danh-tiếng, mà phần-nhiều đã được dịch ra nhiều thứ-ngoại-ngữ : Les Possédés, l'Adolescent, l'Idiot, Crime et Châtiment, Humiliés et offensés, Les Frères Karamazov, v.v...

Quyển sau này đã được diễn thành-phim và mấy tháng trước đây đã chiếu trên các màn-ảnh Saigon. Ông là nhà Văn-xã-hội, nhà Văn của những kẻ nghèo khổ đói rách, bị áp-bức, bị sỉ-nhục. Mỗi tình của ông mà tôi thuật ra sau đây là một mối tình rất đẹp và một tình duy-nhất của ông.

★ TÂN - PHONG



lính cũng chưa bắn. Còn chờ quan tòa đến. Bỗng nửa giờ sau, có lính ngự-lâm quân của Nga hoàng phi ngựa đến pháp-trường và đọc chiếu chỉ của Hoàng-đế Nicolas Ier :

— Hoàng-đế tha tội chết cho tất cả hai chục phạm nhân. Chỉ bị 4 năm khổ sai đày qua Sibérie !  
Thế là Dostoievsky khỏi chết,

~~~~~  
**nàng xấu xí tở !**  
~~~~~

32 tuổi mới bắt đầu yêu, thì lại yêu một chị đàn bà góa chồng, 40 tuổi !

Tên nàng là MARIE DMI-TRIEVNA ISSAIEV.

Nàng đã có một đời chồng dỏng lon đội. Ông đội chết vì bệnh ho lao, để lại cho nàng cả một gia tài vì trùng Koch, (vi-trùng bệnh lao). Ngoài ra, nàng không có một xu, và phải đi làm mướn để có tiền nuôi đứa con trai của ông Đội. Tại sao Dostoievsky có thể yêu được người đàn bà ấy ? Đã lớn tuổi hơn chàng, lại nghèo rớt mồng tơi, lại ho lao hạng nặng, lại xấu xí như ma lem ! Dostoievsky có nói trong quyền « Hồi ký » của ông. « chỉ vì ông

nhưng bị 4 năm lưu-đồ. Mãn hạn tù, theo lệnh Hoàng-Đế, 20 phạm nhân này được trả lại tự-do nhưng phải nhập-ngũ làm binh nhì trong Chi-đoàn Lục-quân ở Semipalatinsk.

Nhà Văn Dostoievsky bỗng đứng thành anh lính «Đo-đem cắt bắp» (1) ! Nơi đây ông gặp mối tình đầu-tiền hồi... 32 tuổi.

thương hại kẻ đàn bà đau khổ không những bị người đời hắt hủi mà còn bị cả Chúa Trời hắt hủi ».

Đĩ nhiên Marie không phải là người yêu lý tưởng, nhưng có ai hiểu cho rằng anh binh nhì Dostoievsky mấy năm sau trở nên nhà văn hào lừng lẫy tiếng tăm khắp thế giới, lúc bấy giờ yêu chị đàn bà xấu xí và khô đét kia, chỉ vì lý tưởng nhân đạo của ông ?

Nhưng sự hy-sinh lớn lao và hi hữu của cả cuộc đời và hạnh-phúc của ông để cứu vớt người đàn bà đau khổ, đã làm cho ông

(1) *Tiếng Việt, nói nhại theo tiếng Pháp « deuxième classe », nghĩa là « Binh nhì ».*

cảm-xúc quá mạnh, và ngay trong đêm tân hôn đã xảy ra một tấn-kịch lạ lùng. Đêm ấy, từ trên giường vợ, Dostoievsky ngã lăn xuống đất, miệng trào nước bọt, mắt trợn trắng, nằm dẫy dẫy như con gà bị toi, sắp chết. Bà vợ hoảng hồn, ú ớ, cũng không nói được một tiếng. Nàng chỉ ẵm chàng lên giường, xoa bóp cho chàng một lúc thì chàng hồi tỉnh.

Dostoievsky xin lỗi vợ vì đã làm phiền lòng nàng. Sau đó, Hoàng đế Nicolas Ier băng hà. ALEXANDRE II lên kế vị. Dostoievsky gửi thư lên Ngài, xin giải ngũ. Vì Nga-Hoàng mới này có lòng yêu chuộng các văn nghệ sĩ, ký giấy cho Dostoievsky được trở về Saint Pétersbourg.

Xa cách thành phố này mười năm, công chúng và làng văn đã quên bằng tên Dostoievsky. Nhưng nhờ thời gian ở tù, rồi làm lính, bao nhiêu kinh nghiệm và khổ nhục của cuộc đời ông, đã rèn đúc cho thiên tài của ông một nhuệ khí mới, sắc bén hơn, và già dặn hơn nhiều. Ông viết liền tiếp 3 quyền Hồi ký « *Humiliés et offensés* » (1) *Souvenirs de la Maison des Morts* (2) *Mémoires écrits dans un sous-terrain* (3) Cả ba đều được công-chúng nhiệt liệt hoan nghênh. Nga-

Hoàng đọc sách ông cũng cảm-dộng và gởi lời khen tặng. Ông mở một tạp-chí văn nghệ mà một mình ông viết gần hết các bài, để đỡ trả tiền nhuận bút, vì ông văn nghèo.

Ông vẫn mang nợ, và bị các chủ nợ kiện ông. Ông phải ra tòa để tự bào chữa cho mình. Ông phải vay mượn đầu nợ để đắp đờ đầu kia và phải viết bài trừ nợ cho các báo khác mà ông đã mượn tiền.

Mặc dầu ông đã có tiếng tăm và đã chứng tỏ là một bậc văn tài lỗi-lạc của Thế-kỷ XIX, ông vẫn bị người đời khinh bạc, vì ông nghèo, vì ông mắc nợ, vì ông cứ sống lăn-quần trong vòng túng-thiếu, không tranh đua với bạn bè, không biết đua-nịnh kẻ quyền cao chức cả.

Giữa lúc ấy, bà vợ ho-lao chết, để lại cho ông thêm một món nợ kết-xù, nợ tiền thuốc men, nợ các Bác sĩ, nợ cả người cho thuê xe đò đám ma !..

Ông xuất bản 2 quyền sách : « *Crime et Châtiment* », « *Le Joueur* » nhưng tiền bản quyền cũng không đủ trả nợ.

(1) « Những kẻ bị nhục và bị khinh »

(2) « Ký-ức của Nhà những người Chết »

(3) « Hồi-ký viết dưới hầm »

## CÔ THƯ KÝ 20 TUỔI

Thế rồi bỗng dưng, một thiếu nữ 20 tuổi bước vào trong đời sống phong trần ấy. Chính là cô thư-ký của ông, tên ANNA GRIGORIEVNA. Anna đẹp, ngoan, thông-minh, tính-nết rất hiền-từ. Cô làm thư-ký đánh-máy và tốc-ký-viên của ông đã 3 năm rồi. Không ai hiểu rõ đời ông bằng cô Anna Grigorievna. Một hôm, Dostoievsky bị một chủ nợ nói những lời sỉ-nhục ông. Ông ngồi lặng thinh không trả lời. Khi người chủ nợ ra về, Anna đến gần ông, cởi hết các món nữ-trang của cô đang đeo, để trên bàn ông, và khế bảo :

— Nếu ông cho phép, tôi đem các món vô dụng này đến tiệm cầm đồ chắc có đủ số tiền để trả nợ cho ông.

Dostoievsky cảm động nhìn trân trân cô thư ký :

— Anna từ tế quá... Nhưng không nên làm thế, Anna ! Ờ, mà tại sao tôi không đem quần áo của tôi đến tiệm cầm đồ nhỉ ? Ừ nhỉ, tại sao ?...

— Không. Ông cứ để tôi lo liệu.

Anna Grigorievna chạy một

mạch đến tiệm cầm đồ. Xong rồi cô đến thẳng nhà chủ nợ, thanh toán hết.

Chiều hôm ấy, Anna trở về nhà, Dostoievsky, thấy ông đang ngồi gục đầu xuống bàn khóc. Cô đến cạnh ông, thổ thê bảo :

— Ông nên để tôi giúp đỡ ông về mọi việc lật vật hằng ngày. Để ông có thể đem hết tâm trí vào công việc sáng tác...

— Anna ! Tôi làm phiền Anna nhiều quá...

— Không phiền gì đâu, ông Dostoievsky. Những sáng tác của ông, đó mới là quan trọng. Quan trọng hơn tất cả !

Dostoievsky vô cùng cảm động nắm bàn tay mơn mớn của cô thư ký :

— Anna !

Dostoievsky nhìn say mê trong đôi mắt tuyệt đẹp của nàng một tia sáng yêu đương đầy nét dịu hiền vô tận. Rồi, lặng lẽ, như thể có một sức quyến-rũ huyền-bí thu hút lẫn nhau, hai người ôm vào nhau, và đôi môi gần chặt một nụ hôn rạo-rực đầu tiên.

Với Anna Grigorievna, 20 tuổi, đây là mối tình đầu mà nàng muốn là mối tình duy nhất. Nàng biết rằng với Dostoievsky, bảy giờ đã 48 tuổi, cũng là mối tình đầu và có lẽ là mối tình cuối.

Ngay đêm hôm ấy, cô Anna Grigorievna đã trở thành Bà Dostoievsky.

Thật là một cuộc phiêu-lưu phi-thường của đôi tài-tử giai-nhân : ba hôm sau, họ bỏ Saint-Petersbourg, đi ngao-du gần khắp Âu-châu : Dresde, Hambourg, Baden-Baden, Paris, Genève, Vevey, Florence.. Họ không ở trọ các khách-sạn lớn, chỉ ở những lữ quán nghèo-nàn, chỉ dùng những bữa ăn của lao động, và phải bán những đồ nữ-trang, bán cả áo quần của chồng và của vợ... Họ là hai người Bohémiens hai người phiêu-lưu khách, không cửa, không nhà... nhưng say sưa hạnh phúc. Hạnh-phúc tuyệt vời, nhưng tiếc thay không bền. Chính tháng sau, Anna sinh một đứa con gái, nhưng không nuôi được, chỉ ba hôm thì chết. Dostoievsky đâm ra thất vọng, gần như điên cuồng, ông để râu mọc dài, đôi mắt ngơ ngác như chỉ nhìn thấy chung quanh mình toàn là tàn nhẫn,

là phản bội. Chỉ có Anna, người vợ trẻ đẹp, dịu hiền, là trung-thành với ông và số kiếp của ông mà thôi.

Thời gian này, ông viết quyển « L'Idiot ». Một năm sau, Anna sinh đứa con gái thứ hai, lần này nuôi được, và rất kháu khỉnh. Ông phải lo viết nữa để kiếm tiền nuôi con. Quyển « Les Possédés » ra đời. Quyển này thật là ly kỳ. Nó gây ra một luồng dư luận xôn xao, nó chứa đựng một chất men nồng về thực tế chủ nghĩa làm rạo rục các tầng lớp sâu kín nhất của xã hội.

Quyển sách này được thế-giới chú ý đến đặc biệt. Tiền bản quyền đã được nhiều. Từ Florence, hai vợ chồng mua sắm đồ đạc, xách va-li trở về Saint Petersbourg.

Ông tiếp tục viết quyển « Journal d'un écrivain » (Nhật ký của một nhà văn) trong đây ông đề cập đến hết cả những vấn đề đã làm ông suy nghĩ bấy lâu về các tôn-giáo và số kiếp của loài người. Rồi ông xuất bản hai bộ truyện vĩ đại nhất : « L'adolescent » và « Les Frères Karamazov » mà chính ông cũng cho là kiệt tác.

Bộ truyện này thành công rực rỡ, và đưa Dostoievsky lên một

bức Văn hào vinh quang của thế-giới. Hôm 8-6-1880, ông được mời diễn thuyết tại Moscou. Bài diễn thuyết này được hoan hô nồng nhiệt. Nhiều thiếu nữ ôm hoa lên tặng ông và hôn tay hôn trán ông. Một chàng thanh niên cảm xúc quá, gục xỉu bên chân ông.

Bây giờ ông đã 60 tuổi, ông mới được hoàn toàn sung sướng. Bà vợ 32 tuổi của ông yêu ông vô cùng và hết lòng săn sóc cho ông. Đứa con gái cũng đã lớn, rất đẹp và rất dịu dàng. Nhưng, ngày 28-1-1881, ông bị bệnh xuất huyết, không sống được nữa.

Đám ma của ông đã thành ra đám tang chung cho cả nước Nga.

Nhân viên chính - phủ, các ông Hoàng, các Công-Chúa, các ông Cố Đạo, hàng vạn Nam, Nữ học-sinh, thợ - thuyền, cho đến cả các đoàn ăn-mày, đều đi đưa linh-cửu của Dostoievsky, nhà Đại Văn Hào mà trước kia ai cũng khinh-rẻ, ganh ghét, dèm pha, nói xấu, mà bây giờ, cả nước, cả Thế-giới, đều cúi đầu thương tiếc. Quan tài đi giữa một rừng biều - ngữ tán dương ông và khóc ông.

Bà Dostoievsky, Anna Grigorievna, tha-thiết yêu ông từ hồi 20 tuổi, vẫn ở vậy thờ ông cho đến già, được cả nước Nga tôn-sùng chiêm ngưỡng.

TÂN-PHONG



### PHÁCH LỜI CỦA NHÀ VĂN

Một độc-giả hỏi Sacha Guitry :

— Trong mấy chục quyển sách của ông viết, ông cho quyền nào hay hơn cả ?

Nhà văn-hào của nước Pháp trả lời :

— Tôi không thể quyết chắc được là quyền nào, vì quyền nào của tôi viết cũng hay hơn cả.

B. T.

## Những người đàn bà lừng danh trong

### LỊCH - SỬ





# CLÉOPÂTRE

## HOÀNG-HẬU AI-CẬP

Lợi dụng sắc đẹp khuyh nước khuyh

thành, nàng quyến rũ Antoine, để thực-hiện tham vọng  
xâm chiếm Á - Châu làm một Đế - quốc to lớn cho

Césarion, con trai của Nàng và César

(Tiếp theo P. T. số 33)

### \* TÂN PHONG

**M**ARC Antoine, viên  
dũng-tướng của La-Mã  
sau một đêm say-sưa bên cạnh  
Hoàng-hậu Ai-cập, đã hoàn-  
toàn bị nàng chinh-phục. Sách  
Tàu xưa có câu danh-ngôn :  
« Nhi-nữ tình trường, anh-hùng  
khí đoản ». Đại-tướng Marc

Antoine đã ngã vào trong lòng  
Cléopâtre, thì còn gì là chí-khí  
anh-hùng của chàng nữa? Chàng  
đã lãnh nhiệm-vụ của La-Mã  
kéo đại binh qua chiếm thành  
Alexandrie, đánh lấy Ai-Cập,  
Hy-lạp, Thổ-nhĩ kỳ, để đâu chưa  
đổ bộ lên hải-cảng Alexandrie,  
chàng đã bị cặp mắt đa-tình của  
Hoàng-hậu Ai-cập thu hút hết  
tinh-thần của chàng, cho chàng  
say mê điên-đảo. Các bạn hãy  
xem pho-trợng của Marc Antoi-



MARC ANTOINE

ne, hiện còn để trong Bảo-tàng-  
viện của Tòa thánh Vatican,  
với nét mặt anh hùng quắc-  
thước thể kia của một vị Đại-  
Tướng lừng danh trong lịch-sử  
La-Mã, vậy mà chàng đã phải quỳ  
lụy bên chân một « nhi-nữ » đào  
tơ liễu yếu.

Mặc dầu ở La-Mã Antoine đã  
đính-hôn với Fulvie rồi, Cléo-  
pâtre vẫn tuyên-bố làm lễ thành  
hôn, ở Ai-cập, với chàng. Lễ  
thành-hôn của Hoàng-hậu với

Đại-tướng được tổ-chức vô cùng  
lộng-lẫy, suốt mấy ngày đêm đại-  
hội liên-hoan khắp cả đô-thành.  
Nơi mấy ngã tư đường phố, từ  
các miệng phong-ten rượu chảy  
ra cho dân chúng uống tha-hờ.  
Hàng vạn người được Hoàng-  
hậu đãi ăn uống say sưa, rồi  
dồn ca múa hát vang dậy cả non-  
nước của triều - đại Ptolémée....  
Nhưng, thật ra, đâu phải vì  
Cléopâtre khẩn - khít tình duyên  
với Marc Antoine ! Nàng chưa  
mãn tang César Đại đế, nàng mới  
có 24 tuổi, và đưa con trai quý-  
của nàng với César hãy còn bé-  
bồng. Nàng không sao quên được  
César, bậc vĩ nhân thông-minh  
tuyệt-vời, anh hùng muôn thuở.  
César nghệ sĩ, thi-sĩ, đa tình và  
đa cảm mà nàng đã yêu mê đắm-  
đuối, dâng hết cả tuổi trẻ cho  
chàng, dâng hết cả quê - hương  
Ai-cập cho chàng, César mà nàng  
đã mất sớm, nàng đau xót khốc-  
thương ! Cho nên bây giờ nàng  
quyết làm sao lấy hết Châu - Á,  
Châu-Âu, Châu-Phi, cả Đế-quốc  
La-Mã, để làm một Đế-quốc vĩ-  
đại cho đưa con trai độc nhất-  
3 tuổi, Césarion, đưa con trai  
yêu quý của nàng và của César.

Marc Antoine chỉ là phương-

tiện để cho nàng xử - dụng, để thực-hiện tham-vọng lớn lao kia.

Cléopâtre đã thành-công được giai đoạn đầu, ngay từ khi Đại-tướng La - Mã kéo đoàn chiến-thuyền oai vệ vờ mới cập bến Alexandrie. Marc Antoine sang với nhiệm-vụ lấy thành và xâm-chiếm Ai - cập, nhưng bây giờ đây Hoàng - Hậu đã dùng sắc đẹp mà chinh-phục được chàng, không những giữ vững được giang-sơn Ai - cập, mà còn dùng chàng để chinh - phục các xứ phương Đông nữa.

Sau lễ thành-hôn, tới mùa xuân, Cléopâtre bảo Marc Antoine kéo đại binh qua đánh Ba-Tur và Ấn-Độ. Nàng cho một đội binh Ai-cập đi với binh-lính La-Mã, và một đoàn lạc-dã, một đoàn xe để chở khí giới và lương thực. Marc Antoine, Đại-tướng La-Mã, bây giờ đã thành ra Đại-tướng của Cléopâtre, đi chinh-phục những đế-quốc mới ở Á-châu cho nàng. Nàng muốn Antoine đem về cho nàng những kho tàng vàng ngọc châu báu của Ba-Tur và Ấn-độ.

Nhưng tình - hình chiến sự không làm thỏa-mãn được tham-vọng của nàng. Các dân - tộc

Cận đông đã liên - kết nhau để chống cự lại Marc Antoine. Chàng đã vượt qua sa - mạc mênh-mông của Arabie, nhưng khi đến đóng trại nơi biên giới Ba-Tur thì liền bị đoàn quân kỵ-mã Scythes đến đánh tan hoang. Quân Ba-Tur lại cướp lấy gần hết các đồ hành lý và lương-thực của đoàn quân La-mã. Ai - Cập, khiến cho binh lính của Marc Antoine chết đói, chết khát, trở nên điên cuồng, chém giết lẫn nhau.

Marc Antoine buồn bã đem tàn quân về Alexandrie và chỉ uống rượu suốt ngày để quên cái nhục lớn ấy.

Nhưng Hoàng hậu Cléopâtre không hề nản - chí. Không chinh phục được Ba - Tur, Ấn - Độ, thì nàng quyết đánh lấy La-Mã. Nàng tạm bỏ Á-châu để quay sang Âu-châu. Thật là từ Lịch-sử Thượng-cổ chưa có vị Đại-tướng nào, chớ đừng nói là dân-bà, có tham-vọng quá lớn-lao và điên cuồng đến thế. Nàng sắp-dặt liên-kết với các nước nhỏ, Hy-Lạp, Thổ-nhĩ-kỳ để đánh La-Mã. Hoàng-đế AUGUSTE được tin ấy liền bãi binh bỏ trận để canh-phòng La - Mã.

Hoàng-đế Auguste là người thế nào? Nổi-nghiệp cho Đại-đế César, Octave (tức là Auguste) cháu của César, lúc mới kế-vị, chỉ là một cậu thanh-niên ốm yếu. Mặt mũi thì bị lác ăn, ngứa ngứa cứ gãi hoài, răng thì thúi hết, tóc thì rụng hết, đi cà-thọt phía bên trái, người ốm-tong ốm teo, trông như một anh chàng cùi. Đã vậy lại bị bệnh đau gan, đau ruột, nước da xanh dờn, lúc nào ông cũng mặc hai ba chiếc áo bên lông cừu trùm kín cổ, bịt kín tai, mà vẫn cứ hay nhức đầu số mũi luôn. Ông lại không ưa trang sức như César, không bao giờ tắm rửa, ngồi trên ngai vàng mà cứ gãi sột sột khắp mình mẩy, không biết mỗi tay.

Ấy thế mà, Hoàng-đế Auguste của Đại-đế quốc La-Mã, lại là một bậc võ-nhân kỳ-tài của Lịch-sử.

Được tin chiến - thuyền Ai-Cập của Cléopâtre và Marc Antoine kéo đến hãm thành La-Mã, Hoàng-đế Auguste (1) đem binh ra đánh một trận làm tan tành hết lực lượng của quân thù. Marc Antoine kéo tàn binh về Alexandrie và cũng chỉ uống rượu say-

sưa suốt ngày để quên các cuộc bại trận đau đớn và nhục nhã.

Hoàng-đế Auguste quyết sang Ai-cập để bắt giết Antoine viên đại-tướng phản-bội. Được tin, Cléopâtre liền tổ-chức lại quân-đội, củng-cố các thành trì, tăng-cường phòng-thủ Hải-cảng Alexandrie. Nàng không nhờ cậy nơi sức của Marc Antoine nữa, nhưng nàng vẫn không ghét bỏ chàng. Một hôm, Hoàng-hậu Cléopâtre đang ngồi trên ngai, chủ tọa một buổi đại-triều quyết định việc chống giữ thành-trị. Chung quanh nàng có đủ bá - quan văn - võ, ai nấy đều tôn - kính nàng và sợ-sệt vì sắc đẹp của nàng diễm-lệ và oai-nghi. Những cung-nữ quỳ hai bên, cầm quạt quạt cho

(1) Đề ghi on Hoàng-đế Auguste đã thắng trận này hồi tháng Tám, các nhà làm lịch La-Mã đã lấy tên ngài đặt cho tháng Tám: August (Ngày nay vẫn còn, theo tiếng Anh là tháng August, tiếng Pháp Août, cũng một gốc tích ấy). Cũng như tháng Bảy là lấy tên của Hoàng-đế Julius César, ngày nay tiếng Anh vẫn gọi là tháng July, tiếng Pháp là Juillet.

nàng, và dâng rượu lên nàng. Đại-tướng Marc Antoine từ ngoài vén bức màn gấm treo trước cửa điện, bước vào. Chàng say rượu, đi ngã qua ngã lại, không vững, mặt đỏ gay, nước dãi nhều lòng-thông nơi miệng. Chàng vin vào cột đá cẩm thạch, bước không được nữa. Chàng cất tiếng lè nhè hỏi :

— Hoàng-hậu yêu quý của ta ơi ! Chừng nào Octave (1) qua đây ? Liệu ta có đủ sức đánh nó không ?

Trước mặt các quan Triều thần, Cléopâtre vẫn tỏ vẻ hiền-lành, nboèn một nụ cười duyên-dáng đáp :

— Đại-tướng cứ về phòng nghỉ, uống rượu chơi với bạn bè. Việc bảo vệ Alexandrie, nay để mặc ta.

Nàng biết không còn dùng được Marc Antoine nữa rồi, chàng đã hoàn-toàn hư-hỏng vì quá mê nàng, nhưng nàng cứ để yên chàng đấy, không nỡ ghét bỏ, và cũng không yêu. Nàng vẫn đeo đuổi tham-vọng để cho đứa con trai của nàng và của César một Đế-quốc to lớn xứng đáng với uy-danh của vị Đại-đế. Nàng có nghĩ đến chuyện lần này dùng sắc đẹp

lộng lẫy của nàng để chinh-phục cả Hoàng-đế Auguste không ? (Hay là Auguste muốn lợi dụng nàng chăng ?) Lịch sử không có nói rõ. Nhưng có điều lạ, là trước khi hành binh, Auguste có phái một viên sứ giả đến liên-lạc với nàng. Hoàng-đế chỉ yêu-cầu nàng trao trả Marc Antoine lại cho La-Mã, còn nàng vẫn được giữ ngôi báu Ai-cập và Triều đại Ptolémée vẫn tiếp-tục làm chúa tể xứ Ai-cập. Nếu không, Ai-cập sẽ bị La Mã xâm chiếm.

Muốn tỏ cho Auguste thấy Cléopâtre cũng là một vị Nữ-Chúa anh hùng, nàng mỉm cười từ chối :

— Không ! Ta quyết giữ Antoine không phải vì tình yêu, nhưng vì ta không muốn làm một việc phản bội. Người về tàu lại với Auguste, nếu quân đội La-Mã sang đây, ta sẽ sẵn sàng nghinh chiến.

Chiều hôm ấy, trong lúc nàng còn đang thảo-luận chiến-lược phòng-thủ với các tướng lĩnh Ai-cập, Marc Antoine lại đi thất thểu vào phòng Hội-ngủ, mồm sặc mùi rượu, hỏi nàng :

— Có tin gì lạ không ?

Cléopâtre chỉ trả lời :

— Không., chẳng có gì cả.

(1) Tên của Hoàng đế Auguste.

## CLÉOPÂTRE

Vẫn chính phục được dân chúng

và kinh-đô La-Mã

Cléopâtre sai người thân tín đem cậu bé Césarion qua đầu bên Ấn-độ, để một mình nàng rảnh tay chống giữ thành-trị Alexandrie, bảo vệ ngôi báu, kho tàng, và bảo vệ dân tộc của nàng.

Octave (Hoàng đế Auguste) kéo binh qua hạ được hải cảng Alexandrie sau một trận quyết-liệt. Quân-đội La mã đổ bộ lên Thành-phố. Nhưng Cléopâtre nhất-định không chịu đầu hàng. Nàng đã cho xây một ngôi mộ nguy nga cao lớn như một lâu-đài, nàng vào đó với các cung-nữ và truyền lệnh khóa chặt then cửa lại.

Antoine còn ở trong cung-điện Hoàng-hậu. Vừa biết tin Alexandrie thất thủ, chàng liền cởi áo sắt ra, lấy gươm rạch bụng cho chết. Chàng còn thò tay vào moi hết ruột gan ra, nhưng chàng có sức mạnh phi thường,

mặt máu chảy lai-láng, gan ruột còn dính lòng thông nơi bụng, nhưng chàng vẫn chưa chết. Chàng nằm yên tĩnh trên thềm gạch hoa. Sức có quân lính đến bảo :

— Thừa Đại-tướng, Hoàng-hậu cho mời ngài đến nơi trú ẩn gấp.

Antoine ngồi vùnh dậy, cười vui vẻ :

— Hoàng-hậu gọi ta ư ? Ha ! Ha ! Thật là phúc đức cho ta vậy ! Ta đã sống vì Nàng, ta quyết chết vì Nàng, giờ đây ta được Nàng gọi đến để chết bên chân Nàng, ta vui lòng đến ngay !

Nói dứt lời, Antoine chống hai tay trên gạch, cổ lấy sức đứng dậy, và nhờ hai tên lính đỡ chàng đi đến Cléopâtre. Một đàn ruồi bu đen nghịt nơi vết thương còn chảy máu ở bụng,

chàng lấy tay xua đuổi, nhưng chúng vẫn không bay đi, lại còn đậu đầy cả trên khúc ruột gan đeo lòng thông chỗ bụng. Dân chúng hai bên hàng phố đổ xô ra coi cảnh tượng ghê rợn ấy, cả quân lính La-Mã của Hoàng-đế Auguste.

Thấy Antoine đến, Cléopâtre bảo với các cung nữ :

— Ta không muốn để Antoine bị chết nhục trong tay Octave. Chàng phản-bội Đế-Quốc La-Mã, nhưng chàng trung thành với ta. Ta không yêu chàng, nhưng ta kính trọng người trung tín.

Nói xong, nàng bảo các cung nữ mở cửa mà để Antoine vào. Nhưng vì then cửa đóng chặt quá, các bàn tay yếu ớt của cung nữ không làm sao mở then được. Nàng bèn truyền lệnh leo lên nóc mà cao thả một sợi dây sắt xuống để Antoine bám lấy đó mà leo lên. Antoine nắm lấy dây cố leo lên, nhưng, đến nửa chừng thì té xuống. Cléopâtre truyền lệnh binh sĩ ở ngoài buộc dây sắt vào thân Đại-tướng, để nàng cùng các cung nữ kéo lên. Dân chúng và binh sĩ bên ngoài đông nghẹt đã chứng kiến cảnh-tượng phi-thường ấy. Kéo Antoine vào

được trong ngôi mộ rồi, Antoine còn mỉm cười nhìn nàng và nói :

— Cám ơn Hoàng-Hậu. Ta được chết về vang trước mắt nàng. Ta được tin Octave muốn hòa hiệp với nàng, nhưng ta khuyên nàng hãy coi chừng hân... A ! Cléopâtre ! Cléopâtre ! Đáng lẽ nàng phải được sung-sướng... Đáng lẽ nàng phải được làm chúa tể cả hoàn cầu !... Cléopâtre ! Cléopâtre !

Dứt lời, Antoine tắt thở. Cléopâtre cho khâm liệm chu đáo. Vừa xong, thì một vị quan hầu leo được vào báo tin cho nàng biết Octave đã cho người tìm được Césarion và đã giết chết. Nghe vậy nàng tức giận vô cùng, nhưng vẫn bình tĩnh như thường. Nàng truyền cho cung nữ đem một giỏ trái sung chín, là thứ trái cây mà người Ai-Cập thời bấy giờ rất ưa dùng. Ở dưới đáy giỏ nàng đã giấu mà không cho ai biết một con rắn Aspic, là loại rắn độc nhút của Phi-châu, cắn chết liền. Cléopâtre mặt triệu phục Hoàng-hậu sặc sỡ muôn màu, đội mũ kim cương và đeo tất cả các châu báu đầy mình. Xong, nàng thò tay vào đáy giỏ, mỉm cười bảo :

— Ta muốn lựa một trái sung-

chín...

Nhưng con rắn Aspic đã quấn vào tay nàng, bò lên cánh tay vào nòng của Cléopâtre, và trườn đầu tới cắn ngay vào vú nàng một cái. Không đầy một phút nàng ngã ra chết.

Hoàng-đế Auguste không hay biết tin ấy. Buổi chiều, ngài sai một vị sứ giả đến để mời Cléopâtre đến tổng hành-dinh, nhưng, khi sứ giả vào chỉ còn thấy Hoàng-hậu Ai-cập nằm nhắm mắt với một nụ cười trên môi. Sắc đẹp lộng lẫy của nàng vẫn không phai mờ...



**O**CTAVE liền cho chạm một pho tượng của Cléopâtre với con rắn Aspic quấn vào cánh tay, rồi cho chôn pho tượng ấy về La Mã. Có tin đồn trước rằng Cléopâtre đã bị bắt, dân-chúng La-Mã nô nức tưởng đâu Octave sẽ giải Hoàng-hậu Ai-cập còn sống làm tù binh để đi diễu qua các phố. Cho nên, khi nghe quân đội của Octave về, dân chúng La Mã kéo ra đứng hai bên đường đông nghẹt để xem mặt Cléopâtre. Nhưng khi dân chúng thấy binh sĩ khiêng bức

tượng Cléopâtre với nét mặt diêm-lệ, oai nghi, và con rắn Aspic quấn trên tay, thì ai nấy đều cảm động, thương tiếc một trang quốc sắc thiên hương đã chết oanh liệt vì Tổ-quốc của Nàng.

Pho tượng của Cléopâtre được dân chúng La-Mã chiêm ngưỡng, và Lịch sử cho rằng, mặc dầu Cléopâtre thất bại, nàng vẫn đã chinh phục được trái tim của mấy triệu người La-Mã.

Chỉ nhìn thấy bức tượng của vị Hoàng-hậu Ai-cập, thanh-niên La-Mã cũng cảm thấy say mê. Họ kéo nhau sang xứ sở của Cléopâtre để được thưởng thức sắc đẹp của Phụ-nữ Ai-cập. Từ đấy, họ chỉ lo vui say bên xứ người, không còn nghĩ đến đất nước quê hương. Tinh thần dân tộc của người La-Mã trở nên nhu-nhược, nên chẳng bao lâu bị các nước lân cận đem binh xâm chiếm. La-Mã thất bại chua cay.

Tuy Cléopâtre chết đi, thân hình kiều diễm của nàng đã chôn vùi dưới ba tấc đất, song sắc đẹp lộng lẫy của nàng vẫn còn phảng phất trên dương gian, để làm cho Đế-quốc La-Mã phải điêu đứng đến nỗi phải sụp-đổ tan-tành !

TÂN PHONG

Một bài Thơ  
của Nhật - Hoàng

# HIRO - HITO

## NISHI HIGASHI

Nishi higashi  
Mutsumi kawashite  
Sakayukam  
Yo wo koso inore  
Toshi no hajime ni.

(Xem nguyên-văn Nhật-Bản  
bên tay mặt, do tự tay Nhật-  
Hoàng đề ngày đầu Năm 1960).



Dịch ra Việt - ngữ :

### TÂY - ĐÔNG

Tây-Đông gặp nhau,  
Thân-thiện chắc sang-giàu !  
Ước-nguyện ta như vậy  
Khi Năm-Mới bắt đầu.

Dịch-giã :  
HỘI-TIÊN Đ.C.TH.



A CHRISTMAS RONDELET

NISHI HIGASHI

御製  
西ひがし  
御製  
時地入江相取謹言

世をこの世の  
かきこいし  
かきこいし  
かきこいし  
かきこいし

西ひがし  
御製

## Chớm Hè

Xa rồi mùa đông giá buốt  
Hoa xuân cũng tàn tạ rồi  
Gió hè chiều nay nhẹ lướt  
Nắng hè chiều nay thấm tươi



Lú én bay về đâu nhỉ ?  
Đàn cò tung cánh trắng trời  
Lụa mây về giăng thôn Vỹ  
Gió ngàn qua tạt làng tôi.

Nắng vàng lê-thê bờ dậu  
Nhiều nhiều chiếc lá khô rơi  
Đàn ve trở tài hợp-tấu  
Gió đùa phượng thắm nhuộm cười

Hoa vờn áo trắng nữ sinh  
Nắng theo chân nàng đều bước  
Hoa bay trong gió vô tình  
Che ngang đôi làn môi wót

Hoa phượng chiều nay rực-rỡ  
Hẹn mùa du-ngoạn núi đồi  
Gió lên lộng thuyền viễn-xứ  
Hè ơi đợi bước chân tôi !

HOÀNG HƯƠNG TRANG  
(Huế)

## BÊN LỀ LỊCH SỬ

### NGƯỜI HỌC TRÒ

## BỊ CHÔN SÔNG

### ★ VÕ - OANH

THÀNH Nhà Hồ ở về Xã Yên-Tôn, huyện Vĩnh-lộc, tỉnh Thanh-hóa, lại có một tên khác là thành Tây-Nhai.

Đời vua Thuận-Tông nhà Trần, HỒ-QUÍ-LY tính việc cướp ngôi. Muốn buộc vua dời kinh-đô, sai người đắp thành đào lũy ở đây, rồi lập các nhà tôn-miếu xã-tắc, và mở đắp đường phố,

gọi là thành TÂY-ĐÔ. Thành vương mở rộng trên 200 mẫu. Cửa Nam thành xây ba tầng đá, giống như cửa Chu-trước ở thành Thăng-Long. Ba cửa đông, tây và bắc xây một tầng đá, dưới cửa đều lát đá hoa. Cho nên người ta gọi là đường hoa.

Ngoài thành có hào, hai bên tả và hữu đều có núi đá đứng trước mặt, hai con sông Mã-Giang

và Bảo-Giang học sau lưng. Ở phía ngoài lại đắp đất làm ngoài-thành, phía tả từ tổng Chiêm-biện trải qua mấy xã Bình-bút, Cồ - điệp, dọc theo sông Bảo-xướng phía Nam đến Đồn-sơn; phía hữu từ tổng Quan-hoàng, huyện Cầm-thủy, dọc theo sông Mã xuống phía đông, đi thẳng xuống núi Yên-tôn, dài tới vài vạn trượng. Ngày nay thành đã đổ nát, chỉ thấy đất bằng mà thôi.

Tháng giêng niên-hiệu Quang-Thái nhà Trần, mở công-tác kiến-trúc lớn. Bấy giờ có vị Cống-sinh tên BÌNH-KHƯƠNG coi làm công việc, thường phân-nàn việc kiến-trúc quá nặng nề. Hồ-quí-Ly cả giận, sai người xô Cống-sinh xuống chỗ đất trống nơi thành, rồi lấp đất chôn sống. Vợ Cống-Sinh nghe tin, đau lòng quá, mỗi ngày đi tới thành đập đầu và vỗ hai bàn tay vào đá, gào khóc đến chết. Về sau nơi tảng đá còn dấu vết cái đầu và hai bàn tay. Mọi người xa gần nghe tin ai cũng động lòng thương cảm, kẻ đi xe, người đi ngựa, tới xem không ngớt.

Đời vua Tự-Đức viên đốc-học Nhữ-bá-Sĩ làng Mỹ-hóa có đề bài thơ :

*Kháng khái quyền khu xúc thạch  
Tùng phu thế chỉ Đồn-sơn dương  
Trữ nhi vị tử tâm kiên thạch,  
Sinh bất hư sinh tiết ngạo srong.*

Dịch ra quốc-văn :  
*Kháng khái quên mình dụng đá  
Theo chồng thế với đỉnh Đồn-sơn  
Chết mà chết tức lòng như đá,  
Sống chẳng sống thừa tiết giống srong.*

Ngoài ra, còn nhiều bài thơ khác của các nhân-vật khác, cũng cảm-khái như thế.

Đời vua Đồng - Khánh, trong xóm gần đó có người lương-hào sợ chỗ ấy nhiều người tới thăm, phải đón tiếp phiền phức, ngầm thuê thợ đào bia đá chôn đi cho mất tích. Lúc bấy giờ, người thợ nhiễm bệnh chết, người lương hào cũng chết vào thời gian đó. Về sau, viên thái thú phủ Quảng-hóa tên Đoàn-Thước nghe tin kỳ-dị ấy, sai người đào t a lá, xây dựng ở phía đông thành, và khắc hàng chữ : *Tấm bia của bà Bình Khương vợ của vị Công - Sinh trào nhà Trần. Lại ở chỗ đất trống nơi thành cũng dựng tấm bia đá và khắc hàng chữ: Mộ của*

*Ông Bình - Khương Cống sinh  
trào nhà Trần. Lại dựng ngôi  
nhà bia ở phía tả, trong bia có  
khắc bài thi :*

*Đuẩn lữ hoa nha không tịch-  
tịch,  
Bi kھầu Bình Khương do trách  
trách.  
Thư sinh dương thử vạn gia chi,  
Nhược chất cương ư nhất phiến  
thạch.  
Anh hùng thất diện thủ song ngâu,  
Thượng tướng hào sơn thành  
cộng hách.*

*Bầu thiên nhật nguyệt đảo như  
kim,  
Nguyên tục Đông-a trung liệt sách.  
Dịch ra Quốc văn  
Lũy trúc vườn hoa đã lặng phắc,  
Bia miệng Bình Khương muôn  
kẻ nhắc,  
Chồng hời dân chúng chịu làm  
than,  
Vợ cũng cang tràng như đá sắt.  
Anh hùng mắc cỡ dấu bàn tay,  
Thượng tướng so công, tiếng nổi  
bật.  
Trải bao ngày tháng đến hôm nay  
Trung liệt đời Trần ghi sử sách.*



★ THUỐC NHỨC ĐẦU

*Nhà Văn Marcel Aymé một hôm bị nhức đầu chòng mặt. Một người bạn bảo ông :*

*— Anh nên bắt chước Pascal, cứ mỗi lần nhức đầu thì làm một bài toán hình-học, là khỏi.*

*Marcel Aymé cười :*

*— Tôi không tin. Trái lại, hồi tôi còn đi học, cứ mỗi lần thầy giáo cho bài toán hình-học, thì tôi đặt chuyện nhức đầu để khỏi làm toán.*

B. T.

HAI THẢM KỊCH

GIỮA KHO VÀNG

LÂM-TÙNG-SINH

Phóng tác

**B**ÁC sĩ Trần Phong đang chăm chú xem dò bức bản đồ kho vàng bí mật giữa sa mạc hoang vu thì nghe tiếng gõ cửa. Ông ta gấp vội "bảo vật", dấu dưới chân bàn và bước ra mở chốt cửa, tay không quên thủ khẩu súng lục tối tân.

Cánh cửa vừa hé, lão tù trưởng Lê Vỹ bước vào, theo sau là một gã đàn ông vạm vỡ.

Thấy cử chỉ của bác sĩ, viên tù trưởng đứng sừng lại, lên tiếng:

— Xin bác sĩ cất súng đi. Tôi dẫn đến cho bác sĩ người hướng

đạo tài ba đây.

Trần Phong bỏ súng vào túi, già già:

— Xin lỗi tù trưởng và ông bạn. Một người khách lạ nào ở giữa bộ lạc xa xôi này cũng phải có cử chỉ hộ thân như tôi.

Tù trưởng Lê Vỹ cười, khôn ngoan:

— Không sao, chúng tôi đã thành thuộc những thói

quen của người đi tìm vàng dưng lại đây trước khi dẫn bước vào sa mạc.

Trần Phong khép nhẹ cánh cửa; cùng hai người đi vào.

Ném mình xuống ghế, tù trưởng Lê Vỹ vào đề ngay:

— Theo lời ông nhờ cậy, tôi đã tìm được cho ông chú Anh Dũng, người hướng đạo số một của bộ lạc Phi Lao chúng tôi. Tôi bảo đảm chú ta sẽ đưa ông tới địa điểm trong bản đồ.

Trần Phong quay đầu về phía Anh Dũng, hỏi:

— Chắc chắn chứ. Liệu có thể lạc đường không?

Lê Vỹ cướp lời Anh Dũng:

— Ồ, đời nào. Chú ta trưởng thành bằng nghề này mà.

Trần Phong gật đầu vừa ý, nhưng chàng vẫn nói có vẻ tự phụ:

— Là tôi hỏi hờ thế. Nếu chú lạc đường thì đã có tôi. Tuy bây giờ là lần thứ nhất tôi bước vào sa mạc, nhưng lối đi tôi đã nghiên cứu thuộc nằm lòng.

Bất mãn, Anh Dũng nói:

— Thế sao ông không đi một mình. Nhờ cậy chúng tôi làm gì? Thôi tôi đi về.

Trần Phong nhếch mép cười; chàng vuốt ve Anh Dũng:

— Ồ, chú đừng nóng chớ. Thử lửa tí chơi mà. Tôi cần một người bạn đồng hành, chú vui lòng giúp tôi nhé.

Anh Dũng chưa biết nói gì, tù trưởng Lê Vỹ đã vỗ vai hắn, lão nói:

— Đó là thói thường của những người mướn hướng đạo. Chú nhận lời đi.

Và muốn cho Anh Dũng mau quên câu nói kẻ cả của mình vừa rồi, bác sĩ Trần Phong lấy xấp bạc trong người ra để trên bàn, nói vội:

— Mỗi chuyến đi như thế chú

dòi công bao nhiêu?

Mắt Anh Dũng sáng lên, chú ta đáp gọn:

— Hai ngàn đồng.

— Cả lượt về đây chứ? Trần Phong cận thận hỏi.

Anh Dũng trả lời thành thạo:

— Dĩ nhiên, và lương thực, phí tổn về cuộc hành trình do người mướn đài thọ đấy nhé.

— Hẳn thế rồi.

Đề chấm dứt câu chuyện giống một, Trần Phong đếm giấy bạc, tỏ ra coi tiền như cỏ rác, chàng chìa cho Anh Dũng:

— Tôi cho chú gấp đôi và trả trước. Đây bốn ngàn đồng.

Anh Dũng vội lấy xấp bạc, hắn chưa kịp thồn vào túi thì lão tù trưởng đã nói:

— Thế nào, chú Anh Dũng trả nợ bộ lạc đi chứ.

Anh Dũng cau mày, gằn tiếng:

— Bao nhiêu?

Lão tù trưởng với cử chỉ quen thuộc, móc cuốn sổ nợ trong túi ra, ông không cần nhìn, đáp:

— 2.645 đồng.

Cũng chẳng dòm vào cuốn sổ đoạn trường, Anh Dũng kéo nài:

— Trả một nửa, chịu một nửa.

Lê Vỹ cò kè:

— Thôi chú đưa anh nghìn

rười.



Biết không thể gặng được nữa. Anh Dũng xia tiền cho lão tù trưởng quý bọm.

Nhét kỹ số bạc nóng hổi vào túi áo, Lê Vỹ đứng dậy chào Trần Phong :

— Xin phép bác sĩ, tôi phải về có chuyện cần.

Và vỗ vai Anh Dũng, lão vuốt đuôi :

— Chú ở lại đây bàn tính với bác sĩ nhé, Anh về trước.

Ghét tính ranh ma của bọm già. Anh Dũng mỉm mai :

— Thôi, về đi cha nội cho đỡ bận mắt.

Không đếm xỉa tới lời nói hờn hào của tay « anh chị » trong bộ lạc, Lê Vỹ bước ra về.

Còn lại hai người trong gian phòng nhỏ bé, Trần Phong nói :

— Nếu được thành công, tôi sẽ cho chú một phần ba kho vàng.

Tịn tưởng vào lời của ông chủ — dù mới là chỉ từ mấy phút trước — Anh Dũng sung sướng :

— Chắc chắn là tìm được mà.

Bác sĩ cúi xuống đất lấy bản đồ lên và trải trên mặt bàn, ông chỉ dấu chữ thập đỏ cho Anh Dũng và nói :

— Đây là bức bản đồ do chính tay cha tôi vẽ trước khi người mất tích.

Ngừng một lát, ông kể lè như với một người bạn thiết :

— Cha tôi đã tìm ra kho vàng từ mười năm nay. Khi tôi nhận được vật này thì bất tin luôn. Có thể người còn sống lầy lắt giữa sa mạc hoang vu.

Và không nén nổi đau đớn, Trần Phong kể lè :

— Cũng có thể cha tôi đã chết vì đói khát.

Chàng nghẹn ngào :

— Cha tôi lặng lội tìm vàng không phải vì tham vọng giàu sang, mà vì tình thương nhân loại.

Rồi, quá xúc động, bác sĩ nấc nở :

— Phải, vì tình thương nhân loại khổ sở lầm than. Người hăng nói với tôi lý tưởng của người. Người sẽ cất nhiều nhà thương làm phúc, nhiều viện mồ côi, người sẽ mở hội Phước thiện quốc tế, và nhiều, nhiều lắm...

Như mê man trong giấc mộng, Trần Phong kêu gào thảm thiết :

— Cha ! Cha ơi ! Con sẽ nối chí cha, con sẽ hoàn thành công việc cha bỏ dở nếu chẳng may cha đã mệnh hệ.

Lần đầu tiên Anh Dũng thấy mũi lòng trước sự đau khổ của kẻ khác, hẳn an-ủi :

— Xin ông bình tâm, bớt buồn rầu. Trời Phật sẽ phù hộ cho những người có thiện chí.

Tiếng nói của người dẫn đường lôi Trần Phong trở về thực tế. Chàng lịch thiệp xin lỗi Anh Dũng vì đã làm hẩn buồn lầy.

Sau khi bàn tính số lạc đà và lương ăn, thức uống cần thiết cho cuộc hành trình, xong, Trần Phong đưa hẩn ra cửa.

Xiết chặt bàn tay hẩn, Trần Phong dặn thêm :

— Sáng mai chú lại đây cùng tôi ra chợ sắm đồ.

Chúng ta sẽ khởi hành vào ngày mốt.

Anh Dũng vừa rảo bước vừa đáp với :

— Dạ.



Sáng hôm sau bác sĩ Trần Phong đi mua đồ với Anh Dũng.

Sự sang trọng hào phóng của chàng đã làm mục Ý Dung, một người đàn bà trạc tam tuần nhưng còn sắc đẹp quyến rũ dễ ý đến chàng.

Mục Ý Dung góa chồng từ năm hai mươi ba tuổi, mục không bước đi bước nữa, nhưng cũng ong bướm chung chạ với nhiều chàng trai trong bộ lạc.

Mục Ý Dung có một sạp hàng bán đồ thực phẩm trong xóm. Tình cờ Trần Phong lại ghé vào hàng của mục.

Nhìn thấy chàng trai khôi ngô tuấn tú, mục Ý Dung quyết theo đuổi Trần Phong.

Nhận tiền hàng xong, mục ướm hỏi :

— Xin Ông cho biết tên.

Trần Phong vốn là chàng trai đa tình, bắt lời mục bán hàng :

— Trần Phong, bác sĩ. Người ngày mai khởi hành vào sa mạc tìm vàng trong thành cổ Lâm-Sa.

— Ý Dung liếc mắt đưa tình :

— Và tôi Ý Dung. Chiều nay Ý Dung sẽ đến thăm ông.

Trần Phong sẽ gật đầu, chàng chào mục bán hàng tình tứ rồi ra về.

Lương thực Trần Phong đã mua đầy đủ, chàng sửa soạn chu đáo cho cuộc hành trình, không có thì giờ nhớ tới lời nói của Ý Dung.

Nhưng chiều hôm đó mục Ý Dung tới nhà chàng trợ thật.

Trần Phong cũng không ngạc nhiên trước sự tìm kiếm tài tình chỗ ở của chàng giữa cái bộ lạc nhỏ nhoi này.

Sau vài câu thăm hỏi qua loa, hai người trò chuyện lời lả. Trần

Phong đã nặng lời thề thốt với Ý Dung. Chàng hứa sẽ cưới mẹ khi trở về.

★

Ngày sau, trước khi già từ bộ lạc Phi Lao hoang đại để đặt chân vào bề cát. Trần Phong âu yếm vuốt mái tóc của Ý Dung lúc đó cũng ra tiền chân chàng. Chàng nói :

— Chờ anh em nhé. Ngày trở về.

Ý Dung sung sướng :

— Vâng, em chờ anh.

Anh Dũng thúc giục Trần Phong lên đường cho sớm sửa.

Không thể nán lại được nữa, chàng leo lên lưng một con lạc đà chậm chậm tiến vào sa mạc.

Ý Dung trông theo buồn bã, tay phát cao chiếc khăn mặt vẩy vẩy như hò hẹn cho đến khi bóng người yêu khuất hẳn.

Sa mạc.

Sa mạc là một bề cát, một đại dương bỏng cháy.

Cát, cát và cát. Đứng trước cát, đằng sau cát, bên phải cát, bên trái cát. Hướng chân trời xa tít cũng toàn cát.

Không một bóng cây, không một giòng suối.

Đoàn lạc đã chờ lương thực năng nề lê từng bước một.

Sau một ngày chịu đựng dưới sức thiêu đốt của mặt trời và hơi cát nóng bỏng, Trần Phong cảm trại nghỉ lúc mặt trời khuất hẳn.

Hai thầy trò Anh Dũng vừa dùng xong bữa cơm, chiều, chưa kịp nằm nghỉ, thì thấy một bóng đen từ xa tiến đến phía hai người.

Bóng đen gần dần cho thấy một người cưỡi lạc đà.

Trần Phong và Anh Dũng chờ đợi, đề phòng một sự bất trắc.

Nhận ra Ý Dung. Phải người ấy là Ý Dung, Trần Phong bước tới, Ý Dung xuống lạc đà, chạy tới cầm tay chàng. Mẹ nói :

— Anh Trần Phong, anh cho em đi theo với. Em không thể sống xa anh.

Trần Phong vỗ về :

— Em quay về đi. Ý Dung làm sao chịu nổi chuyến đi gian khổ này.

— Không, em không về. Em nhất định theo anh.

— Em về bộ lạc đi, chờ anh ngày trở về. Nguy hiểm lắm.

Ý Dung khẳng khẳng nói :

— Em chịu được nguy hiểm khó khăn mà. Tình yêu anh sẽ cho em đủ sức vượt qua mọi thử thách.

Trần Phong xiêu lòng :

— Có sao thì em ráng chịu nhé.

Anh Dũng theo rồi lời đối thoại đến đây, tâm địa thô bạo của hắn đã xúi hắn ghen tức trước tình yêu của hai người. Hắn la lớn :

— Ông chủ ơi ! Đừng cho mẹ Ý Dung đi. Lương thực chỉ đủ cho hai người thôi.

Hắn chép miệng, nói vụng .

— Quý báu gì con đàn bà nạ giòng ấy.

Trần Phong làm như không nghe thấy lời nói cộc cằn của kẻ thất phu trong khi Ý Dung ôm chặt lấy chàng, sợ tình nhân đổi ý, mẹ nói :

— Cứ cho em đi, anh Trần Phong nhé.

Trần Phong quay lại phía Anh Dũng, phân trần :

— Lương thực có thể đủ cho ba người tăn tiện cơ mà.

— Không được, Anh Dũng đáp, hai người thì đầy đủ, ba người thì sẽ thiếu. Dù chỉ ít thôi cũng đủ cho chúng ta bỏ xác nơi sa mạc hoang vu này.

Biết gã đưa đường muốn vơ vãnh, Trần Phong dùng tâm lý :

— Nếu chú bằng lòng cho Ý Dung đi, tôi hứa sẽ cho chú một

nửa số vàng trong kho tàng.

Quả nhiên thấy vàng tối mắt. Anh Dũng đề lộ hẳn tính nết man rợ :

— Ông giữ lời nhé.

Trần Phong lơ đãng, buông sông một tiếng :

— Được.

Đêm đó giữa sa mạc hoang lạnh, bọn người tìm vàng, hai trai một gái nằm co quắp lấy nhau để chống chọi với thiên nhiên giòng gió.

★

Sáng ngày sau bộ ba lại tiếp tục lên đường tìm châu ngọc. Ngày đi dưới sức nóng thiêu đốt của mặt trời, đêm nằm nghỉ giữa những trận bão cát hung hãn loạn cuồng.

Tuy có thêm một người đàn bà trong cuộc hành trình là có thêm một gánh nặng, nhưng Ý Dung cũng giúp đỡ được hai thầy trò công việc nấp nước.

Qua nhiều ngày ròng rã, ăn giữ sức, uống cầm chừng, ba người đã đi gần tới kho vàng trong thành cổ Lâm Sa.

Nhưng nước đã hết, vì số lạc đà chở thứ nhu cầu cần thiết nhất bị lạc mất hai con.

Khát, khát, khát. Khát đến điên người, khát đến bồng cuồng hống.

Anh Dũng vốn từng quen với sự thiếu nước nên hẳn ta còn tỉnh táo ; Trần Phong cũng không đến nỗi nào, chàng còn chịu đựng được ; chỉ riêng có Ý Dũng, vì dù sao mụ cũng chỉ là đàn bà, mụ không thể gượng được nữa.

Trần Phong phải vắt từng giọt mồ hôi đọng trên áo rỏ vào miệng Ý Dũng.

Đã khát, nhấp chất nước mặn lại càng khát thêm, Ý Dũng kêu gào thảm thiết đến không ra tiếng.

Trong lúc bối rối, Anh Dũng lại cầu nhau :

— Tôi đã bảo ông đừng cho con quý cái ấy đi. Bây giờ tất bỏ xương cả lũ ở đây.

Trần Phong chán ghét, khinh bỉ kẻ hướng đạo đến không muốn trả lời. Chàng đang lo tính làm sao thoát khỏi cảnh ngặt nghèo này còn hơn là cãi vã nhau vô ích.

Chàng nghĩ dù có phải chết ở đây, thì càng nên cắn răng thặm lặng đến phút cuối cùng chẳng hơn là cắn đứt nhau ư ?

Chàng dỡ bản đồ và dựa bàn ra tìm hướng. Sau một lúc xem xét, chàng lầm bầm :

— 75 độ về hướng đông bắc. Đúng là đây rồi. Trong bản đồ chỉ rõ gần chỗ này có một hồ nước, nhưng sao chẳng thấy gì kia.

Bỗng chàng nghe tiếng Anh Dũng la lớn :

— Ông chủ trông kia. Một cạp lạc đà chạy về đằng kia.

Trần Phong ngược đầu nhìn lên. Chợt nhớ tới. Trong một cuốn sách khảo cứu của các nhà thám hiểm sa mạc có nói : « Khi con lạc đà đang đi giữa bề cát, nó tách ra khỏi đoàn, tức là nó đã đánh hơi thấy có nước ở gần đó ». Chàng tin tưởng nói :

— Chắc gần đây có nước.

Như cũng nhớ ra. Anh Dũng nhảy chồm theo con lạc đà :

— Ừ đúng rồi. Nước hẳn ở gần đây.

Trần Phong cố nâng Ý Dũng dậy, đi chập choạng được vài bước thì nghe tiếng Anh Dũng ở cách xa không đầy trăm thước gọi to :

— Nước, nước nhiều lắm ông chủ ơi.

Như có một sức mạnh vô hình tiếp sức. Ý Dũng vượt khỏi tay Trần Phong lao mình về phía trước.

Một hồ nước trong trẻo hiện ra trước mắt ba kẻ sắt chết khát.

Họ sung sướng hơn được bạc vàng.

Chẳng ai bảo ai, cả ba người cùng đề nguyên quần áo nhào mình xuống hồ. Họ uống đến no nê, ngậm mình đến sưng nước, ngụp đầu đến nước vào cả hai lỗ tai.

Người ta có thể bảo họ uống nước cả bằng tai, bằng mắt, bằng tất cả giác quan.

Sau khi đã uống nước đến no nê, bộ ba nằm ngửa phơi mình dưới ánh nắng, nghỉ ngơi sau nhiều ngày khắc khổ.



Hoàng hôn dần xuống. Màn trời chỉ còn là một màu trắng đục, rồi tím dần.

Chiều theo bản đồ, Trần Phong dẫn hai bạn đồng hành tiến về địa điểm tìm kiếm.

Thành phố điêu tàn hiện ra. Những cột nhà xiêu đổ, những đồng gạch ngổn ngang vẽ lên hình ảnh tiêu sơ của một kinh thành hoang phế.

Tiến thẳng vào lòng thành cổ Lâm Sa. Trần Phong tìm thấy kho vàng không khó khăn gì.

Ngoài trời màn đêm đã xuống đen tối, trong kho vàng lại càng

tối đen hơn. Trần Phong phải đốt nến mới thấy đường.

Ánh sáng yếu ớt lập loè của bạch lập rọi trong hang thâm làm người ta có ý tưởng như những ma quỷ đang vây nấp chung quanh.

Vàng, vàng, vàng. Vàng nhiều quá. Nhưng thỏi vàng lớn, những cục vàng nhỏ, lại cả bao nhiêu châu báu bừa bãi khắp mặt đất chứng tỏ rằng đã có người đến trước, nhưng hoặc vì kiệt sức mà chết, hoặc đã vì tranh giành nhau mà bỏ mình nơi hoang vu lạnh lẽo mang theo khối hoài vọng xuống nơi tuyền đài.

Anh Dũng và Ý Dũng còn đang chóa mắt trước đồng ngọc châu muôn sắc, thì Trần Phong chạnh lòng thương nhớ cha già, chàng nức nở :

— Cha, cha ơi ! Cha của con đâu rồi ? Con sẽ nối chí cha làm công việc cứu giúp nhân loại khỏi cảnh lầm than.

Đang mê man trong viễn tưởng huy hoàng, bỗng Trần Phong nghe tiếng Anh Dũng la lớn :

— Ông chủ ơi ! lại đây có bộ xương người.

Trần Phong và Ý Dũng lễ lại. Chàng quý xuống bên cạnh bộ xương người đã khô đen vì năm

tháng, như xem xét tìm kiếm một vật gì.

Lát sau, chàng nhặt ở giữa bộ xương người nơi bàn tay gác lên ngang ngực một vật thuộc kim loại đen xám. Trần Phong đau đớn :

— Cha ơi ! Cha của con đã chết rồi, chết thật rồi. Đây là chiếc nhẫn của mẹ tôi để lại mà người luôn giữ chặt trong ngón tay. Tôi không thể nhận nhầm.

Chàng càng kể lễ thảm thiết :

— Cha tôi, người đã chết vì tình thương nhân loại cơ cực lắm than. Cha tôi đã chết vì lý tưởng nhân đạo của con người thương xót con người. Trời ơi ! Cha tôi, người đã chết rồi.

Bỏ mặc Trần Phong than khóc. Anh Dũng tiến sâu vào trong, trong khi Ý Dung trầm lặng ngồi bên người yêu mặc niệm sự đau xót của chàng.

— Ông chủ ơi ! trong này có hai bộ xương người nữa.

Nghe tiếng Anh Dũng kêu, Trần Phong chạy lại, ý Dung cũng bước theo.

Dưới ánh nến le lói của chiếc đèn cầy, ba người nhận thấy hai bộ xương người cũng đã khô. Giữa ngực bộ xương to hơn có một con dao rùng đã hoen rỉ cho ba người biết kẻ bất hạnh đã bị

đâm trúng tim. Như đoán ra tấm thảm kịch, Trần-Phong cảm-tức, chàng gào lớn :

— Chắc đây là hai người dẫn đường cho cha tôi. Chúng thấy vàng thì tối mắt sinh lòng tham-tính giết người để chiếm trọn kho tàng. Cha ơi ! Chắc cha đã tự-vệ, đã giết được những kẻ phản-bội cha, rồi... cha cũng bị kiệt-sức mà gửi nằm xương tàn nơi đây.

Càng điên-cuồng hơn, Trần-Phong tiếp :

— Ôi loài người ! Ôi lòng tham ! Ôi vàng bạc !

Trong khi đó, Anh Dũng lượm một cuốn sổ tay bên cạnh chiếc xác thứ hai, hẩn chăm-chú đọc. Lát sau, hẩn gior cuốn sổ nhỏ và nói với Trần Phong :

— Ông chủ ơi. Không phải cha ông bị phản-bội đâu. Ông lại đây tôi đọc lớn cho ông nghe này.

Và chẳng đề Trần-Phong kịp đáp, hẩn cao giọng trong khi Trần Phong và ý Dung lắng tai :

“Sa-mạc hoang-vu ngày ... Đây là thiên tình sử bi-đát và cũng là sự thật ba cái chết của đoàn người đi tìm châu-ngọc trong thành-phố điêu-tàn.

Chúng tôi, hai đàn ông và một đàn-bà. Người viết những giòng

tuyệt bút này là tôi, người đàn-bà được chết sau chót, cố thu chút tàn-lực để kể lại thảm-kịch giữa kho vàng.

Còn hai người đàn ông kia, người nằm bên cạnh tôi là chồng tôi, kẻ hướng-đạo, trên lối vào.

Người nằm cách chúng tôi hai mươi thước về phía ngoài kia là nhà khảo-cổ Trần-Son.

Ông Trần-Son muốn chồng tôi làm bạn đồng-hành, hướng-đạo. Vì quá thương chồng, nên tôi quyết-định theo chàng trước sự cản-ngăn của hai người.

Qua bao nhiêu khổ-cực gian-khó chúng tôi đã tới đích.

Sự chia xẻ đã được theo lời hứa hẹn trước khi lên đường.

Chuyến về đã được tính-toán chu-đáo.

Nhưng than ôi ! Lòng người đê-hèn khốn-mạt. Chồng tôi tham lam muốn chiếm-đoạt cả kho tàng. Nhà khảo-cổ lại muốn chiếm-đoạt tôi.

Thế rồi, thế rồi ... cuộc xô-xát diễn ra. Chồng tôi bị trọng-thương bởi những viên đạn đầu-tiên tàn-bạo ! và hạ sát bằng con dao rùng oan-nghiệt.

Nóng lòng báo thù, tôi cướp khẩu súng trong tay nhà khảo-cổ

lúc người đang ve vãn an-ủi tôi. Tôi bóp cò lia-lĩa vào kẻ giết chồng tôi.

Đoàn người đi ba đã chết hai, tôi tự biết, không thể một mình vượt sa-mạc rộng-lớn trở về nên đành tự-sát tại đây còn hơn là chết mỗi-mòn hoặc để cho bão cát lấp vùi nằm xương tàn bất hạnh.

Tôi viết mấy giòng này trước khi giã từ thế gian ô trọc này... để mong nếu có những người tới sau hãy lấy đó để làm gương.

Anh Dũng vừa dứt lời, Trần Phong nhảy dựng lên :

— Trời ơi ! Cha tôi đã dối gạt tôi. Tôi đã đặt hết cả niềm tin vào người. Cha tôi đã phản-bội tôi, phản-bội cả con người. Cha ơi ! Cha đã chết vì một người đàn bà, vì dục-vọng thấp-hèn, vì ái-tình thô-bỉ.

Mất hết bình tĩnh, Trần-Phong điên-cuồng rút hai khẩu-súng tự-động tối-tàn nhắm vào hai bộ xương khô lấy cò, vừa nói :

— Không phải. Cha tôi không dối tôi. Người không thể đốn-hèn như thế được. Chính những kẻ đưa đường đã phản-bội người và xuyên-tạc sự thật.

Ý Dung sợ quá, ôm chặt lấy Anh-Dũng, run-rẩy. Trần Phong

hoa mắt nhìn cảnh tượng đang diễn trước mắt, chàng hướng mũi súng về phía hai người.

Anh-Dũng không kịp vùng chạy vì bị Ý-Dung ôm chặt quá.

Nhiều tiếng nổ liên-tiếp chất-chứa. Những viên đạn lại chạy ra khỏi lòng súng, trúng đích.

Trần Phong cười điên dại, chàng ném hai khẩu súng xuống đất tiến lại phía hai nạn nhân.

Nhưng, Anh-Dũng tuy đã bị trọng thương, lòng uất-hận đã cho hắn đủ thu nốt tàn-lực chồm dậy.

Rút con dao rùng dật ngang thắt lưng đâm vào giữa tim kẻ thù.

Xong hắn ngã gục xuống chút hơi thở cuối cùng.

Hai tiếng đồng-hồ sau, Ý-

Dung tỉnh dậy, quần-quai ôm vết thương. Mụ cố-gắng bò đến với cuốn sổ và ghi vào trang sau :

«Mười năm sau, cũng có ba người, hai đàn ông, một đàn-bà vào tới kho vàng trong thành cổ. Phải chăng sự phù-hợp lạ-lùng giữa những con số và hai phái nam nữ đã làm cho chúng tôi cũng chết giữa đồng vàng oan-nghiệt. Nhưng chúng tôi đã chết, không phải vì vàng bạc và tình-ái, mà chúng tôi chết vì sự điên dại của một kẻ vừa mất niềm tin.»

Quá mệt nhọc, Ý Dung đưa hai tay buông xuôi, từ từ nhắm mắt.

Ánh nến leo-lắt trong hang tối mập mờ như tiễn đưa ba linh hồn oan khuất về cõi vô hình.

### HỖ TÍN

Chúng tôi được hồng-thiệp của ông Nguyễn-trung-Hậu 186/42 Ngõ-tùng-Châu, Gia-định, báo tin lễ thành-hôn của thứ Nữ, cô NGUYỄN-NHƯ-LÝ (NHƯ-LAN) với cậu BÙI-NGỌC-NHIÊN, thứ Nam của ông bà Bùi-Tường, 8-Đ đường Nguyễn-văn-Hạc, Gia-định.

Xin thành thật chia vui cùng ông Nguyễn-trung-Hậu và thân chúc tân lang và tân giai-nhân sắc cầm hào-hiệp.

NGUYỄN-VỸ

# UY THẾ CỦA THƠ MỚI TRÊN THI ĐÀN V. N.

**N**ẾNG À Y nay hễ nói tới THƠ là y như người ta chỉ biết có thơ mới, không phải vì THƠ MỚI đã chinh-phục được THƠ CŨ và ngự-trị trọn vẹn thi-đàn, mà chỉ vì do một hoàn-cảnh thuận-tiện lịch-sử đã đưa THƠ MỚI lên tận đỉnh danh-vọng của Thi-đàn.

Chúng ta có thể chia lịch-trình tiến-triển của Thơ - mới thành 3 giai đoạn :

— Thời kỳ tiền chiến (1932-1945)

— Thời kỳ kháng - chiến (1946-1954)

— Thời kỳ hậu chiến (1955 về sau)

#### ● Thời kỳ tiền chiến,

Đây là thời-kỳ thịnh - hành

#### \* PHƯƠNG HẢI

nhất của Thơ Mới, với những nhà Thơ phóng-túg, sống theo sở - thích của mình, ca tụng những mối tình cá-nhân, và hấp thụ không-khí tự-do, ngào-ngạt của Thi-ca Pháp mới ào-ạt thổi qua. Hầu hết các nhà Thơ danh tiếng trong thời này đều đượm nhuần màu sắc lãng-mạn, không ít thì nhiều, bởi ảnh-hưởng của các Thi-phái Pháp từ giữa thế-kỷ XIX, và do đó mà phong trào Thơ Mới bộc-phát lên rất hăng-hái, trẻ-trung, nét trẻ-trung của những thi-tài vừa chớm nở đã được tiếp-xúc ngay với những nguồn cảm - hứng hoàn toàn mới lạ.

Tuy vậy, nếu chúng ta phân tách chất thơ của các Thi-sĩ của thời buổi này, chúng ta thấy hiện ra những khuynh-hướng rõ-rệt, chứng tỏ một tiến-triển mãnh-liệt và mau lẹ không ngờ. Chúng ta sẽ thấy từ lúc khởi-thủy, một tính chất lãng-mạn còn giả-tạo, chỉ hào-nháng bề ngoài mà sơ sài mộc-mạc bề trong, như Thơ của THẾ LỮ, LƯU - TRỌNG - LỮ, NGUYỄN-NHƯỠC-PHÁP... Qua đến HUY - THÔNG, XUÂN-DIỆU, HUY - CẬN, NGUYỄN - VỸ, THANH - TỊNH, HÀN MẶC-TỬ, VŨ - HOÀNG-CHƯƠNG, CHẾ - LAN-VIÊN... thơ lãng mạn đã biến-chuyển vào địa-hạt tình-cảm sâu-sắc hơn và lý-tưởng cao siêu hơn. Người ta đã tìm thấy trong hồn Thơ của họ một chất men nồng, làm rạo-rực, làm xao-xuyến... Hoặc rạo-rực điên cuồng như HÀN-MẶC-TỬ, như CHẾ LAN-VIÊN, rạo-rực say-mê như VŨ - HOÀNG - CHƯƠNG, thâm trầm xúc-dộng như HUY-CẬN, XUÂN-DIỆU, buồn-bã xao-xuyến như NGUYỄN - VỸ,

THANH-TỊNH, đê-mê êm-dịu như NGUYỄN-BÍNH, ANH-THƠ, J. LEIBA, T.T.KH... Tất cả những nhà Thơ ấy đã làm cho lòng ta cảm-xúc theo những nhịp-điệu mới, và tâm-hồn ta rung - động với những ý-tưởng mới.

Nhờ vậy mà *Thơ Mới* đã thành-công rực-rỡ. Nó đã tự tạo ra một địa-vị rất vững-vàng, và đã đem vào Thi-Văn Việt-Nam một mùa Xuân diễm-lệ với muôn sắc muôn màu, công-trình ấy rất là vĩ-dại trong Văn-học sử, không chối-cãi được.

**• Thời kỳ cách mạng và kháng chiến (1946-1954)**

Những biến động của lịch sử trong thời kỳ này, đã đóng một vai tưởng quan-trọng trong cuộc tiến-triển của thi-ca V. N, nhất là trong THƠ MỚI.

Một chuyển hướng rõ-rệt của THƠ MỚI đã song hành với lịch sử, mở rộng mặt trận tuyên truyền cho cuộc giải phóng toàn diện của dân-tộc: tinh-thần kháng chiến đã biến chất thơ thành chất rượu say máu căm thù. Những thi-sĩ trong thời kỳ này chính

là những chiến sĩ văn hóa vì ngòi bút của họ đã viết ra được những tiếng nói của toàn dân, mỗi bài thơ là một tiếng nấc căm thù, một lời cương quyết hăng say, mỗi dáng điệu oai hùng, mỗi bóng hình dũng cảm.

Tình hình chiến tranh đã đưa văn-học Việt-Nam đến một hướng mới mà trong đó riêng về thi-ca đã hầu như mất hẳn sắc thái nghệ thuật thuần túy của nó. Các nhà văn lúc ấy đã hòa mình vào công cuộc tranh-đấu của dân tộc nên họ phải dùng thơ văn của họ làm ống loa để gọi vang bốn phía, họ không cần bận tâm nghĩ đến ý nghĩa của nghệ-thuật là gì, vì họ chỉ có một mục đích duy nhất là sáng-tác để gửi vào đây những tiếng nói cấp thời của một thời-kỳ cách mạng, để trút gởi những cái gì còn chất chứa trong lòng dân tộc suốt tám mươi năm qua.

Những chiến sĩ của THƠ MỚI trong hàng ngũ kháng-chiến lúc bấy giờ thật là vàng thau lẫn lộn, như những đoàn dân quân ô hợp chưa biết cầm súng thì cầm tầm vong, không hiểu chiến lược, chiến thuật gì cả, mà chỉ duy nhất có một tâm

lòng son, quyết hy sinh thân mạng để lăn xả vào công cuộc cứu quốc.

Vả lại, nghệ thuật của thi-ca lúc bấy giờ bị quên lãng, người ta chỉ lưu tâm đến những tác-dụng của nó đối với công cuộc cách mạng và kháng chiến, thì có ai còn tâm-trí đâu mà lo trau-dồi cho nghệ-thuật. Tuy vậy, chúng ta không quên được một lớp Thi-sĩ mới đã tận tụy hy-sinh cho nghệ-thuật và cố giữ vững truyền-thống của Thơ-Mới, đang trải qua một thời đảo-lộn. Tôi xin kể các nhà Thơ sau đây, mà những tác-phẩm đã in ra, hoặc chưa được in, đều cũng có một giá-trị :

VŨ ANH KHANH, TRÚC KHANH, THẨM THỆ HÀ, HOÀNG TẤN, TRẦN HUYỀN TRẦN, HỒ-ĐÌNH-PHƯƠNG, HOÀNG CÔNG KHANH, NGUYỄN-HOÀNG QUÂN, HUYỀN CHI, MỘC LAN CHÂU, MINH HUY, HOÀNG CẨM...

**• Thời kỳ hậu chiến (từ 1955 về sau)**

Từ khi con sông Bến Hải trở thành một cái tên lịch-sử trong giai-đoạn tạm phân chia đất nước, thành-phần *Quốc-Cộng* đã rõ-rệt ở hai miền Bắc Nam đã xác-định đúng vị-trí và tư-trường của văn nghệ-sĩ V. N. Đây là thời-kỳ ổn-định để người ta giao trả về thơ cái nghệ thuật nguyên vẹn của nó.

Ý thức nghệ-thuật không còn bị thiên-lệch, đồng nhất đối với các nhà Thơ miền Nam nữa, tuy nhiên miền Bắc, qua những đợt chỉnh-huấn hình như những HUY CẬN, XUÂN DIỆU, THẾ LỮ, LƯU TRỌNG LỰ, CHẾ LAN VIÊN, không còn là những con người thơ nữa, trừ PHAN KHÔI người đã ngang nhiên chống đối lại sự bóp nghẹt tự do của văn nghệ-sĩ (Nhóm Nhân Văn).

— Hiện tại, tình hình thi-ca ở miền Nam gần như chỉ còn có thơ mới vì *thơ mới* làm sáng rực lên những hình ảnh, những sắc thái của cá nhân, của hoài-bão, và làm cho người ta gần như quên hẳn lớp người «*thơ cũ*» trừ một QUÁCH TẤN cuối cùng, còn đôi chút sức lực

để leo lái, để giồng lên những tiếng trống cho người ta thỉnh-thoảng phải giật mình mà nhớ lại thời dĩ-vãng, xa-xăm của Thịnh-Đường. Có chú ý chăng, người ta chỉ chú ý đến một đường hướng khác lạ của thi ca đối với những nét độc đáo, biệt dị của THƠ TỰ DO, song rồi người ta cũng không cần chú trọng đến nó nữa, bởi có lẽ nó đi sớm quá, không thích-hợp với cảm quan của những con người hiện tại.

Với những lớp người cũ chưa già cõi, còn say mê sáng tác như NGUYỄN-VỸ, VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG, BÀNG-BÁ-LÂN, ĐINH-HÙNG, là những viên thượng tướng lỗi lạc của THƠ MỚI, tài ba nhiều kinh nghiệm, trí thức được dồi dào, hợp với những người mới của một thể-hệ đang lên như HUYỀN-CHI, HỒ-ĐÌNH-PHƯƠNG, THẨM-THỆ-HÀ, HOÀNG-TRÚC-LY, TẠ-KÝ, KIÊN-GIANG, HÀ-LIÊN-TỬ, NGUYỄN-THU-MINH, THANH-THUYỀN, LIÊN-CHỚP, ĐOÀN-THÊM,

TRỤ-VŨ, THẾ-VIÊN v.v. xây thành một bờ lũy kiên cố bảo vệ cho THƠ MỚI càng vững-vàng hơn, rực-rỡ hơn, trên thi đàn Việt-nam. Họ phải có nhiệm vụ tiếp tục truyền-thống của Thơ Mới phát huy từ Tiền bán thế kỷ và phải cố-gắng đưa văn thi Việt-nam lên ngang hàng với Văn-Thi Quốc Tế.

Sau lưng họ còn có cả một đạo quân hậu thuẫn mạnh mẽ gồm toàn những tên quân trẻ trung đầy nhiệt huyết, đơng-thao luyện để tuần tự bước lên thay thế những bậc đàn anh: họ là những sinh-viên ở trung-học và đại học có rất nhiều triển-vọng...

Họ thao luyện từng cá nhân, từng nhóm, một cách hăng say và có nhiều thiện chí, để rồi sau khi hấp thụ được thêm nhiều học

vấn và kinh nghiệm, có dịp, họ sẽ nhảy lên Thi-trường

Để kết luận bài này, tôi xin nhấn mạnh cái quá trình rạng-rỡ của THƠ MỚI và căn cứ theo hiện tình để quả quyết một cách không sai lầm là ngày nay THƠ MỚI vẫn còn đầy đủ phong độ và còn đủ sức ngự trị trên trường thi ca Việt-nam một thời gian lâu nữa.

Nếu dĩ vãng của THƠ MỚI đã oanh liệt, hiện tại của THƠ MỚI đang phát triển thì tương lai của nó cũng sẽ sáng rõ bởi có những hiện tượng chói ánh của một nguồn sáng đang lên.

PHƯƠNG-HẢI

Ký sau: Nhân định thể nào là THƠ MỚI, thể nào là «THƠ TỰ-DO»

**ĐÍNH CHÍNH**

Vì có sự sơ-sốt của ấn công nên trong bài «*Thơ mới và Thơ tự do*» đăng kỳ rồi có một vài lỗi nhỏ:

Trang 37 hàng 5 và 6: «... Chớ không xưng gì...» xin đọc «... chớ không riêng gì...»

Trang 40 hàng 18 và 19: «*Như Tự*», xin đọc là: «*Như Tri*»

Trang 41 hàng 23...: «*Rồi được Thơ Mới...*» xin đọc là «...*Rồi đây Thơ Mới...*»

Xin bạn đọc sửa chữa dùm. Thành thật cáo lỗi.

P.T.

Mình ối!

THẾ  
NÀO  
LÀ



TRIẾT  
HỌC



Của Jean Paul SARTRE ?

**M**ÌNH ơi, em tức quá ! Không lẽ giữa bữa tiệc cưới của con Thu mà em cãi nhau với người ta, chớ cái ông giáo sư đó... em ghét hết chỗ nói !

— Ông giáo sư nào ?

— Em hông biết ông. Con quý Thu nó sắp chỗ ngồi cách nào lại để em ngồi gần cái ông đó, mà nó giới thiệu là ông giáo-sư gì đó ở trường... gì đó, em quên mất tên rồi.

— Sao mình ghét ông đến nỗi hết chỗ nói lận ?

Ông cứ cãi với em về chữ « EXISTENTIALISME »...

Đã 10 giờ đêm rồi. Bà Tú đi dự tiệc cưới về (Ông Tú ở nhà bận viết, nên để bà Tú đi một mình) — Bà vừa thay áo vừa nói, rồi leo lên võng nằm, nói tiếp :

— Mình xem có tức không ? Ông nhứt định cãi với em rằng chữ *Existentialisme* phải dịch nghĩa là « DUY SINH » mới đúng. Còn em thì em dịch là « Sinh tồn ». Có một ông khác, ông bác-sĩ gì đó em cũng quên tên luôn, lại dịch là « Hiện sinh ».

Ông Tú bỏ bút ngồi nghe, tùm tùm cười, không nói. Bà Tú mở bóp lấy một miếng chewing-gum, nhai, nói tiếp :

— Hôm nọ, em đọc trong một tờ báo thấy người ta dịch *existentialisme* là thuyết « sinh tồn ».

Em tra trong một quyển Từ điển Pháp - Việt cũng thấy « Sinh-Tồn ». Vậy mà cái ông giáo-sư đó nói với em : « Phải dịch là « thuyết *Duy sinh* » mới đúng, chớ dịch « thuyết sinh tồn » là hoàn toàn sai. Gớm, em giận quá... Lúc đó, em ước gì có Mình để Mình bênh-vực em.

— Nếu có anh, thì anh bênh vực ông giáo-sư.

Bà Tú kinh-ngạc hỏi chòng :

— Hả ? Mình nói sao ?

— EXISTENTIALISME là thuyết DUY-SINH. Chớ nói là « thuyết sinh tồn » thì chẳng có nghĩa gì cả.

— Mình nói thật hả, Mình ?

— Dịch một chữ, phải dịch đúng cái nghĩa của nó. *Sinh-tồn*, là *existence*, là đời sống. Còn *Existentialisme* không phải là học thuyết nói về sự sinh-tồn, sự sống còn của con người, mà nói về Ý-NGHĨA DUY NHẤT CỦA SỰ SỐNG HIỆN-HỮU, (*non pas l'existence en tant qu'entité abstraite et permanente, mais en tant que seule présence réelle de la vie, seul but réel de cette présence.*) *Existentialisme*, dịch theo mình là « thuyết Sinh-tồn » thì sai hẳn cả chữ lẫn ý,



không ăn-nhập gì với thuyết existentialisme của Jean Paul Sartre.

— Vậy thì cái ông giáo-sư đó nói đúng, còn em nói sai sao?

— Mình nói sai.

Bà Tú úp mặt xuống vông, khóc hu hu... Ông Tú chạy lại vông, dỗ cô vợ trẻ:

— Sao khóc thế hả, em bé?

— Em thua cái ông giáo sư đó, em tức lắm... Sao Mình không bênh em, Mình lại bênh ông? Sao Mình không bảo trước cho em biết *Existentialisme* là Thuyết *Duy sinh*?

— Nhưng em có hỏi anh về vấn đề đó bao giờ đâu?

— Em tra trong một quyển « *Tự Điển Pháp Việt* », em thấy họ dịch là *Thuyết sinh tồn*, em tưởng là đúng.

— Từ nay Mình đừng tin nơi quyển *Tự điển* đó nữa. Họ làm cầu thả lắm. Họ dịch nghĩa và giảng nghĩa sai be-bét cả.

— Tập báo gì đó cũng viết là « *Thuyết sinh tồn* ».

— Có lẽ họ cũng tra trong quyển *Tự điển Pháp Việt* như Mình. Nhưng Mình nên biết rằng *existence*, và *existentialisme* là hai chữ, có hai nghĩa khác nhau,

*Existence* là sinh tồn, là sự sống, thì *existentialisme* không thể nào gọi là thuyết sinh tồn, thuyết về sự sống được. Dịch là thuyết « *Hiện sinh* » cũng không chính lắm, tuy còn có nghĩa hơn là « *thuyết sinh tồn* ».

Đây không phải chỉ là vấn đề so đo phù phiếm về danh từ, mà chính là vấn đề danh-từ phù hợp với ý nghĩa. Nhất là về triết học, cũng như Toán học, mỗi danh từ phải có một định nghĩa bất di dịch, không thể mơ hồ được. Một danh từ ngoại ngữ, như *Existentialisme* bao hàm một tín hiệu triết lý, không thể giảng giải bằng hai ba danh từ Việt khác nhau. Phải chọn lấy một danh từ sát nghĩa hơn cả, phù hợp hơn cả với triết lý ấy. Thiết tưởng ngoài chữ « *DUY SINH* » không còn chữ nào diễn đạt đúng ý nghĩa của chữ *Existentialisme* hơn.

— Chữ « *Thuyết sinh tồn* », không có nghĩa sao?

— Nói *Existentialisme* là *thuyết sinh tồn*, là chỉ dựa theo ngữ nguyên (etymology), thì không khác nào nói... *cái đồng hồ là... cái hồ bằng đồng vậy*.

— Mình giảng thật rõ thuyết *Duy Sinh* cho em nghe. Mình

giảng thế nào cho em thật dễ hiểu đi.

— Trước hết, cần phải tìm nguyên thủy của triết học ấy. Ngày nay phần đông người, cả ở Âu-châu là nơi phát xuất ra nó, nói đến thuyết *Duy sinh* đều cho rằng người đã đề xướng ra nó là nhà văn JEAN PAUL SARTRE. Bên Mỹ, nhiều nhà trí thức cũng nghĩ như vậy, và chẳng ai hiểu thật sự *Existentialisme* là gì.

Văn sĩ JEAN PAUL SARTRE và Họa sĩ PICASSO là hai nhân vật ở Pháp (tuy Picasso là người espagnol) mà cả thế giới cho là kỳ dị nhất và khó hiểu nhất. Cuối năm 1944, sau khi Paris đã được giải phóng rồi, toán quân Mỹ đầu tiên kéo vào thủ đô Pháp gồm một số đông sinh viên các trường Đại-học Mỹ và Gia-nã-Đại. Vừa tới Paris là họ rủ nhau đi tìm Jean Paul Sartre và Picasso trước khi đi coi tháp Eiffel. Vì họ thường thức được dễ-dàng cái đẹp của tháp Eiffel trong các tranh ảnh nhưng họ không thông cảm được các sách triết học về *Existentialisme* của J.P. Sartre, và các bức họa lập thể của Picasso. Họ muốn đến tận nơi để được nghe thấy xem tận tường. Họ

nghe người Pháp nói muốn hiểu thế nào là triết lý *Existentialisme*, thì cứ đến hầm rượu ở Saint-Germain-des-Prés là nơi tụ họp của đờ đệ văn phái *Duy sinh*. Bọn lính sinh viên Mỹ kéo đến đó. Thấy một đám thanh niên nam nữ Pháp y phục luộm thuộm, đầu tóc bờm xờm, có vẻ dân giang hồ tứ chiếng, chỉ mê mãi ăn chơi, đờn ca, nhảy múa. Bọn sinh viên Mỹ bảo: « À! Bây giờ tụi tôi hiểu triết lý *Existentialisme* của Jean Paul Sartre rồi ». Nghĩa là họ không hiểu gì cả! Rồi họ kéo đến phòng vẽ của Picasso, thấy Picasso vẽ một bức tranh người đàn bà mà một con mắt ở trên đầu, một con mắt ở dưới chân, họ hỏi Picasso. Họa sĩ diễn thuyết cho họ nghe một hồi. Họ cũng gật đầu bảo: « À, bây giờ tụi tôi hiểu thế nào là Hội họa lập thể ». Nghĩa là họ cũng chẳng hiểu gì ráo! Nói tóm lại, Jean Paul Sartre, cũng như Picasso, đã quăng ra giữa thế kỷ XX những tư tưởng và những đường thẳng những đường cong mà đa số người chẳng hiểu đích thị là gì, mà ai cũng công nhận như những tân kỳ-công của thế giới!

— Như thế thì, nói đúng ra,

thuyết Existentialisme, hay là Duy sinh, là thuyết gì ?

— Người đề xướng thuyết ấy đầu tiên, là một nhà triết học Đức, HEIDEGGER (Martin), sinh ở Messkirch năm 1889, giáo-sư trường Đại-học Fribourg-en-Brisgau, tác-giả những quyển sách triết-lý: *Sự vật và Thời gian*, *Siêu-hình học là gì?* — *Triết-học Kant và vấn-đề siêu hình v.v..* Chính danh-từ EXISTENTIALISME do Heidegger đặt ra lần đầu tiên và giảng-giải rõ-ràng trong quyển SEIN UND ZEIT (*Sự vật và Thời gian*) xuất bản tại Đức năm 1927. Jean Paul Sartre chỉ là một đệ-tử của Heidegger. Những tư-tưởng của ông đều lấy nguồn-gốc trong quyển triết-học *Sein und Zeit*. Vậy, muốn hiểu rõ thuyết DUY-SINH của J. P. SARTRE, cần phải trước hết tìm hiểu ý-nghĩa DUY-SINH của HEIDEGGER, mà tất cả quan-điểm tâm-kỳ và độc-đạo đều đã được trình-bày rất tế-nhị trong quyển « *Sự vật và Thời gian* », (*Sein und Zeit*).

— Coi bộ triết-lý này khó tiêu lắm, hả Minh ?

— Chắc chắn là vậy rồi đó.

Minh muốn nghe thì anh cố hết sức giảng cho mà nghe, còn như sợ nhưc đầu chóng mặt thì thôi... đẹp, nói sang chuyện khác.

— Minh rán giảng đi, em rán hiểu.

— Những danh-từ sẽ dùng để thuyết-trình về đề-tài này đều là những danh-từ triết-học. Existentialisme là một học-thuyết mới nhất của Thế-kỷ XX, và nhiều người đã nghe nói tới nó nhưng không hiểu đích xác nó là gì, chính tại vì những danh-từ ấy tuy là giản-dị, nhưng thật là khó khăn. Tuy là khó khăn nhưng thật là giản-dị. Đại-cương triết lý của Heidegger trong quyển *Sein und Zeit* (*Sự vật và Thời gian — Être et Temps*) là môn triết-học về Sự vật (*ontologie*). Sự vật là ÊTRE, là thực tại, là cái hiện có thật, cái hiện đang sống. Heidegger gọi nó là DASEIN (tiếng Đức), có nghĩa là đang sống. J.P. Sartre đã dịch ra tiếng Pháp là L'ÊTRE LÀ, L'EXISTANT. Ta có thể dịch ra tiếng Việt là HIỆN - HỮU. Heidegger phân tách rất dài cái hiện hữu đó về tất cả các khía cạnh để rồi nhận định rằng: cái bản chất (*essence*) của sự vật

là hiện hữu trong trần thế (*l'Être dans-le-monde*) nghĩa là lấy một sự vật mà xét, như một con người chẳng hạn, (vì con người là một sự vật) nó PHẢI SỐNG trong trần thế, nhưng sống luôn luôn trong lo sợ (*angoisse*) vì không bao giờ được sống hoàn toàn cho đầy đủ hết cái hiện-hữu của nó. Nó chỉ mãn hạn sống trên trần vũ là khi nào nó chết mà thôi. Cho nên cái hiện-hữu (*Dasein*) của sự vật chính là cái hiện-hữu-để-mà-chết. (Heidegger, và J.P. Sartre gọi là (*l'Être - pour-la-mort*)). Mặc dầu mình cố gắng hết sức để tự thoát mình ra khỏi mình, thoát ra khỏi bản chất hiện hữu, để hòa mình với các sự vật khác, nhưng rút cuộc rồi mình cũng tự trở lại mình, mình trở về mình, CHO VỢ, LO SỢ. (toujours seul, *angoissé*), và chỉ nhận thức ý-nghĩa đích-xác của đời sống của mình là khi nào mình nhận thức được số kiếp của mình trong THỜI GIAN (J.P. Sartre gọi cái ý-thức này bằng một danh-từ mới là HISTORISME), nghĩa là cái ý thức của HƯ VÔ (*néant*). Bởi hiện hữu đã từ Hư Vô mà ra, rồi phải trở vào hư vô. Và do đó mà nhận thức cái

tự do (*liberté*) của mình, và chỉ có cái tự do mới siêu thoát được ra ngoài trần vũ. Minh hiểu rõ chưa ?

— Minh nói tóm tắt mấy ý-tưởng sau cho em nghe lại.

— Tóm lại, theo Martin Heidegger và Jean Paul Sartre, đời sống của mình chỉ có ý nghĩa triết lý của nó là khi nào mình biết nhận thức 3 ý-niệm sau đây:

1.— Số kiếp của sự vật chỉ sống trong một THỜI GIAN (*Sein und Zeit*)

2.— Hiện hữu là từ hư vô đi đến HƯ VÔ (*néant*).

3.— Phải ý-thức sự Tự do để SIÊU THOÁT đời sống trên trần vũ. (TRANSCENDER le monde).

Như thế, cái HIỆN HỮU (mà Heidegger gọi bằng tiếng Đức là DASEIN, và J.P. Sartre gọi là L'EXISTANT, L'ÊTRE LÀ) là căn bản của hai yếu tố: sự hiểu biết, và sự thực-tế, nó chính là căn bản để xây dựng cuộc đời. Nó có chất bi quan hiển nhiên, nhưng cũng là một khởi-tổ lạc-quan sôi-nổi, và chú-trọng đến phương-diện SIÊU-HÌNH (MÉTAPHYSIQUE) nhiều hơn.

ia phương-diện CÁ-NHƠN (INDIVIDUEL).

Đó, tất cả tinh-túy của triết-học *Existentialisme* mà ta nên gọi đúng nghĩa theo tiếng Việt là triết-học *Duy-sinh*.

— Như vậy thì em tưởng gọi là triết học *Hiện-hữu*, có lẽ đúng hơn chứ, Minh ?

— Chỉ đúng trong lý-thuyết căn-bản mà thôi, nhưng đem triết-lý ấy áp-dụng ra đời sống, như một số đệ-tử thanh-niên của J. P. Sartre, nhất là các sinh-viên triết-học của các trường Đại-học Pháp, thì không được hoàn-toàn đúng lắm. Vì, như anh đã nói lúc nãy, học-thuyết *existentialisme* nguyên thủy của Heddegger thiên về Siêu hình-học (*métaphysique*), có giải bày rõ-ràng trong quyển « *Was ist metaphysick?* » (1929).

— Siêu-hình là gì ? — Còn thuyết *Existentialisme* của J. P. Sartre lại thiên về thực-tế cá-nhơn (*réalité individuelle*): **CHỈ LẤY SỐNG CHO HIỆN-TẠI** (*duy-sinh*) làm cứu cánh cuộc đời. Vì thế, nên phải gọi nó là triết-lý **DUY-SINH**. Triết lý này, J. P. Sartre đã cố ý đem vào trong mấy quyển tiểu thuyết của ông, nhất là quyển:

*La Nausée*, 1938, (Buồn nôn) *Les chemins de la Liberté*, 1945-49, (Những nẻo đường của Tự-do) và các vở kịch: *la Putain respectueuse* 1946 (con đi) *les Mains sales*, 1948, (hai bàn tay bẩn) *le Diable et le Bon Dieu* 1951, (Con Quỷ và Chúa Trời.) Khác nhau giữa hai chủ-trương của Heidegger và J.P.Sartre, là nhà triết học Đức khuyến-hướng về lý tưởng lãng-mạn, (la pensée romantique) còn nhà văn sĩ triết học Pháp đi sát vào tư-tưởng duy lý (*pensée rationnelle*). Sartre áp dụng học thuyết duy sinh trong các vấn đề hiện tại, và tuy ông cũng phân tách các trạng thái của hiện hữu, nhưng ông lại đem những nhận định triết-học vào thí-nghiệm làm cứu cánh thực tế của đời sống con người. Thuyết Duy sinh của J.P. Sartre đã k iến người ta phải chú ý chính là vì điểm đó.

— Nhưng J.P.Sartre căn cứ trên luận điệu nào mà áp dụng thuyết duy sinh trong thực tế ?

— Theo ông, thì tất cả cái gì đang có là *hiện hữu* trong hành vi (*tout ce qui est est en acte.*)

— Nghĩa là thế nào ?

— Nghĩa là tất cả các sự vật

đang sống trên đời đều tự mình chứng tỏ sự hiện hữu ấy bằng các hành vi. Có hành vi tức là có sống. Cũng như nhà triết học DESCARTES (Thế kỷ XVII, Pháp) đã nói một câu la tinh: **COGITO ERGO SUM** (*Je pense, donc je suis*) nghĩa là: Tôi có suy nghĩ, tức là có tôi. Sự biết suy nghĩ của tôi xác nhận hiện hữu của tôi. Jean Paul Sartre thì nói: *l'être est, có tác động, tức là có*. Nghĩa là: sự tôi đang hành-động đây, chứng tỏ rằng tôi đang sống. Hành động là bản chất của hiện hữu. Nhưng J.P. Sartre lại phân tách ra rằng có *hiện hữu rồi mới có hành động*, nghĩa là **HIỆN HỮU CÓ TRƯỚC BẨM CHẤT** Sartre nói: *l'existence précède l'essence*. Cái hiện hữu ấy. (Sartre gọi là *en-soi*) nó đã có từ hồi nguyên thủy. Cũng như nói một cách dễ hiểu hơn: **MÌNH SINH RA ĐỜI** tức là **MÌNH ĐÃ CÓ CÁI HIỆN-HỮU**, cái *l'être en-soi*. Nhưng không phải có để mà ngồi ì một chỗ như một hòn đá. Đứng trên phương diện nhân bản, có *hiện hữu rồi* thì phải có ý thức hành-động (*en acte*), phải làm cách nào để duy trì cái hiện hữu ấy, tức

là cái EN-SOI biến thành cái **POUR-SOI**: cái **HIỆN-HỮU** biến thành cái **DUY-HỮU**. Biến như vậy, không phải là để tăng thêm lên, vì cái hiện hữu tự nó đã có, không thêm được nữa, nhưng biến như vậy chính là để bớt đi, bớt dần dần cho đến chỗ **HƯ VÔ** (**NÉANTLISATION**).

— Minh à, Minh cho em ngắt lời Minh ở chỗ này một chút nhé. Em nghe hay-hay, em thấy thú vị lắm nhưng em muốn Minh tóm tắt lại cái đoạn Minh vừa giảng giải đó, để xem em có hiểu đúng như Minh giảng không.

— Nói tóm lại, con người (*être*) sinh ra từ nguyên thủy là hư vô. Nhưng đã sinh ra trên đời, tức là có (*existence*). Bản-chất của cái hiện-hữu ấy là hành-động, nhưng hiện-hữu có trước bản-chất (*l'existence précède l'essence*) Bản-chất hành-động ấy có mục-đích duy-trì hiện-hữu (*l'être en soi*) Vì vậy mà hiện-hữu không phải bất di-dịch, trái lại nó biến-đổi thành ra duy-hữu, (*l'être pour-soi*) nghĩa là cái hiện-hữu của mình phải có hành-động để tự lo cho mình. Nhưng sự biến-đổi của bản-

chất hiện-hữu không phải để tiến mãi tới một mức vĩnh-cửu dồi dào vô tận, mà, trái lại, nó chỉ tiến tới cái hư-vô. Nghĩa là nó trở về cái khởi thủy hư-vô của hiện-hữu. Lúc hết trở về Hư-vô của lúc sinh.

Mình thấu-triết vấn-đề chưa ?

— Em hiểu rõ lắm rồi.

— Như thế thì ta thấy rằng tất cả những cố gắng của con người, của loài người, để siêu thoát ra khỏi cuộc đời hiện-hữu, để đi tới cái mức hạnh-phúc tuyệt vời, vĩnh-viễn, để chiếm lấy bất cứ một tuyệt-đích nào, như lương tâm, tự-do, hạnh-phúc, giao tiếp với kẻ khác, tăng cường giá-trị tinh-thần hay vật chất, tìm đến tuyệt-đích của Người, hay của Thượng-đế, tất cả những cố gắng hành động để tự siêu thoát đến tận cùng Chân, Thiện, Mỹ, đều phải thất bại hết. Do từ Hư-vô mà có, rồi từ Hiện-hữu biến thành Duy-hữu, tưởng đâu để tiến lên, tiến lên nữa, đến toàn Chân, toàn Thiện, toàn Mỹ, đến Thượng-đế, dè đâu lại tụt xuống từ duy-hữu trở về hiện hữu rồi từ Hiện-hữu trở về Hư-vô ! Theo danh-từ của J. P. Sartre, là từ

cái *pour-soi* quay lộn về cái *en-soi* và chỉ có cái *en-soi* là hiện-hữu mà thôi, vì nguyên-thủy của *en-soi* lại là *Néant* (Hư-vô). Cho nên J. P. Sartre cho rằng tất cả những cố-gắng hành-vi của con người, cũng như mọi sự vật trên đời, đều vô-nghĩa, người là một dục-vọng vô-ích (*l'homme est une passion inutile*) và đời sống của con người là một phi-lý (absurdité), cái phi-lý ấy rốt cuộc sẽ bị tiêu tan trong cái hiện-hữu mênh-mông của vũ-trụ. Vì lý-thuyết ấy, mà J.P. Sartre chủ trương **CHỈ NÊN SỐNG CHO ĐỜI SỐNG HIỆN HỮU**, cho *l'être-en-soi*, cho *existence*. Do đó mà có danh-từ *existentialisme* mà ta dịch là *Duy Sinh*. Mình hiểu rõ hết chưa ?

— Em hiểu rõ lắm lắm rồi. Để hôm nào em gặp cái ông giáo sư gì ... đã chọc tức em trong tiệc cưới con Thu, em sẽ thuyết về Duy-Sinh cho ông nghe một hồi, để em trả thù cho ông biết tay em !

— Anh khuyên Mình đừng có tự phụ như rứa. Vì tất cả những điều anh trình-bày từ nãy tới giờ chỉ mới có chú-trọng đến

triết - lý Duy - Sinh của Jean Paul Sartre mà thôi. Nhưng còn nhiều vấn - đề khác liên - quan đến thuyết ấy. Thí-dụ như chủ-trương siêu hình học (métaphysique) của nhà triết học Đức Heidegger. Triết - lý siêu hình học nguyên thủy từ nhà Triết học Hy-Lạp Aristote (384-322 trước J.C.) trải qua Platon, Parménide, Descartes, Spinoza, Kant, Spencer cho đến Heidegger, Karl Jaspers, và J.P.Sartre. Anh cũng sẽ giản - thêm cho Mình nghe về thuyết Duy sinh Thiên Chúa giáo (Existentialisme Chrétien) của hai nhà Triết-học Gabriel Marcel và Kierkegaard, và ý nghĩa chữ « Phi lý » (absurde) của Albert Camus và J.P.Sartre, và tại sao triết học của Sartre đưa ông đến chủ nghĩa Cộng-sản, rồi lại kéo ông bỏ Mác-xít để trở về với Duy sinh, tại sao Giáo Hoàng Pie XII và giáo phái Gia tô đã kết án chủ nghĩa Duy sinh của J.P.Sartre, tại sao J.P.Sartre có ảnh hưởng sâu rộng trong đám thanh niên Đại học Pháp nhất là trước lời Đệ nhị Thế-chiến...v.v..

— Mình sẽ đưa em đi khắp một vòng chân trời rộng lớn của Siêu hình học nhé ?

— Vâng, nhưng tự trung cũng khởi điểm từ Hiện hữu mà ra, từ Bản Ngã, « cái tôi » hiện đang có của mọi người ở giữa huyền bí bao la của Vũ-trụ. Muốn hiểu cho thật chu đáo cái bản chất của « cái tôi », chúng ta cũng cần phải phân tách và so sánh các triết-ly siêu hình của Âu châu với triết lý siêu hình của Phật giáo, cái ý nghĩa hai chữ « Vô ngã » của Đức Phật, và hai chữ « Duy ngã » cũng của Thích Ca Mâu - Ni. Mình hiểu được hết các triết-ly ấy, tức là mình sẽ có một quan niệm tạm đầy-đủ về bản - chất của con người và ý-nghĩa của cuộc đời.

— Thuyết Duy-Sinh của J. P. Sartre cũng chỉ là một khía-cạnh của toàn thể hiện-hữu thôi chứ, phải không Mình ?

— Dĩ nhiên. Hơn nữa, J. P. Sartre không phải là một nhà Triết-học về lý-trưởng. Ông chỉ là một nhà Văn, chủ - trương theo thực-tế hiện-hữu; cho nên đọc hết các tác-phẩm của ông, người ta nhận-định rõ rệt cái căn-bản triết-ly mà ông muốn xây dựng trong thực tế với chính những nguyên-liệu mượn của *Sein und Zeit* của Heidegger.

Người ta thấy ông bày - biện ra đó như một bản họa đồ thật đẹp, một maquette tân-kỳ. Nhưng người ta không thỏa-mãn vì đó là bản họa đồ một biệt thự lộng lẫy mà ông lại để cho các đồ-độ của ông kiến trúc thành một nơi tưu-điểm ở xóm Saint Germain-des-Prés. Điều tai-hại hơn nữa là chính ông, và cả vợ Simone trẻ đẹp của ông, lại hằng hái tham-gia vào các «cuộc vui suốt sáng, trận cười thâu đêm» ấy! Riêng anh, anh cho rằng học-thuyết Duy-Sinh rơi vào các hầm rượu đó thì chẳng còn giá-trị gì nữa cả!

— J. P. Sartre năm nay bao nhiêu tuổi hả Minh?

— Ông ấy sinh tại Paris năm 1905 tức là năm nay ông 55 tuổi. Nhưng dạo này ông ta tỏ vẻ «chán đời» lắm.

Nhất là từ ngày Albert Camus đã chết một cách «phi-lý» trong một tai-nạn xe hơi. Cứ xem bài điếu văn của ông viết để tưởng nhớ Camus là bạn thân của ông đạo thẳng giềng vừa rồi thì rõ...

— Tại sao ông chán đời, hả Minh?

— Cái ám-ảnh của Hư-Vô...

— Minh không ưa J. P. Sartre?

— Không ưa một tý nào. Theo anh, một nhà Triết-học, hơn nữa, một nhà Văn, bất cứ ở phương trời nào, và ở thời-

đại nào, cần phải có một triết-lý cao-thượng để góp vào việc xây-dựng một nhân-loại cao-thượng và tốt đẹp hơn Nhân-loại hiện nay. Huống chi J.P. Sartre đã tự-tạo được một hệ-thống tư-tưởng đi gần tới siêu-hình, mà lại đem chung bày bừa-bãi dưới một hầm rượu và một trường khiêu-vũ, để làm nơi thánh-đường của tuổi trẻ hoang-đàng bê-bối, thì có gì là đáng phục? Anh đã đọc vài ba quyển sách của J.P. Sartre, trong thời chiến-tranh: *les mains sales, la putain respectueuse, les chemins de la Liberté*, anh thấy J. P. SARTRE còn thua VŨ TRỌNG PHỤNG xa-lắc xa lơ!

( . . . . . )

Ông Tú nói chuyện đến đây, đã cảm thấy hai hòn đá đè nặng trĩu trên hai mi mắt của ông. Ngoài đường phố vắng tanh vắng teo. Chắc khuya lắm rồi. Ông hỏi bà Tú:

— Máy giờ rồi, Minh?

— 3 giờ sáng!

— Hèn gì anh buồn ngủ quá xá!

Bà Tú vừa mới nghe ông nói xong câu ấy, là đã nghe ông ngáy khò khò...

DIỆU-HUYỀN

# CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỪ-VU \* BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 33)

T U Y đây là một bữa thịnh soạn, toàn chân hào, mỹ-thái, nhưng, tiếc thay, cái bầu không khí chẳng được vui tươi. Trái lại, bàn tiệc có vẻ rất đời là nghiêm-túc, buồn-thảm, thế nào ấy! Riêng đối với tôi, nó cơ hồ như một thứ áp bách, thiệt khó thở; mà, có lẽ, Bạch Tàn cũng cùng chung một cảm giác như tôi, ai lại, cha và mẹ, đối với người con gái độc nhất mà cứ y như đối

với một người khách lạ vậy. Có nhiều lúc, hai cụ cũng cố ý muốn nói lên một lời gì từ-ái, thân mật, vui-vẻ, nhưng khốn nỗi, lời nói đó cứ như bị nghẹn ứ lại ở cổ họng. Tôi thấy mỗi lúc một ngọt tho thêm lên. Trong cặp mắt của cụ Bà không phải không có cái nhiệt tình mẫu-ái, nhưng, trừ một cái hôn lúc Bạch Tàn mới về, hình như cụ cũng chẳng tìm ra được một ngôn ngữ hay một cử-động

gì, nó khả dĩ biểu thị được cái tấm lòng thương yêu, triu-mến của mẹ đối với con. Tôi liên-tưởng tới, cùng một cảnh tình đó, ở một gia đình thanh bản, có lẽ sự biểu lộ ấy nó sẽ dễ-dàng, thắm thiết và khinh khoái biết chừng nào ! Nhân đó, tôi nhớ lại cái khi tôi, sau khi đi xa, trở về nơi quê nhà. Thôi thì, mẹ tôi sẵn đón, nâng giắc tôi y như đối với một đứa trẻ thơ. Mẹ tôi đi lục lọi hết hộp này, tới công kia, để đem ra, nào đường phèn, nào bánh khô, ấn vào đũa hai bàn tay tôi, mẹ tôi làm như tôi chết đói đã lâu ngày không bằng ; sau đó, mẹ tôi dắt tôi ra vườn, người đi hái đậu, kẻ măng tươi, để làm cơm cho tôi ăn. Trên mâm ê hề, đủ thứ, có lẽ bốn năm con người ăn cũng còn thừa, chứ chẳng không. Ấy vậy mà, ở đây, trong cái khung-cảnh tráng lệ, với chiếc bàn ăn, trên bày la liệt những bông hoa tươi thắm, với bao nhiêu kẻ hầu, người hạ đứng túc trực hai bên, với thực-khách nghiêm trang trong các bộ văn phục, người nào, người ấy đều ngồi yên, chẳng ai nói ra lấy nửa lời, ai cũng cắm cổ ngồi ăn những đĩa "súp" nấu bằng gà non, tron nuốt và ngọt sót ! Tất cả tấm lòng "mẫu

ái" nùng nhiệt của thái thái Thê-tư Lãng chỉ được biểu lộ ra bằng cái khoé mắt, mỗi khi thái-thái nhìn người con yêu dấu. Quả thật tình, tôi ngồi đó, không thể nào không thấy tấm lòng của kẻ làm con, nao nao, bồi hồi, nếu không phải là xót xa, đau khổ thay cho thái-thái !

Sau bữa tiệc, chúng tôi đi sang bên phòng-nhạc, dùng cà phê. Để phá tan cái không khí tịch mịch, thái thái đã tự-động đánh một bài đàn trên cái cương cầm. Hết khúc, chúng tôi đều hân hoan vỗ tay tán thưởng. Tuy nhiên, chỉ mấy phút sau, sự vắng lặng lại đè chiu lên gian phòng. Thấy vậy, thái thái phải bảo Bạch-Tần tấu một bản nhạc khác. Mới đầu, nàng từ chối, nhưng, cụ ông bảo con :

— Đây, con này, có lẽ vị tân khách của chúng ta đây, chưa hề được nghe con tấu cương cầm, thì phải ?

Tôi cũng vội xen vào để thỉnh cầu một cách khẩn khoản. Nàng liền tươi cười đi ra, ngồi xuống chiếc ghế xoay của chiếc cương-cầm và tấu một khúc của "Tiêu Bang" (Chopin) ; nhiều đoạn, tiếng đàn có một điệu buồn vô hạn, làm cho cả thính tọa nao

nao tắc dạ ; tới một đoạn khác, bổng cung điệu trở thành thác loạn và cuối cùng, hình như người tấu bị nhọc mệt thái quá và bản đàn vụt được kết thúc một cách vội vàng, sấp ngửa, không còn một tí gì là nhịp điệu, là tiết tấu nữa ! Bạch-Tần đóng sập nắp đàn và thở ra một tiếng dài thườn-thượt, như người hết hơi, và nàng cúi đầu nhìn xuống đất, trong khi chúng tôi lộp độp vỗ tay.

Tôi đứng lên để đưa nàng về chỗ ngồi và nói :

— Bản đàn tiêu thư tấu hay quá !

Nàng vội đáp :

— Nếu tiên sinh cho là hay thì là hay.

Tôi đã rõ, xưa nay, nàng vẫn không ưa cái hình thức lễ-mạo của xã-giao, nên tôi vội đáp :

— Không, thưa tiêu thư, tôi không khi nào dám khách sáo đâu ; quả thiệt tình, tôi đã cảm thấy nỗi lòng của tiêu thư qua những âm-thanh của khúc nhạc. Có một điều là tại sao tiêu thư không năng tập luyện để tiến tới chỗ tuyệt kỹ ?

Tuy nàng nhích mép cười, nhưng, hình như trong thâm-tâm chẳng được vui, nên nàng đáp :

— Không, tôi không có ý-định trở thành một cương-cầm-gia, mà.

Một lát sau, tôi thấy cần phải cáo từ để cho gia đình họ có dịp tụ hội với nhau một cách thân-mật, đầm ấm hơn. Và tôi định-ninh rằng, nhân buổi trùng phùng này, Bạch-Tần sẽ tuân thuận gia-đình và sẽ sống theo cái nền nếp cổ truyền của dòng họ Thê-tư Lãng ; và, cũng nhân sự hàn huyên tối nay, thái thái Thê-tư Lãng sẽ có thể đem hết ra cho nàng thấy rõ cái bầu nhiệt-ái của người mẹ đối với đứa con độc nhất mà bấy nay nó vẫn tìm-tàng nơi đáy lòng của thái-thái.

Hiện thời, Hải-Lan chẳng có mặt tại đây, tôi nhận thấy cái trách-nhiệm của tôi có phần nặng nề hơn. Tôi nắm vạt tay lên trán suy-nghĩ. Nếu không có ai làm hạn, để trợ-hứng cho nàng, rồi đây, nàng lại sẽ uống rượu, hút thuốc lá và đi chơi đêm, cho mà xem ! Nhưng, ngoài việc tôi phải đi theo nàng khi nàng đi khỏi nhà, tôi không còn biết làm thế nào hơn.

Quả lúc này hơn lúc nào hết, tôi thấy cần có Hải-Lan để trợ-lực cho tôi. Ngoài ra, sự vắng mặt của cô càng làm cho tôi nhận rõ mình quá cô-độc, quá trợ-trợ.

Sáng hôm sau, tôi vội-vã gọi điện-thoại tới bệnh-viện, tôi mới được biết: bệnh tình của Hải-Lan vẫn như thường, không nặng lên nhưng cũng không có triệu-chứng thuyên-giảm, nên tôi thấy tâm-não chẳng được thư-thích cho lắm. Một lát sau, Bạch-Tần tìm tôi để đi tản-bộ trong hoa-viên. Đến trưa, sau bữa cơm, nàng rất ngoan - ngoan đi ngủ trưa và tối hôm ấy, nàng đã đi ngủ rất sớm, sau khi ước hẹn với tôi, sáng sớm mai, cưỡi ngựa đi một vòng.

Sáng hôm sau, nàng trở dậy thiệt sớm. Tôi liền cùng nàng, đi ra chỗ tàu ngựa. Tôi ồm-ồm hỏi:

— Thế là, bây giờ tiêu-thư đã tự ý không tránh mặt tôi nữa.

— Đúng thế.

— Tại sao, trước đây, ta không chấp thuận cái cách sinh hoạt đầy linh động và kiện khang, này nhỉ?

— Có lẽ là tại « số mệnh ».

— Số-mệnh?

Nàng tủm tỉm cười và đáp:

— Tiên sinh không tin là có số mệnh, sao? Nếu vậy, tôi xin nói là chỉ tại cơ hội...

— Thưa tiêu thư, tôi ước ao rằng từ nay trở đi, ta nên, thường sinh-hoạt theo cái thể thức

kiện khang này?

— Thưa được, được lắm. Nếu đó là một ý niệm của tiên sinh.

— Không những đó là ý-nghuyện của tôi mà thôi; được bởi bạn với tiêu thư như thế này, quả là một quang vinh cho tôi nữa.

Nàng lặng thinh và chỉ để lộ ở làn môi một nụ cười có vẻ chế-nhạo. Sau đó, nàng ngược mắt nhìn về phía tàu ngựa và nói:

— Đây, tàu ngựa đây rồi... Quả thật, cha tôi là một người sành ngựa và yêu ngựa!

Tôi xem chừng Bạch-Tần có vẻ thành thạo về ngựa hơn tôi nhiều, nên tôi ân cần nói:

— Thưa tiêu-thư, nếu không phải là một điều quá phận, xin tiêu thư chọn giùm tôi một con ngựa.

— Thôi, thế này thì hơn, tiên-sinh nên cưỡi con ngựa của tôi, còn tôi, tôi sẽ dùng con ngựa của thân mẫu tôi.

Trong khi chúng tôi song song cưỡi ngựa ở tàu ra, nàng bảo tôi:

— Đây là lần đầu-tiên, tôi đã nhường con ngựa của tôi cho một người khác cưỡi, đấy nhé.

Tôi tự mình, bụng bảo dạ, phải cố tìm ra lấy một lời gì thật lịch-sự để đáp lại, nhưng tôi tìm mãi không thấy: cùng thế, tôi đành phải thốt ra câu này:

— Con ngựa này đẹp quá!

Ở ngoài đồng nội bát-ngát, song làn không-khí thanh-sảng của trời thu êm-dịu, tôi thấy lòng tràn ngập diễm-phúc. Mình ngồi trên lưng một con ngựa hoa quý, vừa cao, vừa đẹp và cùng đi sánh đôi với một vị thiên-kim phấn-đại, quả tình, trong đời tôi, chưa bao giờ, tôi được nếm trải một thú phong-lưu, đầy kiêu-xa, hào-phóng nhường này. Tâm-thần tôi như bị đảo-túy và tôi quên hết mọi việc, từ thân-thể, tới

chức-trách hiện-thực của tôi.

Trên con đường trở về, tôi vụt nhớ ra rằng, cái công việc tôi đang phụ-đảm, quả không xứng với cái tuổi non nớt của tôi, tôi lại nhớ lại cái câu của Hải-Lan mà trước đây, cô đã từng nói với tôi:

« Công việc làm, phải là một cái gì có đầy hứng-thú, và sự hứng-thú bao giờ cũng phải có ở trong công việc làm, có được như thế, sự sống mới đáng sống! »

(Còn nữa)

Đã in xong và sắp phát-hành tập

COMMUNION

(CẢM THÔNG)

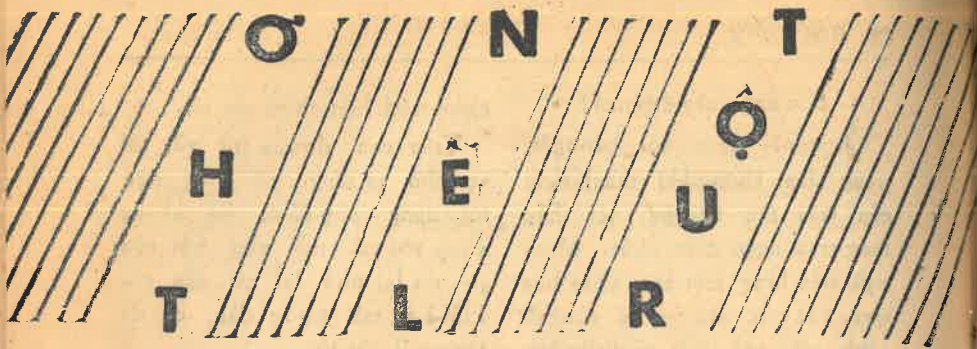
THƠ CHỌN-LỌC VỚI CÁC BẢN DỊCH  
ANH NGŨ của giáo sư NGUYỄN KHANG  
PHÁP NGŨ của nữ-thi-sĩ Bỉ SIMONE KUHNEN  
DE LA CŒUILLERIE.

KÈM THEO 4 PHỤ-BẢN CỦA NỮ THI SĨ BỈ  
YSABEL BAES

Sách giấy 100 trang trên giấy VERGÉ, in 2 màu  
(đen và đỏ); phụ bản in nhiều màu. GIÁ 50\$

TỔNG PHÁT HÀNH:

53/18 Nguyễn-Khắc-Nhu SAIGON



## Công Chúa lấy chồng

● Kính gửi chị Diệu Huyền thân mến.

★ Cô HOÀNG-THANH-NGỌC  
(Nữ giáo viên — Đà-kao)

Nghe Công Chúa nước Anh	Sao Công-Chúa chê hết ?
Lấy người thợ chụp hình,	Mà lấy thợ chụp hình
Em chán Margaret,	Tào-lao chẳng ra đêch ?
Mất hết cả cảm-tình !	Trông mặt y đáng khinh,
Biết bao chàng tuấn-anh	Ngó miệng y đáng ghét !
Giàu, sang, đẹp ra phết ;	Em yêu-cầu chị viết
Người trí-thức lừng danh,	Một bài thơ phê-bình
Kẻ trạng-sur nề-nếp,	Để em gửi sang Anh,
Nào hầu-bá, công-khanh,	Cho cô Margaret,
Nào vương tôn đẹp nét,	Kêu em tức muốn chết !
Bao nhiêu chàng rắp ranh,	HOÀNG-THANH-NGỌC

## ● Đáp bạn HOÀNG-THANH-NGỌC

Mặc cô Công-Chúa lấy chồng,  
Việc chi tức tối, để lòng nôn-nao ?  
Lấy chồng nhiếp-ảnh « tào-lao »  
Chuyện riêng Công Chúa, hơi đâu phê bình ?

Lạ chi chú thợ chụp hình  
Chụp luôn Công Chúa thất-tình trong cung !  
Ngày xưa Công-Chúa Tiên-Dung  
Lấy Chử-Đông-Tử lung-bung không quần !

Ngày nay con gái Nhựt-Hoàng  
Lấy anh thư-ký hai ngàn bạc lương !  
Hỏi ai chấp mối tơ vương ?  
Trương-chi giọng hát, My-Nương đầu ngõ !

Biết đâu Công-Chúa ơ-m-ơ,  
Trả thù cho mối duyên hò năm xưa ?  
Yêu chàng kỳ mã say-sưa,  
Mà không lấy được, thì.. ư chú này !

Lấy nhau chửa chắc vui-vầy !  
Lấy nhau mặt dạng mày dầy với ai.  
Nhưng lòng quyết lấy một hai,  
Chàng chàng kỳ mã, thì.., trai chụp hình !  
Oái-oăm là chuyện ái-tình !..

DIỆU HUYỀN



# Chuyện

## CÀ-

## KÊ

### TRỌNG TẤU và BA - TÈO

#### \* « Ôi ta buồn ta đi lang-thang...! »

Từ một tuần nay, trong vườn Bách Thảo Hyde Park có một ông Văn-sĩ tới đóng đô suốt ngày dưới một gốc cây cao để viết hồi ký. Tên ông là FRANZ HO-VART, người Hung-gia-lợi, di-cư sang Anh. Trời nắng thì ông ngồi dưới bóng mát, trời mưa thì ông có một cái bao bằng plastic để che thân. Nắng hay mưa, ông cũng ngồi một chỗ. Cả gia-tài của ông chỉ có một cây "bút chì nguyên-tử", và một cái chai không để đựng nước uống mà ông cột tòn-ten bên giầy lưng. Giấy thì ông viết trên các tờ giấy quảng-cáo mà ông gỡ nơi các vách tường.

Đến đêm, người gác vườn đóng cổng, đuổi hết du-khách ra, thì ông Văn-sĩ phải đi lang-thang suốt đêm ngoài phố. Ông tuyên-bổ với các báo : « Tôi thích cuộc đời tự-do như thế này. Ban ngày tôi viết, tôi ngủ. Ban đêm tôi không nhà không cửa thì tôi đi lang thang cho đến chừng nào bình-minh trả lại cho tôi cái cây của tôi, góc vườn yên-tĩnh của tôi và mấy con chim của tôi ... »

Có thật ông Văn-sĩ Hung-gia-lợi đi lang-thang vì không có nhà, có cửa, hay là vì ông muốn làm quảng - cáo khéo cho quyển sách của ông sắp xuất-bản ?

Thời buổi nguyên-tử này, óc tưởng-tượng của con người (nhất là của các ông Văn-sĩ Thi-sĩ) khó mà lường được vậy thay !

### CHUYỆN CÀ-KÊ

#### \* Hết ga, hết xăng, hết máu !

Tường - tượng như anh chàng chán đời muốn tự tử sau đây chẳng hạn : Anh tên là JEAN DUBREUIL, người Pháp ở Nice, trước khi tự tử để phui nợ trần, có viết thư cho ông Biện - lý để báo tin « buồn ». Gửi thư xong xuôi, anh ta leo lên xe hơi mở máy, lấy một lưỡi dao cạo cứa tay cho đứt mạch máu, rồi đạp lút ga cho xe chạy hết tốc độ. Anh ta định rằng sẽ đạp hết ga, chạy cho đến khi hết xăng, cũng vừa tới lúc anh hết máu thì là anh sẽ được dứt khoát cuộc đời như ý nguyện ! Nhưng, cao xanh kia nào có chiều người ! Anh Jean DUBREUIL, sau khi đã đạp được 3 cái hết : hết ga, hết xăng, hết máu thì chiếc xe kiệt sức vừa chết máy ngay trước một cây xăng. Thế là anh bán xăng, thay vì bơm xăng vào xe DUBREUIL, lại vội vã chở anh này đi bơm máu !

Cái số chưa chết, trời vẫn không cho chết đâu ai ơi !

#### \* Hoa hậu bị 12 tháng tù !

Số chưa chết thì chưa chết,

nhưng số phải ở tù, thì nhất định đi ở tù.

Cô nàng JOHAN EHREN-STRASSER được bầu làm hoa - hậu Âu - Châu 1958. Theo những nàng hoa - hậu khác, thì có thể làm quan tăt bằng cách lấy một tấm chồng làm quan, hoặc là tìm cách làm giàu bằng cách lấy chồng triệu-phú, tỷ phú, hoặc cười tình với các nhà đạo diễn màn bạc để hy vọng trở thành minh-tinh. Nhưng Hoa hậu EHREN STRASSER lại không muốn vậy. Nàng chỉ muốn làm một nghề đặc biệt, tự-do hơn và thích-thú hơn là nghề đi ăn cắp. Cô ta bèn vào một tiệm nợ ở West End để xoay các đồ quý giá độ 9 triệu 600 ngàn quan tiền Pháp ! Nhưng nàng nuốt không trôi số tiền kết-xù ấy và đã bị bắt hồi tháng giêng vừa qua. Vừa rồi Hoa Hậu 58 bị tòa án Old Bailey xử 12 tháng tù. Chắc chắn là trong khám Chí-Hòa Old Bailey của Anh - Quốc, nàng Johan cũng sẽ được bầu làm Hoa hậu ! Vì cái số cô làm Hoa hậu, thì đi đâu cô cũng sẽ được tôn làm Hoa-hậu !

\* **Hết chuyện Caryl Chessman**

Caryl CHESSMAN đã phạm 12 tội giết người.

Caryl CHESSMAN đã bị bắt từ hồi còn niên thiếu!

Caryl CHESSMAN đã bị lên án tử hình!

Nhưng rồi chưa chết... Rồi y viết sách hồi-ký ở tù.

Sách bán rất chạy như tôm tươi.

Trong 20 năm, độc giả say-mê...

Nhưng rồi, than ôi! Caryl CHESSMAN vẫn phải đền tội tử hình trên ghế điện.

Và y đã chết.

Thế là hết chuyện... Caryl CHESSMAN.

(Xin bạn đọc Phở-Thông chớ cho đây là bài «thơ tự-do»! Cám ơn!)

\* **Cái vòng ngực vĩ-đại của cô Nữ sinh.**

Cô nữ-sinh dưới đây chắc hẳn khó thành được Hoa hậu. Tên cô là Sandy CHERNISS 19 tuổi, Nữ-sinh trường Trung-học San Francisco ở Mỹ, có một vòng ngực bự đến 104 phân,

nghĩa là 1 thước 04 phân. Một vòng ngực hi hữu trên thế-giới.

Bà Mary Golding, hiệu trưởng trường cô, cự nự bảo cô:

— Tôi bắt buộc phải đuổi cô ra khỏi trường, vì bộ ngực cô hở hang thế này, học sinh trong trường làm sao học được?

Thật ra, cô CHERNISS đâu có muốn ai để ý đến cái bộ ngực báo đời của mình, nên cô may toàn áo rộng thùng thình để mặc, tưởng đâu sẽ may mắn được ở lại học đường với các bạn. Nhưng xui xẻo cho cô! Mỗi lần cô đến trường, cô vẫn bị bọn nam học-sinh suýt xoa khen ngợi, reo hò hoan hô, xô xao các lớp, không còn học hành gì được cả. Không có lẽ vì bộ ngực mà cô đành nghỉ học sao! Cô đang rầu... thú vị ruột, thì may làm sao, nhờ bộ ngực vĩ-đại mà cô hân hạnh được các báo hằng ngày bên Mỹ in hình cô trên trang nhất, và... một nhà may chuyên môn sản xuất «chuối chiên» (sú cheng) đã tới điều đình với cô.

Thế là từ nay bộ ngực của cô Nữ sinh Sandy đã vượt ra khỏi phạm-vi học đường mà chiếm cả thị trường quốc-tế!

\* **Bê.. Bê**

Cô đào hát bóng Brigitte Bar-dot thường được người ta gọi tắt là B.B., mà tiếng Pháp chữ bé bé có nghĩa là con nít. Cô vừa lấy chồng hồi năm ngoái, chồng là anh kép hát Charrier, chuyện đó các bạn đều biết cả. Thế rồi có một hãng nước suối nọ tên là Nước suối Charrier, quảng cáo cho nước suối của mình như sau: «Bébé (con nít) thích Charrier» (tên nước suối Charrier). Cô đào Bê..Bê thấy vậy nhất định đệ đơn kiện hãng nước suối Charrier. Cô bảo rằng:

— Tôi không muốn người ta đem tình yêu của tôi đối với chồng tôi đem dán đầu đường xó chợ như thế!

Cô B.B. cho rằng người ta muốn ám-chỉ Bébé là tên cô, và Charrier là tên chồng cô!

Thấy chưa! Các ông «nhà báo» có viết lách thì coi chừng uốn đi uốn lại 7 lần cái ngòi bút «nguyên tử» rồi hãy viết kẻo có ngày rắc-rối với những cái «rốn của vũ trụ» loại tài-tử như cô đào Bê Bối, xin lỗi: B.B... đó nhá!

\* **Cha nào con nấy.**

— Ai cũng biết danh tiếng nhà Đại họa-sĩ GAUGUIN đã qua đời rồi. Hiện nay ở đảo Polynésie cũng có một họa sĩ lang thang đang sống vất vưởng ngày qua ngày, tên là Gauguin. Đó là con

trai của nhà danh họa Gauguin và một cô gái mọi ở đảo Hạ-uy-di. Ngày ngày chàng chờ các du khách để xin bố thí cho vài quan tiền và bán mấy bức tranh quen ký tên.

«Gauguin con». Trong khi ấy thì ở Luân-Đôn có những bức tranh của Gauguin cha đã bán tới giá 100 triệu quan và ở phòng-triển lãm Charpentier cả ngàn dân chúng Ba lê chen lấn nhau ngắm tranh nhà danh họa Gauguin cái người khi còn sống cũng nghèo khổ như con ông ngày nay vậy. Nhưng chẳng biết Gauguin con sau này sẽ được danh tiếng như Gauguin cha sau khi chết rồi không nhỉ?

\* **Trái bom của ai bỏ quên ngoài ga xe lửa**

Một chiếc va li gửi ở nhà ga Saint Jean tại Bordeaux đã làm xáo trộn hệ thống an-ninh của nơi này. Số là chiếc va li báo đời đó có phát ra những tiếng tí tách giống như tiếng kêu của động cơ trái bom nổ chậm, làm cho cảnh sát lo sợ hoảng hồn. Người ta phải điều động các chuyên viên quân đội đến nơi xem xét. Sau khi đã cẩn thận đời của báo đời ấy đi xa các chuyên viên rà-min mở va-li ra thì thấy... một chiếc xe hơi tí-hon chạy bằng điện, của trẻ con chơi, bị người chủ bỏ quên và ông tắt máy!

Có vậy thôi mà cũng sợ hết hồn!

# Sách báo mới

- **Phim mới** — Quân-nhiệm : **Lâm-Xuân-Mai**.  
(Tòa-soạn : 175, Bến Chương-Dương — Sài-gòn)  
Tập-san Điện ảnh. Xuất bản mỗi tháng 2 kỳ vào ngày 1 và 15.  
Gồm 24 trang lớn — Giá 6\$.
- **Bảng chia điểm tổ chức hành** của **Lê-tương-Ứng** —  
Ty tiểu học — An-Giang.  
Bảng này rất giản dị. Cộng điểm và chia điểm nhanh.  
Tiện lợi cho các giáo viên. Mỗi bảng 4\$.
- **Tự luyện toán** — của giáo-sư **Từ-Phát**.  
(Nhà xuất bản Thanh-Quang — Sài-gòn)  
Quyển toán đố gồm 500 bài — 70 bài mẫu — 430 bài tập có  
giải đáp. Soạn theo chương trình mới của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.  
Dành cho học sinh các lớp Nhì, Nhứt. Luyện thi Tiểu học và Đệ.  
Thất. Dầy 252 trang — 40\$.
- **Tiểu Thuyết Thứ Bảy** — Giám-Độc, Quản-lý : **Huỳnh-  
ngọc-Đại** — Thư ký tòa-soạn : **Anh-Huy**.  
(Tòa-soạn và Ty-quân-Lý : 179, Bến Chương-Dương — Sài-gòn)  
Tuần-san phát-hành vào ngày Thứ Bảy, với sự cộng tác của  
các Văn Thi-sĩ : **Đông-Hồ, Mộng-Tuyệt, Trọng-Lang,  
Văn-Lang, Bình-nguyên-Lộc, Kiên-Giang, Thâm-thệ-  
Hà, Sơn-Nam v.v...**  
Số ra mắt phát-hành vào sáng Thứ Bảy 30-4-60 biểu không  
độc giả. Số 1 ra ngày 7-5-60.

● **Nghị-luận Anh văn** của Giáo-sư **Tạ-Tuyên và  
Nguyễn-Hà-Bồng** (Nhà xuất bản **Cấp Tiến** 32B, Thủ-khoa-  
Huan — Sài-gòn).

Gồm 34 đề nghị-luận Anh văn, kèm theo những bài dịch ra  
tiếng Việt. Rất cần ích cho các thí sinh thi Tú-tài sinh ngữ và các  
bằng Lower certificate và Proficiency. Sách dầy 200 trang, in trên  
giấy đẹp — giá 55\$.

● **Quê hương, số 10, tháng 4, 1960**

Nguyệt san nghiên-cứu chánh-trị, kinh-tế, văn-hóa, xã-hội. Có  
những bài của ô.ô. Trần-văn-Minh, Phan-trọng-Quý, Nguyễn-cao-  
Hách, Phạm-xuân-Ân, v.v.. Toàn các bài nghiên cứu có giá trị.  
Giá 15\$

● **Xây dựng đời sống xã thôn.**

(của ô. Khắc-Minh **PHAN-HUY-ANH** chủ-tịch Hội-Đồng tỉnh  
hạt 27 đường Lê-Lợi, Hội-An. Quảng-Nam.)

Một quyển sách khảo sát rất công phu một số vấn đề về việc  
tổ chức hành-chánh ở các xã thôn dưới chế độ Cộng-hòa hiện tại.  
Giá 30\$

● **Khói sương muôn dặm.**

Thơ của **HOÀNH-SƠN**

Tổng phát-hành : Như ý, 324 Võ-di-Nguy, Phú-nhận giãđịnh  
21 bài thơ với các đề tài như *Kéo giàng, Trên nền xưa cung cấm,  
Ân-Đức Mẹ v.v.* giá bán 30\$

## LỚP TỐI TRƯỜNG XUÂN THU

380. Phan Thanh Giản — Saigon.

Giấy phép số 14.500 — GD/HV của Bộ

Quốc Gia Giáo Dục

Đặc biệt dành cho người lớn

16/5/60 Khai giảng (7 giờ tối) Các lớp :

- Luyện thi Tú tài 1 kỳ 2
- Luyện thi Tú tài 61 (ôn kỹ lớp Đệ III)
- Luyện thi T.H.Đ.N.C. 61 (ôn kỹ lớp Đệ VI)
- Luyện thi T.H.Đ.N.C 61 (ôn kỹ lớp Đệ V)
- Anh văn 6è, 5è, IV, III, II.



Truyện dài của cô VÂN NGÀ  
(Tiếp theo P.T. số 33)

Người ấy đưa cho tôi một túi cứu thương đầy đủ những thuốc men cần thiết. Tôi băng bó cho các người kia mãi đến sáng mới xong. Người ta liền khiêng các thương binh xuống một chiếc đò êm ái hơn để đi về Thác-Lác là một căn cứ tạm cách nhà tôi non bầy ngàn thước, nếu xuôi theo con kinh trước nhà tôi trong khi nước lớn. Đường bộ về đó dài hơn bốn lần, và không được kín nhem. Cả bộ đội lần lượt rút theo liền sau đấy.

Anh Ba tôi từ già chúng tôi và cùng các em :

— Bộ đội sẽ lưu động nay đây mai đó, nhưng trong khi đóng gần đây lúc nào rảnh tao sẽ về thăm tại bần.

Anh tôi không có dịp về thăm nhà lần nào nữa hết. Và gia đình chúng tôi lại trải qua một mẻ sợ kinh hồn để bù lại những giờ khắc lạc quan kia.

Đó là vào một buổi sáng nọ, cách hai mươi ngày sau khi bót Giồng-riêng bị chụp. Trời mới tinh sương, cây cỏ còn đầm đìa những giọt sương mai, và trong lúc tôi vừa đem nồi cháo cám ra, chuông lợn thì tôi bỗng nghe có tiếng ghe máy sinh sịt tiến đến rất gần. Còn đang ngẩn ngơ chưa kịp hiểu, tôi đã thấy sau chòm cây ở ngã ba kinh trước nhà có một chiếc ghe máy lù lù tiến ra, ghim thẳng mũi vào bến nước. Trên ghe máy, đen ngòm người ta và có súng ống chom chồm. Những người ngồi trên ghe máy đều là người Thổ và Chà chớp mắt trắng giả thấy ghê hồn.

— Trời ơi ! Tây bố !

Tôi quăng nồi cháo, chạy vội vào nhà. Nguy hiểm hơn nữa là nhà tôi mới có một anh cán bộ nọ ghé vào xin tạm trú hồi hôm. Cặp đựng tài liệu và khẩu súng lục của anh còn để ở nhà trên...

Bọn lính Thổ ừa vào nhà trong

## KIẾN TRINH

lúc mọi người đều hoảng hốt không kịp xoay trở gì ráo. May thay, anh cán bộ nọ vừa đi ra đồng ban nãy để làm việc cần kíp và chưa trở vào, hẳn anh nghe có động tịnh trong nhà nên cao bay xa chạy rồi. Nhưng còn lại chiếc cặp da của anh, chiếc cặp báo hại hết sức có thể làm chết hết cả nhà tôi, lại để tro tro sau lưng em Năm mà không có cách gì khiến cho nó biến mất tang đi được !

Bọn lính Miên thấy trong nhà toàn là đàn bà con nít run rẩy và sợ sệt nên cũng dễ người :

— Ai ngồi đầu thì ở đó. Hề nhút nhít một cái, ông lớn bần bẻ đầu !

Chúng chia tay chiếm-đoạt những vật dụng quý giá trang bày ở các tủ. Chúng tôi chết từng giây phút trong lòng : sớm muộn gì đây chúng cũng khám phá ra chiếc cặp da nọ. Bỗng mé sau vườn có nhiều tiếng trũng giởn om-sòm với tiếng heo kêu en ét. Bọn lính trong nhà chạy ra cửa sau nhìn ra thấy tốp bạn của chúng đưa thì leo hái dừa, đưa đang bẻ vú sữa,

đưa lại ví bắt heo, vui vẻ quá đỗi. Chúng vội kéo ra tiếp tay, chia phần.

Công việc bận rộn của chúng lại là cái may bất ngờ và không thể tưởng tượng được của chúng tôi. Em Bầy tôi tuy còn nhỏ tuổi nhưng rất lanh-lợi, đã thừa dịp ấy ôm ngay lấy chiếc cặp da chạy lên ra sân trước. Nơi ấy, có trồng một đám mía, lá dày bịt và cao khỏi đầu người, mà em tôi vẫn hay chơi đánh du-kích. Đám mía ấy về phía bên tay trái, chạy dài đến mé nước một con rạch cùng ăn thông ra sau đồng. Chúng tôi nén thở phập phồng lắng nghe một lúc không có thấy gì lạ, biết ngay em tôi đã thoát thân được rồi, lòng nhẹ nhõm cả đi như vừa trải qua cơn ác-mộng.

Bọn lính kia mổ heo, bắt gà, phá tán vườn tược xong rồi lại chia nhau vào vơ vét đồ đạc trong nhà, thứ gì cũng lấy không chừa. Chúng lại dọn sạch mía, bó lại thành nhiều bó, vác xuống ghe máy.

Chúng tôi thấy trời đã chiều, lòng mừng thầm là chúng sắp phải lui binh. Nhưng tên đội người Miên chỉ vào tôi và bảo :

— Cô này phải theo tội tôi.

Má tôi vội bảo:

— Con tôi làm gì mấy ông bắt?

— Nhà này có chứa du-kích. Tôi bắt chủ nhà.

Má tôi phân trần cách nào hẳn cũng không nghe. Tôi đành phải xuống ghe máy đi với chúng. Khi ghe ra đến đầu kinh, tôi thấy một tốp lính Việt bố-trí ở đấy. Chiếc ghe máy đi đầu cập vào bờ cho tốp lính nọ lên. Một thiếu úy người Pháp chỉ huy, trở tôi và bảo người thông ngôn hỏi:

— Tại sao cô này bị bắt?

Người đội Miên trả lời:

— Tại nhà đó bị tình nghi.

Người thông ngôn lại hỏi tôi. Tôi thuật cho y nghe; chính tôi không biết tại sao người ta đến cướp phá nhà tôi và bắt luôn tôi theo nữa. Khi người thiếu úy Pháp nọ nghe xong chuyện, tỏ ý bất bình và rầy rà tên đội nọ đã làm ngang. Đã từng nghe nói nhiều về cách đối đãi bạo ngược của quân lính Pháp, tôi sợ lắm và không hiểu số phận mình rồi sẽ ra sao. Tôi liếc mắt nhìn người thiếu úy nọ thấy y

còn trẻ, cao và ốm, tướng không phải là con nhà võ, lại mang kiến trắng in như anh học trò mới ra trường.

Tôi liền hỏi người thôn ngôn.

— Mấy ông đưa tôi đi đâu?

— Về Giồng-riêng.

— Tôi con nhà tử-tế. Lại đã có chồng. Tôi không có tội gì hết. Mấy ông không được ghẹo phá tôi. Nếu không, tôi sẽ dám liều mạng lắm.

Người thông ngôn nói lại cho viên thiếu úy nghe. Viên nọ bảo:

— Cô đừng lo chuyện ấy. Không ai khinh dễ cô hết.

Ghe máy ra khỏi vàm Cái đước nhỏ, chạy giữa giồng sông lớn. Chiều đang hấp-hối trên làn nước rộng giăng-giăng một màu tím ửng. Tôi nhìn những cụm mây hồng còn chút đỉnh viền vàng chung quanh đang rã rời tản mát trên rặng cây xanh mù mà ngổn ngang tắt dạ, không hiểu rồi đây còn được trông thấy cái cảnh quen thuộc này nữa chăng? Hai bên bờ sông đã tối đen, còn lơ mờ những bóng cây dừa ú-rú với dăm ba đóm lửa của nhà ai sao mà buồn hiu-hắt.

(Còn nữa)

# BỐN PHƯƠNG

DIỆU-HUYỀN  
và BẠCH-YẾN



## \* Ô Huy-Long, II B Lê Lai Phan-Rang.

● Chính chữ *Phan-Rang* là do chữ Chăm PANDURANGA. Nhưng vì tiếng Chăm không có accent tonique ở trên vần *du* và vần *ga*, nên khi đọc hai âm thanh đó rất nhỏ, chỉ còn nghe *Pand-rang* (chứ không phải *Prandarang* như ông nói) hoặc là *Pandarang*. Tất cả các sách khảo cứu về Đế quốc Chăm đều ghi rõ PANDURANGA, và cũng do đó mà có: cap *Padaran* ở Phan-Rang.

● Không có sách sử nào nói tên những người đầu tiên mới đến ở trên các châu Âu, Á, Phi, Mỹ, Úc. Theo *Thành kinh* của đạo Gia Tô, trong *Cựu ước* thì hai người đầu tiên mà Chúa Trời tạo ra để sống trên trái đất là ông *Adam* và bà *Eve*. Cap vợ chồng thứ nhất này sinh ra *Cain* và *Abel*. Abel bị Cain giết chết. Cain sinh ra *Hénoç*, Hénoç sinh ra *Irad*. Irad sinh ra *Mehujaël*, Mehujael sinh ra *Metuschaël*, Metuschael sinh ra *Lemec*, Lemec có hai vợ: *Ada* và *Tsilla*. *Ada* sinh ra *Jabal*, *Jubal*. *Tsilla* sinh ra *Tubal-Cain* và *Naama* (con gái) v.v.

Adam và Eve sống đến 130 tuổi, lại sinh ra người con thứ 3, đặt tên là *Seth*. Từ đó, Adam còn sống đến 800 tuổi (tám trăm) và sinh nhiều con trai con gái nữa. Đến 930 tuổi thì Adam chết.

## \* Ô Trần-q-Bảo, số 4 kiệt 4, Bạch-Đằng, Huế.

Tên trùng trong gia phổ, có hại gì? Nhưng nếu bạn muốn đổi thì phải làm đơn đưa lên Tòa án Huế. Bạn đến Tòa hỏi các chỉ dẫn rõ ràng hơn.

## \* Ô. Huỳnh-văn-Vàng. Poste restante, Vĩnh Long

Địa chỉ Bắc-Si Hoàng-mộng-Lương: 98 Võ-Tánh SAIGON.

8-7-1-89  
1

★ Lê thị Hương, Huế.

● ● Mặt trời, mà chúng ta thấy mỗi ngày chiếu ánh sáng trên quả đất, chỉ là Mặt trời riêng của Thái-dương hệ, chứ không phải là Mặt trời chung của vũ trụ vô biên, của muôn ức triệu triệu « tinh tú » khác. Nó chỉ là một trong muôn ức triệu mặt trời khác của muôn ức triệu triệu hệ thống tinh tú khác.

Mặt trời của chúng ta, chỉ ngự trị trong một vũ trụ bé nhỏ, gọi là Thái dương hệ (système solaire) gồm có 9 Hành tinh. Kể theo thứ tự gần xa đối với Mặt trời : 1) Thủy tinh (Mercure, gần mặt trời hơn hết), 2) Kim tinh (Vénus = sao Hôm hay sao Mai, sao Thái bạch), 3) Địa cầu (Trái đất của chúng ta đang ở), 4) Hỏa tinh (Mars), 5) Mộc tinh (Jupiter) 6) Thổ tinh (Saturne) 7) Uranus. 8) Neptune. 9) Pluton. Tất cả 9 hành - tinh này đều quay xung quanh Mặt trời. Mặt trăng là một vệ - tinh của Trái Đất, xoay chung quanh trái đất. Hỏa tinh có 2 vệ-tinh, mộc-tinh có 11 vệ-tinh, Thổ-tinh có 10 vệ-tinh, Neptune có 7 vệ-tinh. Cả thấy 9 hành-tinh và 31 vệ-tinh ấy, với Mặt Trời ở giữa, gọi là Thái-dương-Hệ. Thái-dương-hệ chỉ chiếm một khoảng không-gian bé nhỏ mà thôi, (bé nhỏ đối với vũ-trụ vô lượng vô biên) chứ không phải là trung tâm điểm của vũ-trụ. Ngoài Thái-dương-hệ của chúng ta ra, còn có muôn ức triệu « thái-dương-hệ » khác, không thể nào đếm được. Những « ngôi sao » mà bạn thấy ban đêm lấp lánh « trên trời », đó là muôn ức triệu Mặt Trời khác, hành-tinh hoặc hành-tinh khác, của muôn ức triệu triệu thế giới khác. Trong mục này, chỉ có thể tạm đáp bạn sơ-lược thế thôi... Sẽ có dịp nói nhiều hơn.

● Cây thùy-dương là một tên khác của cây dương-liều, hay là lệ liễu (saule-pleureur).

★ Đại-úy Bửu Tương, kbc 4640

Chữ *asister*, đọc là « át-xít-tê », như ông nói là đúng. Nếu ông Bộ-trưởng Giáo-dục đọc « át-dít-tê » là sai. Hay là Đại-úy nghe lầm, chứ không lẽ ông Bộ trưởng lại đọc sai ?

★ Ô. Đỗ-Huyền, Công-Chánh Bình Tuy.

● Đem năm ngũ mà « bị mọc dề », là do nhiều nguyên - nhân ; hoặc bị trúng gió, hoặc bị tê-liệt một bộ phận thân thể, như tay chân bị kẹt, bị tê chằng hạn làm cho máu không lưu thông được, hoặc bị một ác mộng (nằm chiêm bao thấy những chuyện dữ) hoặc bị nghệt thở v.v.. chứ chắc chắn là không phải bị ma dề. Trong lúc ấy tứ chi không cử-động được, miệng la nói không được, vì giòng máu trong tim bị ứ lại nơi một bộ phận nào đó. Nhưng mình rán

BẠN ĐỌC VIẾT

★ Trả lại cho César..

(của cô Kiều Lam, Nữ-giáo sư Saigon)

Trong Phò-Thông số 31 ông LƯƠNG-TRỌNG-MINH có thắc mắc về bài « Vịnh-Kiều » : Tác-giả bài thơ ấy là ai ?

Tôi đã theo dõi Phò-Thông từ số 31,32,33, tôi rất hân hoan được nghe hai ông bạn : Yến-Long (Qui-Nhơn) và Vô-Danh (Blao) thuật lại giai thoại, nguyên nhân, xuất xứ bài thơ Đường-luật « Vịnh kiêu » ấy.

Một bạn nói bài thơ ấy của anh Khóa, một bạn nói là của Ông Tư Vời. Hai bạn nói có hai sắc thái riêng biệt nhưng cùng chung một quan điểm làm sáng tỏ vấn đề.

Tôi xin có đôi ý kiến góp bàn đề rộng đường tranh luận. Nguyên trước kia, tôi có một người chị học « Trung - học Bình-dân » miền Nam Trung Bộ, vào thời kháng chiến chống Pháp. Thuở đó, thi sĩ Tế-Hanh dạy giảng văn có giảng nghĩa và phê bình nội dung và hình thức bài thơ « Vịnh Kiều » ấy.

Thi-sĩ Tế-Hanh bảo bài này là của cụ PHAN-BỘI-CHÂU sáng tác đề tặng TỪ-ĐẠM. (Tổng đốc nổi tiếng ăn hối lộ ở Bắc kỳ). Cụ Phan-bội-Châu khi hoạt động cách mạng nghe tiếng Từ -Đạm (cố nhiên là « lưu xá » chứ không phải « lưu danh » như trường-hợp Cụ Phan-bội-Châu tìm gặp thi sĩ Tú-Xương).

Cụ ghé vào thăm, tìm cách khuyên giải Từ -Đạm là nên làm những việc ích quốc lợi dân, Từ-Đạm không nghe. Cụ Phan ra về và chép tặng bài thơ « Vịnh Kiều » như trên, mục đích đả kích vì trong ấy có nói « xía » đến hai chữ Từ-Đạm (Từ-Hải và Đạm-Tiên)

Theo thiên ý của tôi, thi sĩ Tế-Hanh có dụng ý tuyên truyền cổ võ cho cách mạng, chứ nhà cách mạng chân chính như Cụ Phan-bội-